

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ

gamagapix (pixabay.com)

*“Tụng đến ngàn câu vô nghĩa chẳng bằng
một câu có nghĩa lý, nghe xong tâm liền
tịch tịnh.”*

(Pháp Cú, Phẩm Ngàn, Câu 100)

119

THÁNG 10.2021



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **gamagapix (pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hướng về.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **ĐỜI GIẢ TẠO, THIÊN HÀNH...** (thơ Thăng Hoan), trang 8
- ♦ **BIỆN TRUNG BIỆN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thăng Hoan), trang 9
- ♦ **ĐI QUANH MỘT VÒNG VỚI CÁC ĐẠO TRÀNG AN CƯ - 2021** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **6 BÀI HÀI CỤ CỦA CHÚNG ĐIỀN SƠN ĐẦU HÒA** (Pháp Hoan dịch), trang 14
- ♦ **THỨC LIỆM THÂN TÂM LÀ GIỮ GÌN CHÁNH PHÁP** (Quảng Tánh), trang 15
- ♦ **THẦY (5) (6)** (thơ Đồng Thiện), trang 16
- ♦ **ĐỨC PHẬT VÀ PHÁP GIÁO HÓA CỦA NGÃI** (HT. Thích Đức Thắng), trang 17
- ♦ **NHỚ THẦY, NẮNG TRƯA...** (thơ Phù Du), trang 22
- ♦ **BỒ THÍ ĐÚNG PHÁP** (Thích Thanh Thắng), trang 23
- ♦ **TIẾN CHỊ** (thơ TN Giới Định), tr. 24
- ♦ **ĐỈNH ĐÔI KIM THÂN** (Nguyên Siêu), trang 25
- ♦ **THOÁT ĐÃ PHIÊU BÔNG** (thơ Nguyễn Văn Sâm), trang 27
- ♦ **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ**, t.t. (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), tr. 28
- ♦ **TỨ KHÚC LỤC BÁT "HOA"** (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 32
- ♦ **CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG CHẾ ĐỘ NGỖ ĐÌNH ĐIỆM, VNPG Sử Luận**, (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **CHÁNH NIỆM VÀ TÌNH THỨC –** (Nhóm Áo Lam), trang 38
- ♦ **THIÊN TẬP VỚI TRÉ EM** (Nguyên Giác), trang 39
- ♦ **CHIẾC CẦU QUÊ HƯƠNG** (thơ Minh Giới Nguyễn Thiện), trang 41
- ♦ **ƠI CON CHIM CHIÊN CHIÊN** (Trần Hoàng Vy), trang 42
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Hoàng Long), trang 47
- ♦ **CÓ GÌ ĐÓ TRONG BÓNG ĐÊM...** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 49
- ♦ **NHẠC SĨ IRVING BERLIN VÀ BẢN NHẠC LỬNG DANH...** (Huỳnh Kim Quang), trang 50
- ♦ **TRUNG THU KHÔNG TRĂNG...** (thơ Diệu Viên), trang 54
- ♦ **TỈNH LẠNG** (Hạnh Thuần), trang 55
- ♦ **VIỄN TÂY** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 56
- ♦ **MĂNG KHO CHAY** (G. Phương), trang 57
- ♦ **SỰ DÙNG DƯỢC PHẨM Ở NGƯỜI CAO TUỔI** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ♦ **MÂY, QUÉT BỤI TRỪ BẦ...** (thơ Chánh Năng), trang 60
- ♦ **VIÊN KIM CƯƠNG CUỐI CÙNG** (Huệ Trân), trang 61
- ♦ **THẤY VÀNG DƯỚI NƯỚC** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 63
- ♦ **STORY OF SAMANERA SANU** (Daw Tin), trang 64
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 65
- ♦ **TIẾNG CHIM TRONG THÀNH NỘI...** (thơ Nguyễn An Bình), tr. 66
- ♦ **HỘ TƯƠNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 68
- ♦ **LỖI MÒN, TRĂNG SÓT** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 71
- ♦ **PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 10...** (Thanh Huy), trang 72
- ♦ **QUẢ NHÂN, THIỆN NGHIỆP TU THÂN** (thơ Thực Uyên), tr. 75
- ♦ **GÂN PHẬT VÀ XA PHẬT** (Truyện cổ Phật Giáo), trang 76
- ♦ **NGỖ THOÁT – chương 9, t.t.** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 81

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 119, tháng 10 năm 2021, do Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ân phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

CẢM HOÀI TỪ NHỮNG CƠN MƯA

Bên cửa sổ, tia nắng chiều thu len vào. Gió mơn man rung nhẹ lá cây vườn ngoài. Lá vàng lá xanh cùng phôi mình quanh cội cây già. Mùi cỏ thơm dịu dịu gây nỗi nhớ bằng quơ. Tiếng vĩ cầm du dương đầu đó dịu dặt đưa hồn về cảnh cũ quê xưa.

Cảnh cũ từng mông thoáng ẩn thoáng hiện trong trí nhớ khi hoài niệm những mùa mưa qua đi...

Những ngày mưa đông. Sấm động đầu đó làm con trẻ sợ hãi nép bên mẹ. Bão lớn quét qua thành phố biến hiện hòa. Mưa rơi ào ào. Gió giật giàn bông giấy trước ngõ. Nước ngập đầy sân. Nước cuộn cuộn trên đường. Trường học đóng cửa. Trời lạnh buốt da. Mẹ mặc áo ấm cho con mà vẫn hỏi con có đủ ấm không. Rồi mẹ ôm con, hát cho nghe bài Mưa Đông (1). *"Mưa đông rơi từng cơn trong gió rét buốt / Có những em chưa từng vui thú nô đùa..."* Giọng mẹ ấm êm ru trẻ chiều đông lạnh. Nước mắt con lăn dài, lăn dài. Mẹ dạy con chữ hiểu, chữ nhân đầu đời.

Những ngày mưa thu. Mưa lất phất bay trên đường từ phố biển về căn phòng nhỏ trên đỉnh đồi. Chú tiểu thông thả đi bộ dưới làn mưa càng lúc càng nặng hạt khi thiên hạ nhốn nháo tìm nơi trú ẩn. Trầm tư gì giữa cuộc đời đảo điên, lòng người man trá. Mưa rơi sũng ướt chiếc áo nhật bình lam. Vẫn thông thả bước đi, bước đi. Nước trên đường ngập cả đôi giép mòn gót, và ngập lên cả đôi bàn chân như chưa hề chạm vào thực tế của mặt đất trần gian. Dẫm lên dòng nước đục hay dẫm lên hồn nước mấy ngàn năm dồn đau oằn mình dưới sức nặng của cuồng vọng vô minh. Về núi phôi áo nhin ăn, trà sen thơm ngát đêm trăng lạnh. Thăm lặng buồn một mình nỗi buồn không tên da diết. Tuổi mới lớn, suy nghĩ hay buồn gì nơi đời thường mà mắt xanh phóng về tận trời xa. Cùng trên núi này, những thiên thần tài hoa lần lượt đi về phương nam (2). Chú tiểu bơ vơ, khóc khô thân phận mồ côi hay khóc đau nhân sinh khổ lụy. Đường phương nam đầy đọa gót lữ hành.

Chiều mưa công viên. Hẹn hò đời nhau, duyên nào nịu gọi, ai biết. Mưa rơi tầm tã không thấy bóng xe qua. Dưới cây run lạnh, ướt đầm những hồn lưu lạc. Tuổi trẻ tay trắng, chỉ có tình yêu là nơi gửi trọn tâm chí cuồng nhiệt, đắm say.

Quán trọ qua đêm, che dù dạo quanh phố lạ. Mỗi gót lữ hành, đường đi quanh mưa rơi rả rích. Ánh lửa nhìn sâu, hỏi đường quay về giấc mộng ngày xưa. Xa nhà, xa quê, sỏi đồng hoang đùa vui dưới ánh trăng mờ. Dằng dặc nỗi nhớ quê cha, thoáng đầu vọng về hồi chuông triêu mộ. Gậy nhà thiền gõ nhịp đêm thâu. Bước chân ai dội về mặt ngón bát-nhã. Chia tay, chia tay, lại chia tay. Vượt qua đời sinh-diệt.

Cơn mưa nào rơi mãi giữa hư không.

Con sông nào lưu luyến bờ bãi lạ.

Có một thời mưa đã rơi. Có một thời dòng sông bắn khoả, ngập ngừng.

Nhưng rồi mưa sẽ thôi không rơi, sông sẽ thôi không dừng.

Nhớ những ngày mưa không phải là nhớ những giọt mưa.

Nhớ dòng sông không phải là nhớ luồng nước lặng lẽ.

Mưa hay sông, rồi cũng về biển lớn.

Hoài niệm những ngày mưa là khơi lại tiếng hát mẹ ru, khơi lại hình ảnh chú tiểu dầm mưa dưới phố, để tìm về cái tâm sơ khai một thời trên đỉnh non cao—nơi chí nguyện ban đầu khởi phát.

Tất cả rồi sẽ qua đi; không gì lặp lại lần nữa trong dòng chảy xiết của thời gian; cũng không gì tái hiện y hệt trong cái vô cùng của không gian. *Mộng trùng lai không có ở trên đời* (3). Bóng cũ hình xưa, tiếng hát câu hò, hương thơm loài hoa dại, môi mộng tuổi xuân thì... chỉ một lần trình hiện rồi tan biến trong mộng dài thiên thu.

Cái còn lại là một khoảnh khắc rỗng rang, cô liêu cùng tuyệt, hiển hiện từ chính cái chỗ mà ảnh tượng (hay ý niệm) vừa vượt mất. Cái đó không thể hoài niệm; cũng không thể đương niệm; càng không thể khởi niệm. Cũng không thể nói thành lời. Ngay nơi khoảnh khắc đó, hãy trực nghiệm. Không như vậy, sẽ tiếp tục nhớ rồi quên, tương phùng rồi chia xa, cười rồi khóc, dầm đi dầm lại bao lần những vết mòn của thể nhân: dẹt gấm thêu hoa trong trường mộng, đắp xây lầu cát trên bãi biển sóng xô...

- 1) Ba thầy-trò, Thiền sư Tâm Như Trí Thủ cùng 2 môn đệ tài hoa Nguyên Tánh Phạm Công Thiện và Nguyên Chứng Tuệ Sỹ đều từ đời Trại Thủy, rời thành phố Nha Trang, dẫn thân vào phương nam, Sài-gòn, từ những năm xa xôi trước đó.
- 2) Bài hát Mưa Đông của tác giả Hoàng Cang. Lời như sau:
*"Mưa đông rơi từng cơn trong gió rét buốt
Có những em chưa từng vui thú nô đùa
Đi lang thang lạnh lùng trong gió rét mướt
Bán bánh mì kiếm tiền nuôi nấng mẹ cha
Điệp khúc: Nào ai vui sống ấm cùng no
Nhìn bao em ấy lòng xót chằng
Đi lao đao ngập ngừng trong mưa ướt át
Sống bơ vơ không nhà không cửa lỗ làng
Áo manh đơn lạnh lùng trong cơn gió rét
Mang bánh mì đi ngoài đường khuya mùa đông."*
- 3) Trích từ bài LỜI VĨNH BIỆT (L'Adieu), thơ Guillaume Apollinaire, Bùi Giáng dịch:
*"Chúng ta sẽ không tương phùng được nữa
Mộng trùng lai không có ở trên đời..."*



Photo: trilemedia (pixabay.com)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

TÍCH LAN: Nữ Phật tử Tiên phong, Ni sư Tiên sĩ Kusuma viên tịch ở tuổi 92

Ni sư, Tiên sĩ Kusuma Devendra, nhà tu hành, học giả và là tiếng nói nổi tiếng của Phật giáo là đã viên tịch vào cuối ngày thứ Bảy tại Tích Lan ở tuổi 92 tuổi.

Ni sư Kusuma trở thành tỳ kheo ni Tích Lan đầu tiên trong 10 thế kỷ và, được ghi nhận là người đi tiên phong trong việc hồi sinh dòng Tỳ kheo ni Nam Tông ở Tích Lan. Bà tiếp tục thuyết pháp khắp nơi trên thế giới, thành lập và lãnh đạo Trung tâm Thiền Quốc tế Ayya Khema ở Horana, miền tây Tích Lan.

Trong phần lớn thời gian đầu của mình, Kusuma Devendra là một học giả, nghiên cứu sinh học phân tử ở Hoa Kỳ và giảng dạy khoa học và tiếng Anh tại trường đại học. Bà chuyển sang Phật giáo sau khi nhận ra rằng khoa học không thể trả lời tất cả các câu hỏi của bà về bản chất của sự tồn tại. Sau đó, bà đã lấy được hai bằng Tiến sĩ - một bằng về Tỳ kheo ni ở Tích Lan, và một về Luật tạng (là sự phân chia của giáo luật Phật giáo liên quan đến các quy tắc và thủ tục quản lý tăng đoàn tu viện Phật giáo).

Ni sư Kusuma đã đi du lịch đến Hàn Quốc và Đài Loan để nghiên cứu các dòng truyền thừa đương thời của nữ giới xuất gia. Và vào năm 1996, bà chính thức thọ giới tại Sarnath ở Ấn Độ cùng với 9 phụ nữ khác, dưới sự giám sát của các tỳ kheo ni thuộc tăng đoàn Hàn Quốc của Dòng Chogyo, trở thành Tỳ kheo ni Tích Lan đầu tiên

trong 10 thế kỷ.

(HOME: Buddhistdoor Global - September 1, 2021)



Ni sư Tiên sĩ Kusuma
Photo: facebook.com

TRUNG QUỐC: Cam Túc bắt đầu dự án bảo vệ các hang động Phật giáo của tỉnh

Tỉnh Cam Túc ở tây bắc Trung Quốc đã khởi động dự án trùng tu một phần quan trọng của Hang động Chùa Mati ở thành phố Zhangye, một khu bảo vệ di tích văn hóa quan trọng của quốc gia.

Công trình tập trung vào một trong những điểm tham quan chính của địa điểm có tên là Động Ngàn Phật, nơi có 8 hang động nằm trong số những hang động được bảo tồn tốt nhất trong toàn bộ khu vực.

Để bảo tồn địa điểm tốt hơn, một dự án số hóa đã bắt đầu vào tháng 6, và một cuộc điều tra khảo cổ học với sự tham gia của các nhà

nghiên cứu trong và ngoài nước cũng đang được tiến hành.

Dự án dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 2-2022.

Được xây dựng lần đầu tiên vào khoảng 1,600 năm trước dọc theo con đường tơ lụa cổ đại, Hang động Chùa Mati nổi tiếng với các di tích Phật giáo, bao gồm hơn 500 tác phẩm điêu khắc màu cũng như các bức bích họa trải dài tổng cộng hơn 1,200 m².

(NewsNow - September 1, 2021)



Hang động Chùa Mati ở thành phố Zhangye, Cam Túc (Trung Quốc)

Photos: Google

NGA: Cuộc họp về Phát triển Giáo dục Phật giáo ở Nga được tổ chức tại Moscow

Ngày 30-8-2021, Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học ở Moscow đã chủ trì việc tổ chức các cuộc nói chuyện về sự

phát triển của giáo dục Phật giáo ở Liên bang Nga.

Cuộc họp này có sự tham dự của đại diện cho các vụ của Bộ Khoa học và Giáo dục Đại học, sự quản lý của Tổng thống Liên bang Nga, các trường đại học ở Moscow và các vùng Phật giáo ở Nga. Các nhà lãnh đạo nổi bật của các tổ chức Phật giáo Nga cũng đã tham gia sự kiện nói trên.

Các đại biểu đã thảo luận về việc phát triển các chương trình cấp bằng cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ về Triết học Phật giáo, và việc đưa các chương trình cấp bằng cử nhân vào các cơ sở giáo dục đại học của các nước cộng hòa Buryatia, Kalmykia và Tuva từ năm 2022. Cuộc họp cũng xem xét sự phát triển của Liên bang Giáo dục Tiêu chuẩn trong lĩnh vực Triết học Phật giáo.

Kết luận buổi làm việc, các đại biểu đã tổng kết những kết quả của khóa học bổ túc văn hóa Phật giáo đã hoàn thành tại Liên Bang Nga.

(Buddhistdoor Global - September 3, 2021)

TÍCH LAN: Chùa Phật giáo Tennessee ở Mỹ tặng một chiếc máy thở trị giá Rs. 2,3 triệu đến bệnh viện Karapitiya

Các nhà hảo tâm trong nước và ngoại quốc chung tay hỗ trợ điều trị y tế cần thiết cho người dân Tích Lan bị ảnh hưởng bởi Covid 19. Là một bước tiến xa hơn, một chiếc máy thở trị giá 2.3 triệu Rupees đã được trao tặng tại Bộ Y tế cho Bệnh viện Giảng dạy Karapitiya bởi Chùa Phật giáo Tennessee, Hoa Kỳ với sự tham gia của Tiến sĩ Sudarshini Fernandopulle, Bộ trưởng Chính phủ về Chăm sóc Sức khỏe Ban đầu, Dịch tễ và Kiểm soát Bệnh Covid.

Máy thở được tặng là Máy thở loại 100 ResMed Stellar để điều trị bệnh nhân người lớn và bệnh nhi có nhu cầu

hô hấp khác nhau.

Phát biểu tại sự kiện này, Bộ trưởng Sudarshini Fernandopulle cho rằng cần đánh giá cao sự đóng góp của tất cả các nhà hảo tâm, bao gồm cả người dân Tích Lan sống ở nước ngoài, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giai cấp hay đảng phái chính trị tại thời điểm này. Giúp đỡ đất nước và người dân trong tình hình thảm khốc và dịch bệnh là bản chất của những người Tích Lan yêu nước.

Thay mặt Chính phủ, Bộ trưởng cảm ơn Sư trưởng Trụ trì chùa Tennessee, Hoa Kỳ, Thượng tọa. Pinnagoda Rahula Thero, và tất cả những người đã đóng góp cho khoản quyên góp này.

(news.lk - September 5, 2021)



Chùa Phật giáo Tennessee ở Mỹ tặng một chiếc máy thở trị giá Rs. 2,3 triệu đến bệnh viện Karapitiya, Tích Lan—Photo: news.lk

ẤN ĐỘ: Chùa Đại Bồ đề ở Bồ đề Đạo tràng mở cửa trở lại cho công chúng sau nhiều tháng bị phong tỏa

Chùa Đại Bồ đề ở Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ, một trong những địa điểm linh thiêng nhất trong số các địa điểm Phật giáo trên thế giới, đã mở cửa trở lại cho công chúng vào ngày 27- 8 sau khi bị đóng cửa trong 5 tháng khi đợt nhiễm COVID-19 thứ hai bắt đầu quét qua đất nước.

Chùa Đại Bồ đề đã bị đóng cửa với công chúng vào ngày 10 - 4 để hạn chế sự lây lan nhanh chóng của loại coronavirus mới. Một

cuộc phong tỏa trên toàn bang sau đó đã được áp dụng tại Bihar vào ngày 5-5 sau khi sự gia tăng tại địa phương về số ca nhiễm COVID-19 được ghi nhận. Theo Ủy ban Quản lý Chùa Bồ Đề Đạo Tràng, có tổng cộng 3,400 tín đồ và khách du lịch đã đến thăm ngôi đền trong ngày đầu tiên mở cửa trở lại.

Hiện chỉ có 10 người mỗi lượt được phép vào khu bảo tồn bên trong của ngôi chùa, và tất cả du khách đến khu phức hợp chùa đều phải đeo khẩu trang. Các hoạt động tôn giáo hoặc nghi lễ không thể được tổ chức nếu không được sự cho phép của quan chức quận.

(Buddhistdoor Global - September 06, 2021)



Chùa Đại Bồ đề ở Bồ đề Đạo tràng (Ấn Độ)

Photo: newindianexpress.com

HAITI: Nỗ lực nhân đạo của Tổ chức Từ thiện Phật giáo Từ Tế được công nhận tại buổi lễ quyên góp sau trận động đất

Port-au-Prince, Haiti - Sau trận động đất mạnh 7.2 độ Richter xảy ra ở phía tây nam Haiti vào ngày 14-8-2021, Tổ chức Phật giáo Từ Tế đã kích hoạt hoạt động ứng phó thảm họa tại quốc gia này.

Để công nhận nỗ lực nhân đạo của hội và những nỗ lực của những đóng góp quốc tế khác, Đại sứ quán Đài Loan tại Haiti, Chính phủ Haiti và Công ty Xây dựng & Kỹ thuật Hải ngoại (OECC) đã tổ chức Lễ quyên góp tại Nhà kho Từ Tế Haiti ở Port-au-Prince vào ngày 7-9-2021 với sự tham

dự của Thủ tướng Ariel Henry của nước Cộng hòa Haiti, cũng như Đại sứ danh dự của Đài Loan tại Haiti, Richard Ku.

Các tình nguyện viên của Từ Tế Haiti và Đội ứng phó với động đất Haiti của Từ Tế, bao gồm các thành viên từ New York và California, cũng có mặt.

Sự kiện này đã ghi nhận sự đóng góp 25 tấn hàng viện trợ nhân đạo từ chính phủ Đài Loan, tổ chức Từ Tế và Hội Hồng thập Tự Đài Loan, bao gồm các máy tạo oxy, khẩu trang, quần áo bảo hộ, túi ngủ, khẩu phần ăn khô, lều, bạt, và bộ dụng cụ y tế.

Dấu ấn của các hỗ trợ của Từ Tế tại Haiti bắt đầu từ năm 1998. Trong thập niên qua, Từ Tế đã xây dựng lại 4 ngôi trường bị phá hủy trong trận động đất ở Haiti năm 2010, cung cấp thường xuyên gạo và nhu yếu phẩm cho các gia đình nghèo khó, và thành lập một nhà kho trong khuôn viên để lưu trữ và tổ chức hàng cứu trợ.

(PR Newswire – September 9, 2021)



Tình nguyện viên Hội Từ Tế (mặc quân trắng, bên trái) cùng với Đại sứ Đài Loan tại Haiti (đứng giữa) và Thủ tướng Haiti (thứ hai, bên phải) tại lễ tặng hàng cứu trợ nhân đạo ở Port-au-Prince, Haiti—Photo: PR Newswire

NEPAL: Tu viện Phật giáo Dathu Baha 300 năm tuổi được tu sửa

BHAKTAPUR: Dathu Baha (Jetbarna Mahabihar) một tu viện 300 năm tuổi - có trụ sở tại đô thị Madhyapur Thimi -

ở Bhaktapur, đã được tu sửa.

Ngôi chùa Phật giáo không được tu sửa trong thời gian dài này phần lớn đã bị trận động đất tháng 4-2015 làm hư hại.

Các công việc trùng tu đã khởi động theo sự khởi xướng của Thị trưởng Madan Sundar Shrestha, và ngôi chùa đã được khôi phục lại theo cấu trúc nguyên bản.

Bốn mặt của tu viện được tái tạo theo phong cách kiến trúc thời đại Malla.

Đất sét vàng, trắng và đen đã được sử dụng cho việc tu sửa. Mặt trước của tu viện đã được cải tạo với chi phí 5.4 triệu Rupees, và với lễ khánh thành của Thị trưởng Shrestha, các nghi lễ hàng ngày ở đây đã bắt đầu.

(NewsNow – September 9, 2021)



*Tu viện Phật giáo Dathu Baha 300 năm tuổi sau khi được trùng tu
Photo: NewsNow*

ÚC ĐẠI LỢI: Viện Kim Cương thừa của Úc tổ chức Hội nghị Trực tuyến Toàn cầu về 'Đạo pháp trong cuộc sống hàng ngày'

Viện Kim Cương thừa, một trung tâm Phật giáo Tây Tạng theo truyền thống Gelugpa, tổ chức hội nghị trực tuyến 'Đạo pháp trong cuộc sống hàng ngày' miễn phí với các giáo viên, học giả, tác giả và bác sĩ y khoa từ khắp nơi trên thế giới. Được tổ chức tại Úc, với hầu hết những người thuyết trình trong nước và nước lân cận Tân Tây Lan, sự kiện sẽ quy tụ hơn 20 giáo viên hàng đầu để thảo luận về các chẩn đoán của Phật giáo về các căn bệnh hiện đại và các

công cụ để khắc phục chúng.

Hội nghị diễn ra vào ngày 11-9 từ 8:45 am - 3:00 pm Giờ chuẩn miền Đông Úc; nhằm ngày 10-9 từ 6:45 pm - 1:00 am giờ EDT (múi giờ miền Đông của Bắc Mỹ) đối với những người ở Châu Mỹ.

Trong số những người tham gia có các giảng viên hàng đầu B. Alan Wallace, một cựu tu sĩ Gelugpa và dịch giả, người đã trở thành một chuyên gia học thuật về Phật giáo Tây Tạng, và Ven. Robina Courtin, một nữ tu Phật giáo theo truyền thống Gelugpa và là người sáng lập Dự án Nhà tù Giải phóng. Cả hai diễn giả này thuyết trình từ Hoa Kỳ.

Các bài nói chuyện khác sẽ đến từ một số giảng viên đáng kính từ Tổ chức Bảo tồn Truyền thống Đại thừa (FPMT), và từ một số giảng viên khác từ các quốc gia khác nhau.

(Buddhistdoor Global – September 09, 2021)

CAM BỐT: Các đền chùa Phật giáo ở Cam Bốt mở cửa cho Lễ hội Pchum Ben trong bối cảnh cảnh báo Đại dịch

Trong bối cảnh các biện pháp phòng chống và kiểm soát đại dịch trên toàn quốc, Bộ Tín ngưỡng và Tôn giáo của Cam Bốt đã cho phép tất cả các tự viện Phật giáo trên toàn quốc tổ chức lễ hội Pchum Ben (Ngày Tổ tiên). Ông Chhit Sokhon, Bộ trưởng Bộ Tín ngưỡng và Tôn giáo, cho biết lễ Pchum Ben sẽ được tổ chức từ ngày 22-9 đến ngày 6-10 năm nay, sau đó là lễ dâng y Kathina kéo dài một tháng từ ngày 22-10 đến ngày 15-11.

Bộ trưởng Sokhon nói rằng lễ Pchum Ben và lễ Kathina sẽ được tổ chức tốt, cho phép các Phật tử tham gia mà không có nguy cơ bị lây nhiễm bởi COVID-19. Các tu viện phải tuân theo các hướng dẫn an toàn nghiêm ngặt của Bộ Y tế và chính quyền địa phương để thực

hiện các biện pháp phòng chống đại dịch.

Ông Sokhon nói: "Tất cả các chùa [tu viện] phải được quét dọn, trang hoàng, có đèn màu, cờ hiệu, cờ tôn giáo, cờ hoàng gia, biểu ngữ và khẩu hiệu để chào mừng lễ Pchum Ben và lễ Kathina, theo truyền thống của người Khmer".

(Buddhistdoor Global - September 10, 2021)

Hình ảnh lễ Pchum Ben hàng năm:



*Ảnh trên - Phật tử cúng dường chư tăng tiền, y phục cùng các vật phẩm khác
Ảnh dưới - Phật tử cúng thức ăn lên ông bà tổ tiên trong lễ Pchum Ben*



Photos: Buddhistdoor Global

TRUNG QUỐC: Đôi bàn chân của tượng Phật 1,600 năm tuổi đã được phục hồi

Việc trùng tu bàn chân của tượng Phật bằng đá có niên đại 1,600 năm trong hang động núi Tianti, một trong số những nơi lâu đời nhất của Trung Quốc, đã được hoàn thành.

Tượng Phật ở tỉnh Cam Túc, tây bắc Trung Quốc được xây dựng trên đá sa thạch đỏ mỏng manh bên cạnh một hồ chứa nước. Nước thấm và sự phong hóa đã làm hư hỏng các bộ phận của bức tượng bao gồm cả bàn chân.

Vào tháng 5-2020, dự án trùng tu tượng này được khởi động.

"Phần khó khăn nhất là công việc sửa chữa ở 2 bàn chân, nơi đã bị thấm nước nghiêm trọng", theo lời của Qiao Hai thuộc Học viện Đôn Hoàng, nơi đã thực hiện việc trùng tu. "Các công nhân đã rút nước từ nền và bãi đá xung quanh tượng Phật bằng đá này, loại bỏ các khối đá rời, tìm ra kích thước và đặc điểm ban đầu của đôi bàn chân bị hư hại nặng, và phục hồi nó về lại nguyên mẫu", Qiao nói. "Dự án có thể giúp bảo vệ phần nền của bức tượng lịch sử và khôi phục tính toàn vẹn tổng thể của nó".

Sơn động Tianti, nằm trong số các nguyên mẫu của động Vân Cương và động Long Môn, được giới học thuật Trung Quốc gọi là "tổ tiên của các hang động". Sơn động này được xây dựng lần đầu tiên vào triều đại Đông Tấn (317-420) và đang được bảo vệ cấp nhà nước.

(Big News Network - September 12, 2021)



*Đôi bàn chân của tượng Đại Phật 1,600 năm tuổi tại núi Tianti ở Cam Túc (Trung Quốc) đã được phục hồi
Photo: Big News Network*

NHẬT BẢN: Nhà chùa cung cấp mùi hương được làm từ công thức 1,000 năm tuổi

Để đánh dấu kỷ niệm 10 năm UNESCO công nhận Di sản Văn hóa Thế giới, các nhà sư Phật giáo đã hợp tác với cư dân địa phương ở thị trấn Hiraizumi, tỉnh Iwate bằng cách cung cấp các túi

có hương thơm được tái tạo từ một công thức vốn phát triển trong thời đại Oshu-Fujiwara từ cuối thế kỷ 11 đến cuối thế kỷ 12.

Các túi này gọi là 'Hiraizumi no Kaori' gồm 2 loại là Fumiko và Meishiko, đang trở nên phổ biến đối với khách du lịch cũng như người dân địa phương.

Túi Fumiko được đặt trong một lá thư để mang đến hương thơm ngon lành, trong khi túi Meishiko được đặt bên trong hộp đựng thiếp để truyền mùi thơm vào danh thiếp.

Các túi này được phát triển bởi Horei Nanto, 42 tuổi, một vị cao tăng tại chùa Motsuji, với sự hợp tác của cư dân địa phương. Các loại nước hoa được pha trộn từ 6 thành phần thơm dựa trên công thức cho mùi hương "kurobo", vốn được sử dụng cho các lễ kỷ niệm và các dịp trọng đại khác trong Thời kỳ Heian (794-1185).

Năm 2012, khách du lịch đến thăm Hiraizumi đạt 2.64 triệu người. Nhưng con số này đã giảm mạnh xuống còn 900,000 vào năm 2020 vì đại dịch COVID-19. Kết quả là, ngành du lịch vẫn ở trong tình trạng ảm đạm và nhiều sự kiện tưởng niệm đã bị hủy bỏ hoặc hoãn lại.

(asahi.com - September 16, 2021)



Những chiếc túi có hương thơm do các tu sĩ Phật giáo và cư dân địa phương ở Hiraizumi sản xuất dựa trên công thức 1,000 năm tuổi đang trở nên phổ biến



ĐỜI GIẢ TẠO

*Chen chúc nhau chi giữa chợ đời
Bôn ba danh lợi giọt sương rơi
Phong trần xám mặt bao càn liễu
Tóc điểm hoa râm mấy lớp người
Gác tía lầu son tường ảo mộng
Công hầu khanh tướng hỉ trường nơi
Thiếu thân lắm kẻ lao đầu mãi
Rốt cuộc còn chi phỉ hết rồi...!*

THIỀN HÀNH

*Lối về trong không lộ
Bước lên trên am mây
Ta đi bằng tỉnh thức
Cho hoa nở hương đầy.*

CHUÔNG TỈNH THỨC

*Ta có từ vô thi
Ta là của muôn phương
Ra đi bao giờ nhĩ
Lạc mãi giữa đường trần.*

*Qua rồi bao thế hệ
Đổi thay mấy lớp hình
Từ cơn trùng nhỏ bé
Chuyển sang kiếp nhân sinh.*

*Mang thân người nghệ sĩ
Đầy tim ủ men thơ
Nhạc thiêng về trong gió
Hòa cảm ta say mơ.*

*Bôn ba đời ảo mộng
Thân gầy mang thời gian
Đại khờ đua bắt bóng
Thất thủ ngã ba đàng.*

*Cô thôn chuông chùa đổ
Tiếng chuông quyện hồn thơ
Ngân lên lời giác ngộ
Ta quay về quê xưa.*



thơ THẮNG HOAN

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

b)- Giải Thích Nghĩa Mười Tên Không Điên Đảo:

**1- Nơi Văn Không Điên Đảo:*

Bài Tụng:

**"Biết chỉ do tương ứng, xuyên suốt
luyện tập hoặc vượt qua đây, có nghĩa
hoặc không phải có, là nơi văn không
điên đảo."**

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây chính là giải nghĩa nơi văn không điên đảo trong mười thứ không điên đảo. Tương ứng nghĩa là tùy thuận thông suốt trật tự thứ lớp trước sau của văn tự, đem nó ra rõ ràng không có gián đoạn; như làm một bài văn, hoặc giảng một đoạn ngôn ngữ, nghĩa thì có thứ lớp trước sau tương tục liên đới thông suốt, tức là tương ứng. Nói xuyên suốt luyện tập, nghĩa là đem văn tự luôn luôn luyện tập thành thông thạo xuyên suốt, như có thể làm văn và không thể làm văn. Có thể làm văn nghĩa là trên lý thì rõ ràng giống nhau một việc không sai trái, có thứ tự không hỗn tạp, thanh nhã mà giản dị hay khéo, đó là văn có ý nghĩa. Không thể làm văn, nghĩa là lời văn thô cứng sanh ra khó hiểu, tức là vì thói quen chỗ không thói quen, đó là văn không có ý nghĩa. Nó trật tự thông suốt thanh nhã thuần thực đây tức là văn có ý nghĩa có thể hiểu rõ được gọi là văn không điên đảo.

**2- Nơi Nghĩa (cảnh giới hai thủ) Không Điên Đảo:*

Bài Tụng:

**"Tương tự hai tánh hiển hiện, như
hiện thật không phải có, biết là khỏi có"**

không phải có, là nơi nghĩa không điên đảo."

Giải Nghĩa:

Tương tự hai tánh hiển hiện, nghĩa là có tâm năng thủ tướng tự và cảnh sở thủ tướng tự, hai hiển hiện đây đều là hư vọng phân biệt, tìm cầu thể tánh thật tại của nó thì không chỗ nào có cả. Tâm đã không nắm bắt được và Cảnh cũng không có chỗ nắm bắt được, nên gọi là: Như hiện thật không phải có. Biết là khỏi chấp có không phải có đây nghĩa là biết rõ hai thủ năng và sở chỉ là hư vọng phân biệt, không có thật thể, nhờ đó là khỏi sự chấp có; nhưng cả hai không phải là không có tướng hiển hiện của hư vọng phân biệt, nhờ đó là khỏi sự chấp không phải có. Do bởi là khỏi chấp có và chấp không phải có, cho nên có thể rõ thấu thật tướng Trung Đạo của Đại Thừa.

Xét ra nơi văn không điên đảo ở trước và nơi nghĩa không điên đảo chỗ đây chính là năm Pháp Tướng (Năm Pháp Tướng: sắc, thanh, hương, vị, xúc) phối hợp gắn liền với danh tướng phân biệt, v.v... Nơi văn không điên đảo chính là nơi Danh trong năm pháp không điên đảo. Nơi nghĩa không điên đảo chính là phân biệt không điên đảo nơi trong năm pháp Tướng; chữ Tướng đây tức là chỉ cho các thứ Tướng của năng thủ và sở thủ; chữ Phân Biệt đây tức là chỉ cho các thứ hư vọng phân biệt, có thể biết nghĩa đây tức là là khỏi các thứ chấp trước, cho nên gọi nơi nghĩa không điên đảo.

**3- Tác Ý Không Điên Đảo:*

Bài Tụng:

**"Nơi tác ý không điên đảo, biết kia nói
huân tập, nói tác ý nơi kia, vì hiện ra"**



HT Thắng Hoan

tương tự hai nhân."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Tác Ý không diên đảo. Biết kia nói huân tập, nghĩa là dùng trí để rõ biết ngôn ngữ của hai thủ Năng và Sở kia do tương tượng huân tập. Do có ngôn ngữ tương tượng huân tập thì có thể tạo thành các thứ nhân tố của danh ngôn; nhân tố của danh ngôn nơi phổ thông gọi là chủng tử, nhưng trong đây gọi là Tác Ý. Tác Ý là chỗ nương tựa sanh khởi của Năng Thủ và Sở Thủ kia, cho nên gọi là nương nơi kia. Chỉ nói tác ý là tại sao làm chỗ nương tựa nơi kia? Do nói tác ý tức là thông thường chỗ gọi tập khí hỷ luận, do tập khí này huân tập nơi A lại Da để làm nhân tương lai của tướng nhị thủ sanh khởi; nhờ khả năng hiểu rõ lời nói tác ý, cho nên có thể điều khiển trừ khử các thứ tập khí hỷ luận. Nếu như không lìa khỏi tập khí hỷ luận của Tác Ý, mặc dù ở nơi giáo pháp nhưng cũng sanh khởi sự phân biệt của Năng Thủ và Sở Thủ. Cho nên tu theo Pháp Hạnh thì chỗ cần yếu là trừ khử sự phân biệt của hỷ luận đây; như Kinh Kim Cang nói rằng: "Pháp còn nên xả hà huống là phi pháp"? Đây chính là nói nơi Phật Pháp khi đang phát khởi tác ý, liền lập tức thấu suốt pháp tánh lìa ngôn ngữ thì lúc đó các thứ phân biệt hỷ luận không còn tăng trưởng trở lại.

***4- Bất Động Không Diên Đảo:**

Bài Tụng:

"Nơi bất động không diên đảo, gọi là biết nghĩa không phải có, không phải không như huyền đẳng, vì có và không bất động."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích bất động không diên đảo. Bất Động nghĩa là khả năng khéo léo phân biệt các pháp mà không bị động nơi các pháp; như Kinh Kim Cang nói rằng: "*Không thủ nơi tướng, như như bất động*", tức là cùng trong chỗ đây ý nói bất động gần nhau. Nguyên do trong chỗ đây giải thích bất động nghĩa là chỉ cho khéo léo biết rõ nghĩa và văn mà trước đã nói đều là như huyền như hoá và đã lìa khỏi sự chấp trước không phải có của chúng cho nên được tự tại gọi là bất động. Như huyền như hoá chính là dụ vì thế có sai biệt. Sự sai biệt đây gồm có, hoặc nói là: sáu thứ, tám thứ, chín thứ, mười thứ. Nói sáu thứ là: như Kinh Kim Cang xưa dịch rằng: "*Như mộng, huyền, bào, ảnh, như lộ diệt như điện*." Nói chín thứ là: như Kinh Kim Cang của nhà Đường dịch. Nói mười thứ là: như Kinh Đại Bát Nhã. Nói tổng quát là hiển bày các pháp đã không có và cũng không phải không có. Vấn đề đây có thể dẫn đến sanh nghi hoặc, nhân vì đã là có thì phải không phải không, đã là không thì phải không phải có, là cái gì không phải có lại không phải không? Đây chính là chỉ cho vấn



đề Như Huyền và dựa theo đó giả hiện con ngựa, con quạ cũng có thể bay, cũng có thể chạy, nhưng kỳ thật chúng nó không có, cho nên gọi không phải có; tuy nhiên chúng nó mặc dù không thật thể, chỉ có giả tướng có thể thấy được, nên gọi là không phải không. Như thế từ nghĩa này mà suy nghiệm ra nơi tất cả vũ trụ vạn hữu cũng đều là như thế, nghĩa là năng thủ sở thủ không có chân thật nên gọi là không phải có, nhưng năng thủ sở thủ sở dĩ có là do loạn Thức hiển hiện, cho nên gọi là không phải không. Đã hiểu được nghĩa này thì có thể biết rõ tất cả pháp tướng đều là như huyền như hoá không phải có mà cũng không phải không, nghĩa là không phải hoàn toàn không chỗ biến động và không phải hoàn toàn có chỗ biến động. Nhưng còn thứ bất động (không bị động) đây chỉ trụ nơi một cảnh, nghĩa là khi dùng tu định có thể khiến tâm dừng nơi một cảnh và trước sau duy nhất chuyển chú tương tục! Bất động còn có nghĩa khác nữa là có thể thông đạt bản lai thật tướng của nhân vật vũ trụ, như như tương ưng, không có tính toán, không xoay chuyển về hướng không, không bị động nơi nhị biên, cho nên gọi là bất động. Đã chấp có chính là cộng thêm chủ quan, đã chấp không cũng chính là chủ quan bị diệt, cả hai đều không thì hợp với chân tướng của khách quan; chân tướng hợp với khách quan chính là không phải có không phải không, như huyền như hoá. Chữ Đẳng trong bài Tụng chính là chỉ cho lửa mặt trời, cảnh mộng, mặt trăng dưới nước, v.v...

***5- Tự Tướng Không Diên Đảo:**

Bài Tụng:

"Nơi tự tướng không diên đảo, biết tất cả chỉ có tên, lìa tất cả phân biệt, nương nơi tự tướng thẳng nghĩa."

Giải Nghĩa:

Tất cả pháp không ra ngoài tự tướng và cộng tướng; Tự Tướng đây chính là chỉ cho mỗi đơn vị tự thể của cá thể tất cả pháp; Cộng Tướng đây chính là chỉ cho tướng của cộng đồng thông suốt tất cả pháp. Hai tướng

đây nói nghĩa rộng là ở trong cộng tướng cũng có trùng trùng tự tướng, ở trong tự tướng cũng có các thứ cộng tướng. Như sắc uẩn là cộng tướng của năm uẩn, mà trong sắc uẩn lại có mỗi cá thể tự tướng sắc, thanh, hương, v.v... sáu trần và năm căn; ở đây được gọi là tự tướng của sắc trần gồm có hiển sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, gồm có hình sắc như dài, ngắn, vuông, tròn, v.v... Thế thì sắc trần lại trở thành cộng tướng và xanh, vàng, v.v... mỗi thứ trở thành tự tướng; còn ở nơi tự tướng của xanh, vàng, v.v... đây vẫn có thể thành là cộng tướng, như một mảnh màu xanh lá cây phân tích thì có rất nhiều cực vi hợp thành, như thế rất nhiều cực vi màu xanh là chỉ cho tự tướng, mà màu xanh của lá cây là chỉ cho cộng tướng. Cho nên tất cả pháp do chuyển biến các thành phần để hợp thành, trong đó đều có tự tướng và cộng tướng. Nhưng tự tướng, cộng tướng có chỗ thì có ý nghĩa đặc biệt, như trong đó tự tướng đã nói đến tức là chỉ cho pháp có tự thể. Cái gì bảo là có tự thể? Chính là mỗi chủng tử các pháp tự dựa vào chủng tử nhân mà mượn các duyên để sanh khởi. Căn cứ nơi các pháp Y Tha Duyên sanh mà nói đều có tự thể, như Nhãn Thức khi sanh khởi phải nương từ chủng tử và mượn chín duyên như ánh sáng, không, v.v... mới có thể sanh khởi; chủng tử của Nhãn Thức chính là nhãn, ngoài ra đều là các duyên, các pháp nhờ đây mới sanh khởi; như thế Nhãn Thức chính là pháp có tự thể; còn ánh sáng của Nhãn Thức suy cùng cho đến các pháp tâm sắc đều không có tự thể; riêng cộng tướng thì liền ở trên tự thể có pháp tự tướng, như nói tự tướng Nhãn Thức, v.v... kỳ thật sự sanh diệt trên Nhãn Thức, v.v... chính là cộng tướng của nó mà không phải là tự tướng. Lại nữa như con người là tự tướng, các hiện tượng sanh lão bệnh tử chính là cộng tướng của con người. Thứ cộng tướng trên tự tướng đây, đều là chỉ ở nơi phần vị tương đối mà giảng giải. Cộng tướng thì không có chủng tử, không giống pháp tự tướng có chủng tử trong tự thể. Nơi tự tướng không diên đảo, tức là nói rằng: tất cả pháp do nhân duyên sanh ra, biết rõ phần vị của chúng chỉ là giả danh và giả lập cho là pháp này pháp kia; tự thể thật tại của chúng thì ở ngoài phân biệt lìa ngôn ngữ, nếu dùng danh ngôn phân biệt thì không thể thông đạt được tự tướng của chúng, cho nên gọi tự thể thật tại của tất cả pháp là lìa tất cả phân biệt. Chúng ta không thể nói được tự tướng của thẳng nghĩa! Chính là tự tướng năm trần sở thủ của năm Thức Trước, cũng là lìa nơi tùy niệm phân biệt tính toán so lường. Như nói Nhãn Thức có thể phân biệt sắc cảnh, v.v... chỗ gọi sắc cảnh đây chẳng qua là một thứ khái niệm mà thôi, cả đến tự tướng của sắc pháp thì không thể phân biệt. Cho nên nói tự



tướng thẳng nghĩa của các pháp chính là Tánh Cảnh hiện lượng, không phải chỗ danh ngôn có thể phân biệt được; lẽ tất nhiên sau khi chứng được Sơ Địa, nhờ căn bản trí dần khởi Hậu Đắc Trí thì lúc đó Hậu Đắc Trí mới có thể sanh khởi hiện lượng nơi Tánh Cảnh. Ngoài ra như kẻ tu định, nơi cảnh định cũng có thể sanh khởi hiện lượng nơi Tánh Cảnh. Như Thiền Tông Trung Quốc liền nương nơi cảnh hiện lượng của lý danh ngôn phân biệt, ở trong từng sát na sát na dần dần hoàn toàn tương ưng thuần túy hoà hợp giác cảnh thanh tịnh tương đồng của chư Phật, chẳng qua ở nơi tâm phàm phu chỉ có một sát na, mà không thể biết rõ tương ưng thời gian dài. Muốn được tương ưng thời gian dài, tất nhiên phải tu các thứ không quán, trừ bỏ tập khí phân biệt, mà dần khởi trí vô phân biệt, lúc bấy giờ mới có thể cùng tự tướng lý ngôn tương ưng, đây là điểm đặc thù tối thiết yếu của Pháp Tướng Duy Thức. Do tự tướng lý ngôn, học phái Không Tông thì không nói, chỉ Pháp Tướng Duy Thức thì nói thấu triệt được, cho nên gọi là Các Pháp Duy Thức Sở Hiện. Khả năng hiểu rõ nghĩa đây tức là có thể rõ thấu các pháp như huyền như hoá không phải có không phải không, lìa khỏi sự lồi lõm chấp trước tất cả, nhờ chứng nhận được tự tướng thẳng nghĩa.

(còn tiếp)

ĐI QUANH MỘT VÒNG VỚI CÁC ĐẠO TRÀNG AN CƯ – 2021

Điều ngự tử Tín Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Hai năm Covid-19, vấn đề sinh hoạt chung từ ngoài nhân gian đến với các tổ chức Cộng đồng đều không mấy thuận duyên; nhất là vấn đề Phật sự sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

Kể từ Đại hội Thường niên Kỳ I, Nhiệm kỳ IV 2020-2024; Văn phòng Thường trực của Giáo hội đã ra Thông Tư số 48/HĐĐH/TT gửi đến chư Tôn đức Giáo phẩm của hai Hội đồng và quý Thành viên các cấp.

Trong Thông tư 48, mục 2, Giáo hội thấy sự tụ họp một số đông như hằng năm thì rất khó, luật lệ hiện hành của tiểu bang California rất nghiêm ngặt vì nạn Covid-19 bùng phát mạnh mà lại là vùng của Giáo hội thường sinh hoạt Đại lễ Phật đản, tổ chức Đạo tràng An cư Kết hạ cũng tại đây; do đó, năm nay (2021), Giáo hội định tổ chức An cư tại đạo tràng Tu Viện Đại Bi thành phố Garden Grove, sau đó, lại dự trù tổ chức tại Tu Viện Pháp Vương 715 Vista Ave., Escondido, CA nhưng với nhiều bất tiện nên cũng xin đình hoãn.

Cuối cùng, Hội đồng Điều hành xin đề nghị chư Tôn Đức Tăng Ni hãy sử dụng thời gian trong dịp này để tự thực hiện Đại lễ Phật đản và An Cư tại trú xứ của mỗi tự viện; đồng thời, chuẩn bị toàn tâm và ý lực để hỗ trợ cho những sinh hoạt năm tới 2022,...

Cũng trong tinh thần vâng giữ giới luật theo truyền thống, Hội đồng Điều hành cũng gửi một Tâm Thư Vu Lan, Phật lịch 2565:

1.- Vãn an, chúc thọ và khánh tuế chư Tôn Thiền đức Tăng ni và quý Cư sĩ Thành viên của Giáo hội được vô lượng thắng duyên, giữ vững niềm tin yêu Chánh pháp...

2.- Khuyến tấn tinh thần An cư không những chỉ hướng về quê nhà mà nhất tâm hướng đến toàn thể nhân loại đang vướng mắc đại dịch Covid-19, nạn nhưn chiến cuộc, phong ba bão táp khắp đó đây trên hoàn vũ để cầu nguyện sớm được tai qua nạn khỏi; cầu nguyện cho những ai bị mắc phải nạn dịch, hoặc các biến cố, sớm được bình an như nguyện; những người không may phải mất mạng thì cầu nguyện cho họ nhưn trong ba



Ngo cúng Quả đường chùa Đại Bi của TT Giải Ngộ

tháng tịnh tu, An cư Kết hạ, đem công đức lành này mà hồi hướng cho họ nhẹ nhàng được về cảnh giới an lạc, ...

3.- Với tâm nguyện chung của Giáo hội: Trong mùa tịnh tu từ Rằm Phật đản tháng Tư đến Rằm tháng Bảy Vu Lan, chúng tôi vãn an chư Tôn đức các Trưởng hạ qua hình thức điện thoại viên liên.

Mở đầu, gọi đến Thượng tọa Tuệ Phát, Viện chủ Tu viện Thanh Từ ở Phila. Nơi đây hằng tháng chư Tôn đức đều có Bồ tát tụng giới. Thượng tọa cho biết có được 32 vị Tăng Ni nhập hạ đầy đủ mười ngày.

-. Gọi về Houston, chùa Việt Nam, Hòa thượng Viện chủ Thích Nguyên Hạnh và được Thượng tọa Tâm Hải cho hay là có 41 vị Tăng Ni nhập hạ an cư 10 ngày đúng tiêu chuẩn như mọi năm về trước.

-. Sau khi từ giả đạo tràng chùa Việt Nam (Houston), liền quay lên tiểu bang Illinois, thành phố Chicago có chùa Quang Minh; chùa này đầu tiên do một nhóm cư sĩ với tâm đạo nhiệt thành đứng ra thành lập, trong đó

có bác sĩ Trần Duy Tự. Một thời gian không lâu, cung thỉnh Hòa thượng Thích Đức Niệm khai sáng Phật Học Viện Quốc Tế chủ giảng và chứng minh những đại lễ lớn: Rằm tháng Giêng, Phật Đản, Vu Lan và Rằm tháng Mười hằng năm. Toàn bộ theo học giáo lý với ngài đồng thanh xin cúng dường ngôi chùa cho Phật Học Viện; ngài tiếp nhận và do hai tiểu bang ký giấy bên giao bên nhận rất hợp lý và từ đó ngài bổ nhiệm chức vụ trú trì. Đại lễ khánh thành ngoài quý vị Tăng Ni trẻ có sự hiện diện Hòa thượng Đức Niệm, Hòa thượng Thiền Định (Ấu châu), Hòa thượng Thiền Nghi (Canada), Hòa thượng Trí Chơn, Hòa thượng Nguyên Đạt và Hòa thượng Tín Nghĩa đồng chứng minh. Ngôi chùa này thay thế Trú trì rất nhiều lần; có ba vị xin theo y chỉ với Hòa thượng Huyền Vi (Pháp quốc) thay đổi luôn pháp hiệu, có vị thì thay tên đổi hiệu để tách ra làm chùa khác; một vài vị vì duyên trần còn ràng buộc nên thiếp thế trả áo lại cho sư phụ, duy chỉ có Thượng tọa Thích Minh Hạnh đương kim trú trì là dài lâu nhất cho đến nay. Cũng cần nên biết Thượng tọa Minh Hạnh là Tổng vụ phó Tổng vụ Giáo dục và là thành viên nòng cốt của Giáo hội ngay từ ban đầu. Phật đản chung, những mùa An cư Kết hạ của Giáo hội thì không bao giờ vắng mặt; đã từng được thỉnh giảng trong trường hạ, ...

Đại hội Khoáng đại nhiệm kỳ IV, thay đổi nhân sự nên thỉnh chuyển Thượng tọa qua làm đệ nhị Phó Tổng vụ trường Tổng vụ Tăng sự và Thượng tọa Thích Tâm Tường vẫn là Đệ nhất Tổng vụ phó Tổng vụ Tăng sự. Vì nạn Covid-19, nên vấn đề Đại hội không được lưu thông cho lắm, đa phần sự quyết định từ Hội đồng Thường trực của Giáo hội.

Khi được hỏi năm nay (2021), đạo tràng chùa Quang Minh có an cư, nhập hạ không? Thượng tọa trả lời là có và hoàn toàn là chư Tăng. Đợt đầu có 26 vị nhập hạ mười ngày. Đợt hai có 5 vị nhập hạ nhưng dài đến 21 ngày. Thật đáng khích lệ tinh thần tu tập của Thượng tọa.

-. Gợi lên Louisville, tiểu bang Kentucky, chùa Từ Ân, ngôi chùa này do Ôn Trí Chơn khai sơn phá thạch; bây giờ thì Thượng tọa Hạnh Lý làm Trú trì, mùa an cư đầy đủ ba tháng như ở quê nhà, có 6 vị Tăng và Ni nghiêm mật trú dạ lục thời tụng kinh sám. Ngày kỷ niệm Đại lễ Vu Lan năm nay, tự thân chúng tôi lên đây, vừa kỷ niệm Đại lễ và cũng vừa làm lễ mãn hạ cho trường hạ. Đây là một điểm son đáng mừng, nhân danh Giáo hội tán dương tâm đạo nhiệt thành của chư Tăng Ni ở đây.

-. Gợi về vùng Atlanta, tiểu bang Georgia, chùa Dược Sư của Thượng tọa Trí Viên cũng có đến 40 vị Tăng Ni nhập hạ an cư. Đạo tràng này đa phần là chư Tôn đức có cùng môn phái (Binh Định). Cũng nên biết thêm là thành phố rộng Atlanta này, chùa chiền đông



Chư Tăng tụng niệm và cúng dường chùa Đại Bi

đúc, đa dạng như Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ; tuy nhiên, dưới sự khéo của Hòa thượng Hạnh Đạt tọa chủ chùa Kim Cang, Hòa thượng Phước Mỹ, tọa chủ chùa Quảng Ninh đã nhẹ nhàng điều hợp đẹp để qua hình thức mỗi tháng Bồ tát tụng giới đều đặn.

-. Gợi đến chùa An Lạc của Sư bà Nguyễn Thanh, thành phố San Jose, Sư bà cho biết có bảy vị an cư và giữ đúng ba tháng, cũng trú dạ lục thời như ở quê nhà vậy. Sư bà tuy ốm yếu nhưng không bỏ sót một thời khóa nào cả. Chúng an cư và hàng Phật tử hộ giới đều mến mộ về giới hạnh và đạo tình của sư bà.

-. Trở lại miền Nam California, gợi về Tu viện Đại Bi mới, Ni sư Trú trì Chơn Viên cho hay có đến 38 vị nhập hạ đúng 10 ngày. Vì ngôi chùa mới được tạo mãi nên tất cả đều thiếu thốn, thiếu tiện nghi tối thiểu cho số đông, ... Ban đầu Giáo hội định tổ chức tại đây, nhưng vì hoàn cảnh nạn dịch Covid-19, luật lệ ban hành của Tiểu bang lại khắc nghiệt, nên Tu viện không dám nhận chỉ thị của Giáo hội mà chỉ tổ chức âm thầm cho chư Ni mà thôi.

-. Gợi về Như Lai Thiền Tự để vấn an Hòa thượng Viện chủ Thích Minh Hồi và thăm hỏi trường hạ thì, Hòa thượng cho hay có đến 62 vị nhập hạ đúng 07 ngày. Hòa thượng cũng hoan hỷ bày tỏ tâm nguyện là: "Hằng năm như thế, tại bốn đạo tràng đều có tổ chức an cư theo khả năng có được, cũng có năm cùng chung lo với Giáo hội nhưng không thể thường trực do vì hoàn cảnh địa bàn sinh hoạt quá rộng; kính mong Hòa thượng Chủ tịch và Giáo hội thương tình mà tùy duyên hoan hỷ,..."

Trên đây là tám đạo tràng lớn nhỏ, tự thân của chúng tôi gọi phone trực tiếp nói chuyện với vị Hòa chủ của đạo tràng an cư; tuy thế, không những chỉ chừng ấy mà có thể nhiều hơn,... Khi chúng tôi tìm hiểu thì chỉ với mục đích: Cho dù chư Tôn Đức sinh hoạt như thế nào chẳng nữa, nhưng cũng đều mang một màu hoàng y như nhau, giới lạp đã thọ nhận như nhau thì đều vâng giữ tịnh giới như nhau, mà an cư tức là vâng giữ tịnh giới; và, tất cả Tăng đoàn lưỡng bộ nương vào lời Phật dạy qua phẩm kinh Vu Lan: giữ tịnh giới là báo hiếu công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, giữ tịnh giới là trực tiếp sám hối tội lỗi cho cha, tội lỗi của mẹ..., thực hành được như vậy là người hiếu kính, không làm như vậy là người địa ngục. Là con của Phật thì ai cũng phải vâng giữ như vậy (ý của kinh Vu Lan và kinh Báo hiếu Phụ Mẫu Trọng ân).

Những gì thiếu sót kính xin chư Tôn Đức, quý thiện tín hoan hỷ cho bút giả, vì mùa Covid-19, nên cái gì cũng khó khăn, nhất là vấn đề giao tế.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ
Tát Ma Ha Tát,
chứng minh gia hộ.

Quý hạ Tân sửu – Sept. 10th,
2021



6 BÀI HAIKU (1234-1239)

TANEDA SANTŌKA (種田 山頭火; CHŨNG ĐIỀN SƠN ĐẦU HỎA)

*Trong ánh trăng thanh
mưa trên mái lá...
mùa xuân đến gần.*

*Trước mắt của tôi
một bông hoa nở
trắng lên cuối trời.*

*Mưa mùa thu rơi
mình tôi cất bước
lên trên ngọn đồi.*

*Không áng mây trời
đám đông tụ lại
xung quanh xác người.*

*Bên bờ sông xa
ánh đèn nhà thờ
sáng lên nhạt nhoà.*

*Hoa đào xinh tươi
sớm nay thành lá
Kinh Đô, tôi rời.*



PHÁP HOAN

(dịch từ bản dịch tiếng Anh trong tác phẩm Santoka: Grass and Tree Cairn by Taneda Santōka. Translations by Hiroaki Sato; illustrations by Stephen Addiss, Winchester, Va.: Red Moon Press, 2002. Nguyên tác thơ của nhà thơ người Nhật Taneda Santōka (種田 山頭火; Chung Điền Sơn Đầu Hỏa).

THỨC LIỄM THÂN TÂM LÀ GIỮ GÌN CHÁNH PHÁP

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Người đệ tử Phật chân chính, ngoài việc tu tập giới định tuệ để hướng đến viên mãn phước và trí, thành tựu giác ngộ giải thoát cho tự thân, còn đặc biệt quan tâm đến sự thịnh suy của Chánh pháp để lợi ích hữu tình. Bởi Chánh pháp còn hưng thịnh ở đời thì chúng sinh còn nơi nương tựa để hướng thiện, làm lành tránh ác.

Như ngọn đèn dầu nếu không làm sạch bể, không châm thêm dầu, không che chắn gió tốt thì ngọn đèn sớm bị lụi tàn. Cũng vậy, Chánh pháp nếu không được gìn giữ, tiếp nối và trao truyền thì ngày càng tồn giảm; không làm cho tỏ rạng chân lý, nổi bật giá trị diệt khổ của Chánh pháp thì chúng sinh sẽ quay lưng.

Trong nhiều nỗ lực để giữ gìn Chánh pháp không bị tổn giảm thì việc thức liễm thân tâm, trau dồi giới hạnh, phát huy định tuệ của mỗi cá nhân người con Phật có vai trò quan trọng khiến cho Chánh pháp hưng thịnh.

"Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyet cùng với chúng Đại Tỳ-kheo.

(...)

Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

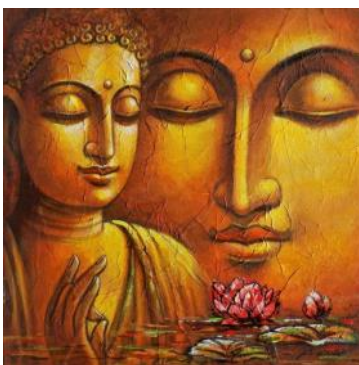
1. Có tín tâm; tin Đức Như Lai, Chí chân, Chánh giác, đủ mười đức hiệu.

2. Có tâm, biết hổ với điều thiếu sót của mình.

3. Có quý, biết thẹn với việc ác mình đã làm.

4. Đa văn, những điều đã được thọ trì đều tốt ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, thanh tịnh không bẩn, phạm hạnh đầy đủ.

5. Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu lành, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng.



6. Điều đã học tập được, ghi nhớ mãi không quên.

7. Tu tập trí tuệ, biết pháp sanh diệt, hướng đến Hiền thánh, dứt hết gốc khổ.

Với bảy pháp như thế thời Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

(Kinh Trường A-hàm, kinh Du hành [trích])

Đầu tiên phải thiết lập lòng kính tin Tam bảo, nhất là Phật bảo. Tín tâm ở đây, Thế Tôn dạy rõ rằng tín Như Lai là bậc Giác ngộ, mà cụ thể là bậc Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn.

Kế đến là có tâm quý. Tâm là biết hổ thẹn và quý là biết sợ hãi quả báo với điều xấu ác đã làm. Đức Phật đã từng nhấn mạnh nếu không có tâm quý thì con người chẳng hơn cầm thú là bao. Nhờ có tâm quý mà chúng ta có thể tự phản tỉnh, chế ngự và chuyển hóa phần "con" trong con người của mình.

Tiếp theo là học tập và hành trì giáo pháp. Học rộng, nghe nhiều và nhớ mãi không quên đã là điều khó, nghe hiểu rồi thực hành, sống phạm hạnh đầy đủ lại càng khó hơn. Việc hành trì pháp cốt ở sự bền bỉ, lâu dài nên tinh cần, tinh tấn có vai trò quan trọng trong việc chuyển mê khai ngộ.

Quan trọng nhất là tu tập thiền quán phát huy tuệ giác để thấy rõ sự sinh diệt của các pháp trong từng mỗi sát-na. "Biết pháp sinh diệt" chính là dựa trên nền tảng của định (tứ thiền), hành giả phát triển minh sát về tuệ sinh diệt của các pháp, thấy rõ các pháp là trống rỗng, do duyên sinh, sinh diệt tương tục. Chứng nào vô minh diệt, minh sinh, hằng sống trong tuệ giác vô thường, vô ngã thì dứt hết gốc khổ.



THẦY (5)

Như cha đôi mắt sáng ngời
Thâm trầm cười nhẹ đất trời thênh thang
Từ tâm cả chí bền gan
Một lòng hộ pháp với giang san này

Tinh anh đôi mắt ông thầy
Thấu lòng người thấy sâu dày nhân duyên
Du già thiền thất tinh chuyên
Trí huệ thù thắng thiện hiền thượng nhân

Thanh tịnh cặp mắt tăng thân
Thương hàng hậu học ân cần khuyên răn
Nhọc lòng nhiều nỗi trở trăn
Lời thư tâm huyết truyền đăng nhần người

Tỳ kheo mắt tỏ tuồng đời
Hiển bày pháp tạng tuyệt vời ngữ ngôn
Núi sông chất ngất trong hồn
Hộ dân hộ pháp bảo tồn thanh quy

Mắt bậc tu sĩ từ bi
Cung đàn khoáng đạt dễ gì thăm âm
Ai người tâm nhận được tâm
Mà hàng tử chúng vẫn thâm ngưỡng trông

Hiền sĩ đôi mắt mệnh mông
Giữa đời mật pháp mà không sờn lòng
Trải qua bao bận bụi hồng
Hướng về cao rộng vượt trong đất trời

Mắt biếc nghệ sĩ ở đời
Văn thơ trác tuyệt những lời thiết tha
Ánh trắng soi bóng sơn hà
Thiền môn in dấu nước nhà Việt Nam.

THẦY (6)

Biết nói làm sao cảm xúc này
Lòng người ngưỡng mộ lạ lùng thay
Ông thầy áo vải cơm chay ấy
Ngất đỉnh cao vời thấy tựa non

Vượt thoát bay cao khỏi lối mòn
Minh tinh soi sáng buổi hồng hoang
Phương trời cao rộng ngàn muôn hướng
Cả chí hùng tâm tướng phượng hoàng

Trúc thẳng tông thẳng hạnh chánh đoan
Ưu thời mãn thế những lo toan
Xuất sĩ du tăng lòng chẳng đoan
Yêu nước thương dân trọn chí thành

Thân gầy đôi mắt sáng long lanh
Pháp tạng hiển bày ánh tinh anh
Du già sư luận cùng kinh kệ
Tuyệt bút tài hoa để lại đời

Đôi mắt người thôi đủ vạn lời
Bao la biến pháp nước trũng khơi
Trí huệ dễ gì đo đếm được
Mật pháp còn may phước có Người

Nước loạn dân oan rã rượi rồi
Lên đường dần bước độc hành thôi
Chẳng ngại gian nguy tù ngục tối
Tế độ đời đau cội gốc từ

Phải buổi suy vi pháp lữ hư
Quên lời Phật dạy với chơn như
Vì chữ lợi danh phò thế tục
Những người đoan chính rút lui đi

Trượng phu tráng khí dạ từ bi
Khơi nguồn chấn tích dựng oai nghi
Độ đời cứu đạo toàn tâm trí
Phụng ấn trùng quang ý chí ngai

Lửa cháy tàn đêm nỗi bi ai
Tăng tục đôi đàng lắm ách tai
Hiền sĩ lòng đau e quản ngại
Bản hoài Bồ Tát tác Như Lai

Sư tử hùng tâm tiếng hống dài
Tượng vương trầm tĩnh bước khoan thai
Tông lâm thạch trụ ngày nay vậy
Phật Việt sơn môn cây phúc thấy.

ĐỨC PHẬT VÀ PHÁP GIÁO HÓA CỦA NGÀI

HT Thích Đức Thắng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Thật ra đức Phật không có bất cứ nguyên tắc chung nào để dạy chúng ta, ngoài con đường Trung đạo duyên khởi; nhằm giải thoát mọi vướng mắc khổ đau trong cuộc sống của chúng ta. Nhưng ngay chính bản thân con đường này cũng chỉ là một phương tiện. Do đó, mọi nguyên tắc đối trị mọi căn cơ để đưa chúng sanh đến giải thoát khổ đau phiền não, thì chính chúng là con đường trung đạo. Vậy chúng chỉ là pháp phương tiện đối trị bệnh cơ của chúng sanh mà thôi. Hơn nữa, nguyên tắc luôn là trói buộc, do đó vấn đề giải thoát được đức Phật đặt ra như là một tiên quyết cho một thể nghiệm về phương tiện; qua đó phương tiện sống được coi như là một đối tượng nhận thức sẽ bị vượt qua, tất cả đều trở thành phương tiện chuyên chở cho một cứu cánh cho chính chúng. Và vì vậy cho nên pháp của đức Phật khi ra giáo hoá được Ngài sử dụng như là phương tiện đối trị bệnh chứ không là gì hết. Thế nhưng, ngay trong khi đức Đạo sư khi còn tại thế; những lời giáo hoá của Ngài vẫn bị xuyên tạc và hiểu nhầm một cách có ý thức bởi các ngoại đạo, mà đại diện cho các ngoại đạo vào lúc bấy giờ là Ni-kiền-tử [1] thuộc phái lửa hình ngoại đạo. Trong chương nói về thuốc của Tứ phần Luật [2] (Đ. 22, q. 42, tr. 871b) nói về tịnh nhục, truyền kể rằng:

"*Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có tướng quân Tư-ha [3] là đệ tử của Ni-kiền. Tại công đường [4], có năm trăm Lê-xa ngồi ăn, họ dùng vô số phương tiện khen ngợi Phật, Pháp, Tăng. Bấy giờ, tướng quân Tư-ha tại chỗ ngồi nghe vô số phương tiện khen ngợi Phật, Pháp, Tăng nên sanh lòng tin ưa, muốn đến yết kiến đức Phật. Ông ta nghĩ như vậy:*



'Nay ta có thể đến thưa với thầy Ni-kiền để đến chỗ Cù-đàm.' Bấy giờ, Tư-ha liền đến thưa với Ni-kiền rằng:

"Tôi muốn đến chỗ Sa-môn Cù-đàm." Ni-kiền nói rằng:

"Ông chủ trương nên làm.[5] Cù-đàm giáo hóa đệ tử bằng thuyết không nên làm. Thôi, đừng nên đến đó."

Bấy giờ, tướng quân Tư-ha rút lại ý định đi gặp Phật trước đó. Các Lê-xa lần thứ nhì, lần thứ ba cũng khen ngợi Phật, Pháp, Tăng như vậy. Tướng quân Tư-ha khi nghe lần thứ hai, lần thứ ba sự khen ngợi như vậy, khởi ý nghĩ như vậy:

'Nay ta hãy đi gặp Cù-đàm, khỏi phải từ giả thầy Ni-kiền. Xem Thầy sẽ làm gì được ta?'

Bấy giờ, Tư-ha liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Tư-ha nghe Phật phương tiện nói pháp tâm sanh đại hoan hỷ bạch Phật rằng:

"Tôi nghe nói Cù-đàm giáo hóa các đệ tử bằng thuyết không nên làm. Các sa-môn đồn như vậy, có đúng sự thật, có đúng như pháp chăng?"

Đức Phật nói với Tư-ha rằng:

"Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết không nên làm; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết hãy nên làm; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng pháp đoạn diệt [6]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng pháp uế ác [7]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương

tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng pháp điều phục [8]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử, đó là thuật ngữ bằng pháp diệt ám; [9] lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng 'Sự sanh của Ta đã dứt; không còn tái sinh nữa' [10]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng, Ta đã đến chỗ vô úy, thuyết vô úy pháp [11]; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp."

Đức Phật nói với Tư-ha:

"Vì sao Ta nói 'Không nên làm' cho đến 'chỗ vô úy' để giáo hóa đệ tử, rằng lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp?"

"Ta nói 'không nên làm', là không nên làm ba pháp ác bất thiện: thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác.

"Ta nói 'nên làm', là nên làm ba pháp thiện.

"Ta nói 'pháp đoạn diệt', là đoạn diệt tham dục, sân nhuế, ngu si.

"Ta nói 'pháp uế ác' [12] là kinh tởm pháp bất thiện do bởi nghiệp thân, khẩu, ý.

"Ta nói 'pháp điều phục' [13] là điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si.

"Ta nói 'diệt ám' là diệt các pháp tối tăm ác, bất thiện.

"Ta nói 'sự sanh của ta đã dứt' là nói sự thọ sanh của Ta đã dứt tuyệt, không còn bào thai, và lại giáo hóa cho con người cắt đứt sanh tử.

"Ta nói 'đến chỗ vô úy' là tự mình không có sự sợ sệt, lại an ủi chúng sanh.

"Này Tư-ha! Đó là, có nhân duyên để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết 'không nên làm'; 'đến chỗ vô úy', lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp."

Qua đoạn kinh văn này, cho chúng ta thấy rằng phương pháp giáo hoá của đức Phật không ngoài nhân duyên phương tiện; mà nhân duyên phương tiện thì thiên hình vạn trạng đa thù. Do đó cách giáo hoá của Ngài luôn tùy thuộc vào nhân duyên phương tiện mà dạy dỗ, nên nguyên tắc giáo hoá cũng trở nên đa dạng. Vì vậy không có bất cứ nguyên tắc nào dành chung cho việc giáo hoá của Ngài cả.

Như đức Phật đã dạy ở đoạn kinh văn trên, trước hết Ngài xác nhận sự sai lầm trong nhận thức của ngoại đạo về những lời dạy của Ngài dù là vô tình (không hiểu thấu ý nghĩa) hay cố ý (có hiểu, nhưng vì sợ đệ tử mình sẽ bị khuất phục nên đưa ra sự mâu thuẫn khiến họ không đến). Họ chấp chặt vào thiên kiến, không biết phương tiện phân biệt tạm thời dành để đối trị, mà chỉ chấp chặt vào một vài lời dạy nào đó, và cho đó là chủ trương của người ta, ngoài ra đều hư dối,

rồi nhắm vào đó má huỷ báng. Kể đến Ngài thuyết minh về nhân quả cùng định thức duyên khởi (có bệnh thì có thuốc, có thuốc là có bệnh), mà ở đây Ngài nhằm vào chuyển mê khai ngộ, chuyển khổ thành vui, chuyển phàm thành Thánh cho mọi đối tượng khi có nhân duyên phương tiện đến:

"Vì sao Ta nói 'Không nên làm' ... cho đến 'chỗ vô úy' để giáo hóa đệ tử, rằng lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp [14]?"

"Ta nói 'không nên làm', là không nên làm ba pháp ác bất thiện: thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác.

"Ta nói 'nên làm', là nên làm ba pháp thiện.

"Ta nói 'pháp đoạn diệt', là đoạn diệt tham dục, sân nhuế, ngu si.

"Ta nói 'pháp uế ác' là kinh tởm pháp bất thiện do bởi nghiệp thân, khẩu, ý.

"Ta nói 'pháp điều phục' là điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si.

"Ta nói 'diệt ám' là diệt các pháp tối tăm ác, bất thiện.

"Ta nói 'sự sanh của ta đã dứt' là nói sự thọ sanh của Ta đã dứt tuyệt, không còn bào thai, và lại giáo hóa cho con người cắt đứt sanh tử.

"Ta nói 'đến chỗ vô úy' [15] là tự mình không có sự sợ sệt, lại an ủi chúng sanh.

"Này Tư-ha! Đó là, có nhân duyên để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết 'không nên làm'; 'đến chỗ vô úy', lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp."

Từ câu hỏi "Tôi nghe nói Cù-đàm giáo hóa các đệ tử bằng thuyết không nên làm. Các sa-môn đồn như vậy, có đúng sự thật, có đúng như pháp chăng?" Đức Phật đã tự khẳng định là Ngài đã giáo hoá cho các đệ tử của Ngài như vậy. Không những chỉ có thế, đức Phật còn đưa ra hàng loạt các biện pháp giáo hoá khác, và cho đến tự trả lời là tại vì sao Ngài đã nói 'Không nên làm'... cho đến 'chỗ vô úy'. Ở đây, đức Phật không những tự khẳng định là Ngài đã giáo hoá cho các đệ tử mình 'không nên làm', mà còn giáo hoá 'nên làm'.

Nguyên tắc chung thuyết giáo của Ngài là **tùy duyên**, nhằm đối trị mọi căn bệnh của chúng sanh. Vì vậy, bất cứ lúc nào bất cứ nơi đâu dù có người thắc mắc thưa hỏi hay không có người thắc mắc thưa hỏi về cuộc sống thì Ngài cũng giải đáp mọi thắc mắc một cách mau chóng và chính xác; hay Ngài tự nói ra nếu thấy điều đó có lợi ích cho việc giải thoát đối với mọi người. Qua một câu hỏi trên mà đức Phật không những chỉ trả lời cho một câu hỏi mà Ngài còn đưa ra rất nhiều câu nói khác và tự trả lời nhằm, trước hết để thoả mãn lòng thắc mắc nghi kỵ về cuộc sống của người hỏi, thứ hai là để giải tỏa những hiểu lầm do chấp thủ thiên kiến

về những lời giáo hoá của Ngài. Đức Phật dạy không nên làm là không nên làm những gì, tức là có điều kiện giới hạn, chứ không có nghĩa là không nên làm là không nên làm bất cứ điều gì để rồi chúng đối lập lại với nên làm.

Ở đây đức Phật cũng đứng trên lập trường nhân quả mà thuyết minh về không nên làm: Vì từ tác nhân đưa đến thọ quả có thể là đồng thời hay dị thời, nhưng chúng luôn luôn tùy thuộc vào nhân duyên đủ để hình thành quá trình hiện hữu của chính chúng. «Ta nói 'không nên làm', là không nên làm ba pháp ác bất thiện: thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác." Nghĩa là trong hiện tại chúng ta không tạo ra nhân nghiệp ác thân, khẩu, ý; và vì không tạo ra nghiệp nhân ác nên không lãnh thọ quả. Đó chính là con đường đưa đến giải thoát khổ đau pháp ác bất thiện. Ngược lại nên làm ba pháp thiện qua thân, khẩu, ý, đó chính là:

"Đoạn diệt tham dục, sân nhuế, ngu si.

"Là kinh tởm pháp bất thiện do bởi nghiệp thân, khẩu, ý.

"Là điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si.

"Là diệt các pháp tối tăm ác, bất thiện."

Nên làm ở đây, có nghĩa là ngoài việc không nên nuôi lớn ba độc Tham, sân, si qua sự thể hiện của thân khẩu, ý ra, chúng ta còn phải diệt trừ chúng, kinh tởm xa lìa chúng, điều phục chúng; nói chung là chúng ta diệt trừ pháp tối tăm ác, bất thiện kia. Những việc làm này chính là việc nên làm. Ở một góc độ nào đó chúng đồng nghĩa với không nên làm. Vì ở đây một đàng không nuôi lớn ba độc tham, sân, si, là chặn đứng bước phát triển của chúng, và một đàng khác tiêu diệt ba độc tham, sân, si, tuy trên mặt tích cực thì thấy có vẻ như sai khác, nhưng trên mặt tiêu cực thì chúng đồng nghĩa nhau, tức là không đồng lõa với pháp ác bất thiện tối tăm.

Không nên làm và nên làm ở đây mang ý nghĩa thực thành hơn là ý nghĩa lý thuyết. Đức Phật đã đứng trên hiện thực sống động thực tiễn của cuộc sống của chúng sanh mà giáo hoá nên làm như thế nào, và không nên làm những gì. Như trên chúng tôi đã nói, một mặt chúng ta chặn đứng việc tạo nhân ác qua ba nghiệp thân, khẩu, ý; mặt khác tìm cách tiêu diệt chúng, đàng nào chúng ta cũng vô hiệu hoá tác nhân tạo ác pháp của chúng ta, thì đó chính là cái nhân đưa đến sự vô sinh của chúng ta, như chính đức Phật đã dạy:

"Ta nói 'sự sanh của Ta đã dứt' là nói sự thọ sanh của Ta đã dứt tuyệt, không còn bào thai [16], và lại giáo hóa cho con người cắt đứt sanh tử.[17]"

Vì không tạo nhân ba đường sáu cõi luân hồi sinh tử nên đức Phật không còn tái sinh vào cõi đời này nữa để mang bào thai hữu

tình chúng sanh như chúng ta. Nhân sinh tử luân hồi ba cõi sáu đường chính do thân, khẩu, ý chúng ta tạo ra hình thành ba nghiệp ác; từ ba nghiệp ác này lôi kéo chúng ta vào ba cõi luân hồi không dừng nghỉ. Chúng sẽ dừng nghỉ khi nào chúng ta dừng được ba nghiệp ác thân, khẩu, ý, và tiêu diệt tận cùng, cắt đứt gốc rễ của chúng thì chúng ta cũng sẽ như đức Phật 'sự sanh của Ta đã dứt'. Và chúng sanh cũng sẽ như vậy nếu chúng ta không nên làm và nên làm những gì như đức Phật đã dạy. Và cũng từ không tác nhân của ba nghiệp ác bất thiện, nên đức Phật đã đạt tới trạng thái vô úy, không còn tâm sợ sệt như một hữu tình chúng sanh nữa, vì đây chính là trạng thái vô ngã, không phải là trạng thái hữu ngã của chúng sinh nữa, và nhờ đó chúng sanh được Ngài an ủi:

"Ta nói 'đến chỗ vô úy' là tự mình không có sự sợ sệt, lại an ủi chúng sanh.

"Này Tư-ha! Đó là, có nhân duyên để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết 'không nên làm'; 'đến chỗ vô úy', lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp."

Sau khi tướng quân Tư-ha được đức Phật dạy về pháp không nên làm và nên làm. Có lẽ đây là lần nghe pháp đầu tiên của tướng quân Tư-ha, nên những mâu thuẫn khác nhau giữa không nên làm và nên làm trước đó đã nghe từ Ni-kiền Tử nay đã được đã thông:

"Tư-ha bạch Phật:

"Con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay về sau, con không sát sanh cho đến không uống rượu.[18]"

Đức Phật bảo Tư-ha:

"Ông hãy tự xét kỹ trước khi thọ giới. Ông là vị đại thần trong nước, mọi người đều biết, nên làm việc làm lợi ích cho mọi người. Đừng nên cử động khinh suất, rồi sau có sự ăn năn."

Tư-ha thưa:

"Khi mà con đến làm đệ tử của ngoại đạo sa-môn, bà-la-môn, họ liền cầm phan, xướng lệnh khiến cho người trong nước biết: 'Tư-ha là đệ tử của Ni-kiền.' Nay con nghe đức Thế Tôn ân cần dạy bảo rằng: 'Ông hãy tự xét kỹ trước khi thọ giới. Ông là vị đại thần trong nước, mọi người đều biết, nên làm, việc làm lợi ích cho mọi người. Đừng nên cử động khinh suất, rồi sau có sự ăn năn.' Điều này làm cho con càng tin tưởng sâu xa hơn."

Trước khi đức Thế tôn cho phép tướng quân Tư-ha quy y Tam Bảo, đức Phật đã làm một việc mà trước đó, và ngay đến tận cùng sau này cũng không có một vị giáo chủ tôn giáo nào khác có tinh thần tự do nhân bản đến cực độ như vậy. Mặc dù đức Phật đã biết tướng quân Tư-ha đã đặt lòng tin kiên cố đối với Ngài rồi. Đó là đối với cá nhân ông, nhưng còn những người liên hệ chung quanh

ông không phải ít với chức vụ tướng quân này; sự liên hệ đó có thể gây khó khăn sau này cho chính ông. Qua đây cho chúng ta thấy nhân cách tuyệt vời của đức Phật, cộng với một nền giáo lý nhân bản từ bi trí tuệ và giải thoát của Ngài, luôn luôn là một điểm tựa vững chắc, nơi mọi người có thể nương về để hoàn thành công việc giải thoát khổ đau cho chính mình. Đã hơn hai thiên niên kỷ qua, sau khi đức Phật qua đời, giáo lý và hình ảnh của Ngài vẫn là một điểm sáng hoàn hảo nổi bật nhất. Nơi thu hút mọi sự chú ý của con người, qua sự tình nguyện trong nghiên cứu và thực hành. Người đến với đạo Phật là người đến để hoàn thành nhân cách chính mình, chứ không phải đến để hoàn thành nhân cách của vị giáo chủ, như các tôn giáo khác; đến để rời vong thân, làm kẻ nô lệ qua những nhân danh, rồi tạo ra bao cuộc thánh chiến, bao cuộc thập tự chinh, lừa người vào trong chỗ chết nếu không theo họ. Họ đã từng dùng sức mạnh của súng đạn quân sự, sức mạnh của chính trị [19], và đang dùng sức mạnh của kinh tế tiền bạc, hoặc bắt ép, hoặc dụ dỗ người khác theo đạo mình. Trong khi đó sự truyền giáo của đạo Phật không đổ một giọt máu, không tốn một đồng tiền cắc bạt để đưa ra dụ dỗ o ép, mà bằng sự tự nguyện trong sáng. Con người đến với đạo Phật thật hoà bình, thật nhân bản, thật nhân cách, như hình ảnh của chính đức giáo chủ của họ vậy. Một hình ảnh tuyệt vời, mà xưa kia tướng quân Tư-ha, người có thể lực về quân sự vào lúc bấy giờ, đã nương về, cho đến mãi ngày hôm nay vẫn còn đẹp.

Lúc đó, tuy người chủ của vận mệnh chính mình đã có một quyết định cân nhắc sau khi nghe đức Phật dạy cho mình, và tìm thấy nhân cách vĩ đại của Ngài, qua đó nhân cách của những vị sa-môn [20], bà-la-môn khác cũng đã được tướng quân Tư-ha đánh giá trở lại qua quyết định nương về với Ngài, giáo pháp, cùng chúng Tăng, và nguyện suốt đời không sát sinh, ... cho đến không uống rượu. Nhưng Ngài vẫn nhắc nhở với lòng ai nấy: 'Ông hãy tự xét kỹ trước khi thọ giới. Ông là vị đại thần trong nước, mọi người đều biết, nên làm, việc làm lợi ích cho mọi người. Đừng nên cử động khinh suất, rồi sau có sự ăn năn.' và cũng chính nhân cách này đã làm ông càng thêm tin tưởng vào đức Phật một cách sâu xa hơn, và về quyết định của mình là chính xác, nên:

"Tư-ha lại bạch Phật:

"Bạch Đại đức! Lần thứ hai, con xin trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng. Không sát sanh, cho đến không uống rượu. Từ nay về sau, của ngõ nhà con Ni-kiền ngoại đạo không được vào. Phật và các đệ tử tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ra vào cửa ngõ nhà con không có sự trở ngại."

Đức Phật nói với Tư-ha rằng:

"Trước đây, Ông như là nguồn suối ngày đêm cung cấp cho ngoại đạo Ni-kiền, nay làm sao đoạn tuyệt được?"

Tư-ha lại hỏi đức Phật:

"Con được nghe người ngoài nói rằng: Sa-môn Cù-đàm tự nói, 'Bồ thí, nên bồ thí cho Ta, không nên bồ thí cho người khác. Bồ thí cho ta sẽ được quả báo lớn. Bồ thí cho người khác sẽ không được quả báo. Nên bồ thí cho đệ tử của Ta. Không nên bồ thí cho đệ tử người khác. Bồ thí cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn. Bồ thí cho đệ tử người khác sẽ không được quả báo.'"

Đức Phật trả lời cho Tư-ha rằng:

"Ta không nói như vậy, mà ta nói: Nếu người có từ tâm, chỉ đem nước vo gạo cho đến như nước cơm, đem đổ chỗ nước bất tịnh có trùng, khiến cho loài trùng kia được thọ hưởng chất này; Ta nói người kia còn có phước. Huống chi là cho con người. Ta nói, bồ thí cho người tri giới được quả báo lớn hơn so với cho người phá giới. [21]"

Tư-ha bạch Phật rằng:

"Như lời đức Thế Tôn đã nói, như lời đức Thế Tôn đã nói. Chúng con xin tự biết."

Rồi đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho Tư-ha được hoan hỷ. Từ chỗ ngồi xa lìa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; liền bạch Phật rằng:

"Nay, lần thứ ba, con nguyện trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng. Không sát sanh cho đến không uống rượu. Cúi xin đức Thế Tôn nhận lời mời thọ thực của con vào ngày mai."

Sau lần thứ hai tướng quân Tư-ha nói lên lời nguyện, xin được nương về Phật, Pháp, Tăng, và nguyện trọn đời không sát sinh..., cho đến không uống rượu. Và như vậy là cửa ngõ nhà tướng quân Tư-ha từ nay về sau Ni-kiền ngoại đạo không được phép đặt chân vào. Chỉ có Phật và các đệ tử tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ra vào cửa ngõ nhà tướng quân là không có sự trở ngại. Cũng chính vì Tư-ha ngấm cảm ngoại đạo Ni-kiền không được vào ngõ, nên đức Phật hỏi Tư-ha: 'Trước đây, Ông như là nguồn suối ngày đêm cung cấp cho ngoại đạo Ni-kiền, nay làm sao đoạn tuyệt được?' vì câu hỏi này có liên quan đến vấn đề bồ thí của đức Phật mà Tư-ha, bằng một câu hỏi khác thay vì câu trả lời về vấn đề bồ thí. Có lẽ đây là một câu hỏi để tự xác định lại những gì mình đã được nghe người ngoài nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm tự nói, 'Bồ thí, nên bồ thí cho Ta, không nên bồ thí cho người khác. Bồ thí cho Ta sẽ được quả báo lớn. Bồ thí cho người khác sẽ không được quả báo. Nên bồ thí cho đệ tử của Ta. Không nên bồ thí cho đệ tử người khác. Bồ thí cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn. Bồ thí cho đệ tử người khác sẽ không được quả

báo.’ Qua lời thuật lại của Tư-ha cho chúng ta thấy rằng, vào lúc bấy giờ ngoại đạo luôn rình rập chờ cơ hội để chúng bôi nhọ huỷ báng xuyên tạc đức Phật, đệ tử cùng giáo pháp của Ngài. Nhưng đức Phật vẫn nhẹ nhàng khi trả lời, ‘Ta không nói như vậy, mà ta nói: Nếu một người có từ tâm, chỉ đem nước vo gạo cho đến như nước cơm, đem đổ chỗ nước bất tịnh có trùng, khiến cho loài trùng kia được thọ hưởng chất này; Ta nói người kia còn có phước. Huống chi là cho con người. Ta nói, bố thí cho người trì giới được quả báo lớn hơn so với cho người phá giới.’ Như vậy vấn đề bố thí, ở đây đức Phật không bảo là chỉ bố thí riêng cho Phật và đệ tử của Ngài mới có phước báo, ngoài ra bố thí nơi khác thì sẽ không có phước báo, mà Ngài tự khẳng định: có bố thí là có phước cho dù là cho bất cứ ai, ngay đến cả loài trùng mà làm cho nó thọ hưởng được cũng là có phước, huống chi là bố thí cho những vị trì giới thì đương nhiên sẽ có phước hơn những người phá giới. Điều này đâu có gì là cao xa và khó hiểu đâu, vì những vị trì giới là những người trước hết họ có cuộc sống thanh tịnh [22], hơn nữa họ chính là những hình ảnh đại diện cho Tăng bảo là chỗ qui ngưỡng của mọi người. Sở dĩ ngoại đạo có những ác ý đối Phật như vậy là vì vào lúc bấy giờ, đức Phật và Thánh chúng được mọi người qui ngưỡng cung kính cúng dường, trong khi ngoại đạo khát thực khó được.

– Sau khi tướng quân Tư-ha nghe những gì mà đức Phật đã trả lời qua câu hỏi của mình, tự ông đã thông được mọi thắc mắc, và biết rõ được những gì mình cầm làm sau đó:

“Tư-ha bạch Phật rằng:

“Như lời đức Thế Tôn đã nói, như lời đức Thế Tôn đã nói. Chúng con xin tự biết.”

– Rồi đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho Tư-ha được hoan hỷ [23]. Từ chỗ ngồi xa lìa trần cấu, đặt con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; liền bạch Phật rằng:

“Nay, lần thứ ba, con nguyện trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng. Không sát sanh cho đến không thọ rước. Cúi xin đức Thế Tôn nhận lời mời thọ thực của con vào ngày mai.”

Tóm lại, qua đoạn kinh văn trên, qua hai câu hỏi về không nên làm, và bố thí đã được đức Phật trả lời một cách cặn kẽ, đã giải toả mọi thắc mắc nghi ngờ đối với những lời giáo

hoá của đức Phật không những đối tượng quần Tư-ha, mà ngay đối với chúng ta cũng vậy. Đây là một đoạn kinh văn chúng tôi rút ra từ Luật tạng, nên chúng thiên về phần thực hành hơn là lý thuyết, chỉ dành riêng cho cuộc sống tập thể Tăng[24] vào lúc đức Thế Tôn còn tại thế. Sự thể hiện phong cách sống của đức Phật đối với tập thể Tăng, đối với các hàng cư sĩ tại gia, đối với các hàng sa-môn, bà-la-môn ngoại đạo vào lúc bấy giờ, chính là sự thể hiện của ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh tự tại trong cuộc sống. Chính cuộc sống thanh tịnh tại tự của Ngài được thể hiện ra bên ngoài đã chinh phục mọi người theo về với Phật, Pháp, Tăng là nửa phần thuyết giáo của Ngài hay hơn nữa. Đây chính là thọ

quả trong hiện tại được thể hiện ra trong cuộc sống của đức Phật, mà những tác nhân trước đó đã mang lại cho Ngài, và cũng chính nhờ thọ quả hiện tại của Ngài, Ngài đã tác động lên tác nhân khác qua việc thanh tịnh hoá ba nghiệp thân khẩu ý ác bất thiện cho mọi người qua việc nên làm, không nên làm. Nếu ai muốn có cuộc sống như Ngài thì chỉ cần thực hành như những gì Ngài đã giáo hoá, thì người đó có khả năng chuyển mê khai ngộ, chuyển khổ thành vui, chuyển phàm thành Thánh ngay trong đời hiện tại này. Chỉ sợ chúng ta không đủ lòng tin, tinh tấn, kiên nhẫn để thực hành mà thôi. Đến với đức Phật là đến để thực hành chứ không phải đến để tìm hiểu. Ai đến với đức Phật chỉ để tìm hiểu thì người đó sẽ không bao giờ biết đến hương vị giải thoát, và giá trị thực chất của đức Phật là gì?



[1] Ni-kiền Tử, 尼乾子。Skt, Nirgrantha-putra, Pali, Nigantha-putta; là một trong Lục sư ngoại đạo vào thời cổ Ấn Độ, chuyên tu khổ hạnh, thuộc phái loã hình. Vì mặc áo quần vào cho là bị trời buộc, nên không cần mặc quần áo để che thân, mà tự không biết tầm quý, liêm sỉ. Vì vậy cho nên người đời cũng thường gọi là vô tầm ngoại đạo.

[2] Việt dịch: tỳ-kheo Thích Đồng Minh, Thích Đức Thắng.

[3] Tư-ha tướng quân 私呵將軍。Pali, Vin.i. 233, Sīhasenapati; vị tướng quân người Licchavi (Lê-xa), ở Vesālī; đệ tử của Nigantha (Ni-kiền). Xem Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử» (Đại 1, tr. 440c); Pali, A.viii.12 Sīha.

[4] Đoán sự đường 斷事堂, chỗ xử án, xử lý việc công.

[5] Nguyên Hán: tác pháp 作法. Tham chiếu. Trung

A-hàm 4 (T01n0026_tr. 0441a01): «Sa-môn Cù-đàm chủ trương bất khả tác 不可作.” Cf. Vin.i. 233: akiriyavādaṃ samaṇaṃ gotamaṃ, Sa-môn Cù-đàm chủ trương «Không được làm.”

[6] Đoạn diệt pháp 斷滅法. Pali: ucchedavādo samaṇo gotamo, Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt (hư vô luận).

[7] Uế ác pháp 穢惡法. Pali: jegucchī, chủ trương khổ hạnh kinh tởm.

[8] Điều phục pháp 調伏法. Pali: venayika, chủ trương tự chế ngự, khắc kỷ.

[9] Diệt ám pháp 滅闇法. Pali: tapassī, chủ trương nhiệt hành (khổ hạnh). Bản Hán hiểu là tamo (bổn tối) thay vì tapo (sức nóng).

[10] Đoạn dưới nói rõ: không nhập thai nữa. Pali: apagabbho, chủ trương không nhập thai (không tái sinh).

[11] Vô úy pháp 無畏法. Pali: assattha, sự tỉnh chí, tỏ tức pháp.

[12] Hán: uế ác pháp, 穢惡法. Tham chiếu Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử” (Đại 1, tr. 440c) ‘Tông bản khả tăng ố’ 宗本可曾惡; Pali, A.viii.12 Siha. Ucchedavāda, tức chủ trương khổ hạnh.

[13] Hán: Điều phục pháp, 調伏法. Tham chiếu Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử” (Đại 1, tr. 440c) ‘Tông bản pháp luật’ 宗本法律; Pali, A.viii.12 Siha. Venayika, sự chế ngự.

[14] Hán: Thị thật ngữ pháp ngữ, 是實語法語. Tham chiếu Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử” (Đại 1, tr. 440c) ‘pháp như pháp’ 法如法; Pali, atthi ... pariyāyo, yen ...pariyāyena: có pháp nôm, do bởi pháp môn đó...

[15] Hán: Vô úy xứ, 無畏處. Tham chiếu Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử” (Đại 1, tr. 440c) ‘tông bản an ổn’ 宗本安穩; Pali, assattha, sự nghi ngại.

[16] Hán: Bất thọ bào thai, 不受胞胎. Tham chiếu Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử” (Đại 1, tr. 440c) ‘bất nhập thai’ 不入胎.

[17] Hán: Đoạn ư sinh tử, 斷於生死, có nghĩa là đã đoạn tận nguồn gốc cội rễ của tham dục, sân nhuế, si mê; ba nghiệp đã được thanh tịnh, giải thoát tất cả các pháp ác bất thiện, không còn sinh tử nữa.

[18] Quy y tam bảo, thọ trì ngũ giới, 歸依三寶受持五戒.

[19] Chỉ cho các nước thực dân phong kiến để quốc xâm lược vào lúc bấy giờ ở Âu châu.

[20] Sa-môn, 沙門; Skt: Śramaṇa, Pāli: Samaṇa, Sa-môn ở đây chỉ cho các vị xuất gia ngoại đạo, họ đã dứt bỏ các ác, khéo điều phục thân tâm, siêng năng làm các điều lành.

[21] Đoạn kinh văn này, không thấy trong Trung A-hàm 4, kinh số 18 «Sư Tử” (Đại 1, tr. 440c); Pāli: A.VIII 12 Siha-sutta, về vấn đề bố thí thì có đề cập trong đoạn 9, nhưng theo ý thì lại khác.

[22] Người đã thanh tịnh hoá được tam nghiệp thân, khẩu, ý 三業身口意 không còn tạo ra các ác bất thiện nữa, là người đã được giải thoát khổ đau ngay trong hiện tại.

[23] Đây là ba cách giáo hoá của đức Phật.

[24] Tăng già,僧伽; Skt=Pāli, Saṃgha, là hoà hợp chúng, cũng là một trong ba ngôi báu, tức chỉ cho những vị tin nhận giáo pháp của Như lai, thực hành đạo giải thoát tác chứng đắc quả.

NHỚ THẦY

*người về ôm bóng tà dương
ngủ quên trên đỉnh vô thường một mai
tâm phào đôi chút bản lai
ngang cơn siêu thực chợt đầy siêu linh
người đi, đi mãi một mình
trên gian lưu tặng chút hình bóng khô
bên kia bờ cõi nhà mờ
còn chẳng điệu thức hàm hồ mà chơi
người đi, đi mất giữa đời
tồn lưu di tích giọng cười Lão, Không.*

LUÔN THEO TÂM THÁI

*rồi mai đây người về
bên sông chảy lê thê
ngất vài bông tím nhỏ
thả trôi về sơn khê
dĩ vãng một dòng xanh
trong trần thức long lanh
ôm say tình mỗi một
thả xuống đời mong manh
rồi mai người ra đi
trong hồi ức xanh rì
loáng thoáng vài mảnh vảy
của năm tháng cuồng si
người vẫn chảy trong lòng
trên cuộc đời mỏng lung
chút hắt hiu duyên nợ
điều nhiếp giấc mơ màng.*



NẮNG TRƯA

*loang nắng đầu tường
phổ gầy chen mái
đưa bé qua đường
cụ già nán lại
trưa rất mặt hè
ngày chen chúc nắng
bông lựu đỏ hoe
mắt nhìn lòe trắng
tiếng ồn lao xao
rơi trong hố nảo
chút gì chiêm bao
ngo ngoe vừa đậu.*

thơ PHÙ DU

BỒ THÍ ĐÚNG PHÁP

Thích Thanh Thắng

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Mấy ngày nay dư luận lại rộ lên chuyện nghệ sĩ chưa minh bạch trong việc làm từ thiện. Không ít người đòi hỏi một số nghệ sĩ phải sao kê đầy đủ các tài khoản ngân hàng trong thời gian kêu gọi quyên góp.

Quả tình khi lòng tin xã hội bị lung lay, thật khó lòng phân định ranh giới giữa cái tốt và cái xấu. Vì vậy trong lúc này để xây dựng lại lòng tin của công chúng, một tiến trình pháp lý giữa các bên có nghĩa vụ liên quan cần sớm được các cơ quan chức năng thực hiện.

Hiện nay, làm từ thiện thường dựa trên danh tiếng, uy tín cá nhân để quyên góp. Người nhận tiền quyên góp thay mặt người bố thí san sẻ cho người gặp khó khăn, bất hạnh. Nếu người làm từ thiện vừa quyên góp vừa bỏ thêm tiền túi do công sức mình làm ra thì họ cũng đều được xem như thí chủ.

Cho nên nghĩa của từ bố thí (trong nghĩa hẹp tài thí: thí tiền bạc, vật thực...) chính là phân chia cho rộng ra, hay nói ngắn gọn là san sẻ, chia sẻ cho người khác. Người nào dùng tiền bạc, tài sản, lương thực, thuốc men, chăn mền..., hay kêu gọi mọi người cùng san sẻ cho người khác thì họ đều là thí chủ thực hành pháp bố thí.

Trong Lục độ của hàng Bồ tát và trong pháp Tứ nhiếp, bố thí đứng hàng đầu. Đủ thấy bố thí là một hạnh tu rất được coi trọng trong Phật pháp.

Trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy: *"Này các Tỳ kheo, có tám sự bố thí của bậc chân nhân. Thế nào là tám? Cho vật trong sạch; cho vật thù diệu; cho đúng thời; cho vật thích ứng; cho với sự cẩn thận; cho luôn luôn; khi cho tâm tịnh tín; sau khi cho tâm luôn hoan hỷ".*

Cũng trong kinh này, Đức Phật dạy: *"Có năm lợi ích của bố thí: được nhiều người ưa thích mến mộ; được thiên nhân và các bậc chân nhân thân cận; tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi; không có sai lệch pháp của người gia chủ; khi thân hoại mạng chung được sinh lên cõi lành thiên giới".*

Như vậy việc bố thí bao hàm cả ý nghĩa tự lợi và lợi tha, tức vừa tốt cho mình vừa lợi cho người. Việc làm nào mà tổn người lợi mình hay lợi người tổn mình đều không được khuyến khích.

Trong Kinh Địa Tạng, Đức Phật dạy rất rõ:

"Nếu gặp kẻ hết sức nghèo túng, nhần đến kẻ tật nguyền câm ngọng, kẻ điếc ngậy đui mù, gặp những hạng người thân thể không được vẹn toàn như thế, các vị quốc vương, đại thần đó muốn bố thí, nếu có thể đủ tấm từ bi lớn, lại có lòng vui vẻ tự hạ mình, tự tay mình đem của ra bố thí cho tất cả những kẻ đó, hoặc bảo người khác đem cho, lại dùng lời ôn hòa dịu dàng an ủi, thì các vị quốc vương, đại thần đó được phước lợi bằng phước lợi công đức cúng dường cho một trăm hằng hà sa chư Phật vậy".

Đức Phật xem việc bố thí cho người nghèo túng tật nguyền kia công đức sánh ngang với công đức cúng dường cho một trăm hằng hà sa chư Phật, đủ thấy Đức Phật đề cao hạnh bố thí như thế nào rồi.

Ở địa vị cao như các vị quốc vương, đại thần, Đức Phật dạy rõ như thế. Còn với chúng ta, thử xét xem mình đã có đủ tâm từ bi lớn chưa, có lòng vui vẻ tự hạ mình chưa, có tự mình đem cho hay kêu gọi người đem cho chưa, có lời lẽ ôn hoà dịu dàng an ủi người hay chưa?

Từ thiện hay bố thí cứ theo đúng những điều Phật dạy thì không sai lệch pháp và được nhiều lợi lạc. Nếu bố thí với tâm chấp thủ thì được phước báo hữu lậu. Nếu bố thí với tâm vô cầu, vô chấp thì được phước báo vô lậu.

Trong hoàn cảnh phương tiện và pháp tu của mỗi người, việc hướng đến pháp hữu lậu hay vô lậu cũng đều đáng quý và lợi ích ít nhiều cho chúng sinh cả.

Việc làm từ thiện hay bố thí vừa để tăng trưởng thiện tâm vừa phù hợp với luật pháp thế gian. Cho nên từ tế và minh bạch là điều không thể thiếu và không được phép quên.

Thị phi thế gian là điều thường thấy trong sinh hoạt giao tế hàng ngày, người trong sạch không nên vì đó bận tâm mà thoái lui. Mong mọi người giữa hoàn cảnh đại dịch này luôn tinh tấn hơn nữa trong việc thực hành pháp bố thí.

Cho đi người khác vui lòng ta vui. Cho đi là còn mãi...



TIỀN CHỊ

(Vọng hướng Tang lễ cổ Ni Sư Thích Nữ Như Diên,
trụ trì Ni Viện Thiện Hòa, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu)

*Chiều hạ nắng vàng rơi
Bên ngoài khung cửa sổ
Ngoái nhìn xa phương trời
Ai đã đi xa rồi?*

*Người chị của chúng em
Chị đã xa mắt rồi
Nghe tin lòng đau nhói
Nhớ về chốn trường xưa*

*Thiện Hòa Ni viện đó
Nuôi dưỡng bao mầm xanh
Đào tạo nhiều thế hệ
Công Chị nào xiết kể*

*Suốt cả một cuộc đời
Người đệ tử hiểu kính
Chung tay làm Phật sự
Với Thầy buổi ban sơ*

*Phước Hải rồi Thiện Hòa
Mái nhà tranh vách đất
Gió thổi mưa rơi lạnh
Nắng cháy nhọc biết bao*

*Công Chị bỏ xuống đó
Cho cây trái trở hoa
Bao khóa đã ra trường
Làm nên nhiều Phật sự*

*Rồi mùa hạ Tân Sửu
Duyên trần thôi đã mãn
Chị già từ ra đi
Giữa cơn đại dịch này*

*Chỉ được một ngày thôi
Thân Chị thành tro bụi
Sống một đời thâm lặng
Được mấy người tiền đưa?*



*Chúng em ở phương này
Hướng về trời Ni Viện
Đưa tiễn Chị ra đi
Với bao niềm thương kính*

*Sáng nay trời đổ mưa
Khi xe tang lăn bánh
Trời đất cũng động lòng
Cánh nghìn thu vĩnh biệt*

*Thầy nay tuổi đã nhiều
Tre già khóc măng non
Nhìn Thầy tay tiễn Chị
Ai không khỏi chạnh lòng?*

*Chị đã đi thật rồi
Nơi lưu nhiều kỷ niệm
Ni Viện buồn trống vắng
Cây cỏ cũng sầu thương*

*Kính lạy mười phương Phật
Phóng ánh ngọc hào quang
Tiếp độ giác linh Chị
Về an vui tịnh cảnh*

*Chị về bên xứ Phật
Xin đừng quên hạnh nguyện
Trở lại cõi ta bà
Tiếp tục độ quần sinh.*

Pháp đệ

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Đỉnh đôi Kim Thân

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhiều lớp người qua đi. Nhiều thế hệ người qua đi, kể từ khi tôi biết, vì tôi xuất gia ở đó. Một dĩ vãng khó quên, nhiều kỷ niệm, không thể nhạt nhòa theo thời gian năm sáu mươi năm. Thời gian qua mau. Bao lớp người qua mau. Như thoáng hôm nào. Nhiều khi ngồi suy tư, mình không tin là bảy mươi năm đã trôi ngang đời mình. Một cách dễ dàng như chớp. Thời gian đã đẩy lùi tất cả, dù cái đó mình thương hay ghét, đẹp hay xấu, ưa hay không ưa. Thời gian đã xé nát và tan vụn mọi hình hài. Choàng mở mắt, quay lại sau lưng thì bụi đường đã khóa lấp. Bao lớp người đã nằm xuống. Bất động. Nhưng giờ thì ở đâu? Tôi không biết. Nhưng mong rằng hãy ở bên tôi. Bên tôi như thời xưa hành điệu. Bên tôi như là biểu tượng siêu thoát, đầy sống động. Bên tôi như một sức sống bền bỉ, liên tục, kiên hùng, cần phải học. Một bài học sống vươn lên giữa cuộc đời đầy nhiễu nung, ám khói. Đỉnh đôi kim thân hãy còn đó. Nhưng không giống ngày xưa, đã vắng và vắng thật nhiều. Vắng đi những bậc Thầy khả kính. Oai nghi đỉnh đạc. Đức tu rạng ngời, mà giờ đây tôi đi tìm, nhưng không thấy. Chắc có lẽ quý Thầy đã trở về chốn xưa. Về lại ngôi nhà cũ, như nhiên, bất động, tự tại nơi đó, mà sau một thời gian quay dềp vào đời, rong chơi, hóa độ. Duyên tròn, quả mãn, như mây trời vô tung. Biết đâu mà tìm. Tìm đâu để gặp?

*Nhớ những chiều về trên tháp cổ
Vọng từ xa đứng ngắm dáng rêu phong
Từng giọt nắng mưa về thân loang lổ
Chạnh lòng buồn thầm nghĩ đến sư ông.*

*Lời kinh tụng sư già lần tràng hạt
Những hạt mưa lác đác dội ngoài song
Hai âm ba hòa quyện rót vào lòng
Khắc thành chữ lời kinh chiều siêu độ.*

*Người ra đi, người nuôi cơn đại mộng
Tôi trở về đóng chặt cửa đầu non
Vui với gió, cỏ hoa xuôi ngàn dặm
Lặng lạng một mình lượm nhặt còn con.*

Những mảng vỏ của khuôn đúc tượng bô

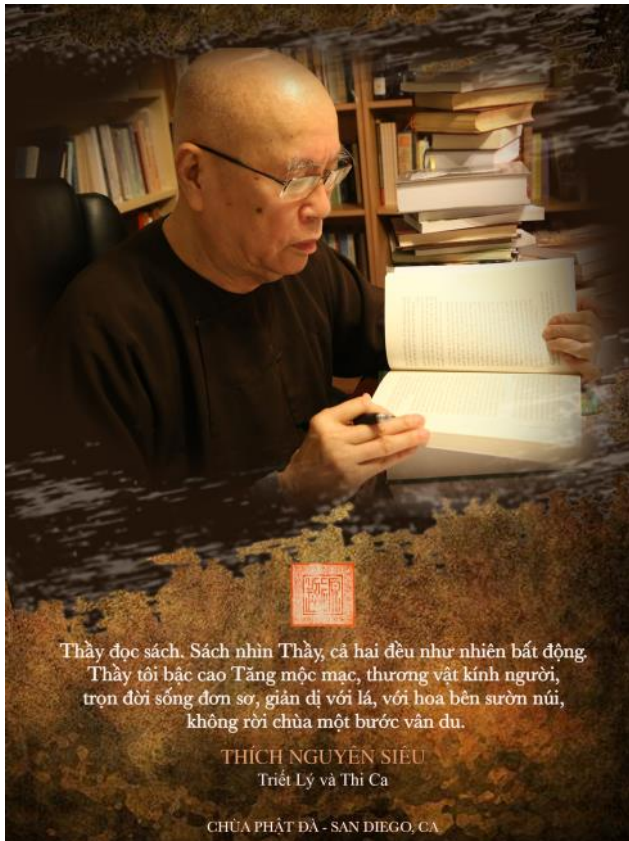


trước sân Kim Thân, khuôn nào cũng lớn. Từ khuôn vành tai, khuôn đôi mắt. Khuôn đôi môi, vắng trán... đều tầm cỡ. Tượng cao tổng thể khoảng 25 mét tính luôn đài sen. Chung quanh bệ đài là nam hình chư vị thánh tử đạo - vị Pháp thiêu thân. Phía sau có cửa vào lên thang tròn ốc tới đỉnh. Tượng Phật sơn màu trắng trông vẻ uy nghi, trang nghiêm. Biểu tượng tánh đức từ bi, trí tuệ. Phước trí vẹn toàn. Sừng sững trên đỉnh đôi, Phật nhìn ra biển, hứng gió đại dương. Chiều về hoàng hôn tắt nắng sau cánh ruộng đồng. Dù đời có hưng phế. Nước nhà có thịnh suy. Bao lớp người đến rồi đi, còn rồi mất, kim thân Phật Tổ vẫn bất động. Phật ngồi giữa trời. Thịnh không, mà dỗi mắt từ bi đến chúng sinh nhiều khổ lụy. Cảm thán lời kệ, mà nghe lòng dằng dặc:

*"Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bổ úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô."*

Dịch:

*Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rời
Thịnh suy, suy thịnh việc đời
Thịnh suy như giọt sương rơi đầu cành.*



Ngộ lời kệ này, mà chứng thật rằng hình bóng người xưa giờ đâu còn nữa. Chỉ thấy mang mang, diêu vợi đâu đây, vết tích ẩn hiện, trên lá, trên hoa. Trên những lối mòn, nơi triền núi, trong nhà thiền, dưới rặng mát cội bồ đề. Con đường mòn cạnh sườn núi khi xưa đã lưu bao vết tích thời xưa của sư ông, mà giờ này chỉ còn là ngôi tháp, rêu phong cổ kính. Năm vòn vẹn một miếng đất nhỏ sát ven đồi. Thuở nào, “như hạt sương rơi đầu cành.” Như có rồi không. Như còn rồi mất. Một cuộc thiên lưu thiên biến. Đường lên kim thân Phật Tổ là một dãy tam cấp 108 bậc. Xẻ núi mà làm, chen đường mà đi, người người lớp lớp cứ mỗi mùa Phật Đản lại về. Vu lan lại đến, hay những ngày tết quê hương. Chẳng ai bảo ai, lần mà đi, dành mà đứng trông cảnh tượng từng bừng lễ hội.

*Rũ áo cà sa cho tình thương thêm lớn
Chắp cánh tay dài che chở nỗi khổ đau
Lặn rồi hụp trong biển trầm luân nhân thế
Một kiếp người dâu bể có thoáng qua mau.*

*Đêm trời tối lòng người còn tối thắm
Tiếng vạc kêu còn ngân vọng lan xa
Giữa canh trường ai người chưa tỉnh mộng
Mở mắt nhìn tình thương yêu bao la.*

Ngay dưới chân đỉnh đồi kim thân là ngôi

chùa cổ, có từ thời Sư phụ lên năm. Thuở ấy chỉ là mái chùa tranh, đơn sơ, mộc mạc, cảnh đời còn hoang vu, ít khách thập phương lui tới. Nhưng chí nguyện xuất trần thượng sĩ mà hôm nay cảnh chùa đông đảo hội chúng. Đây là cốc Thanh Long. Kia là cốc Trúc Vàng, và trên đó là cốc Phượng Đò. Mỗi ngài một cốc, tịnh tu. Đạo thiền trầm mặc núi rừng. Lối đi sớm cài hoa thánh. Tâm tu của quý ngài nhẹ như mây và thoảng như gió. Một chiếc võng cột ngoài hiên đóng đưa mà nhiếp niệm: “Thăng sàng dưới cội bồ đề. Đưa qua đưa lại ngó về Tây Phương.” Thông tay vào chợ mà không vương mùi tục. Sống giữa cuộc đời mà chẳng chút phôi pha. Quý ngài sống thật, hiện tại lạc thú. Một bài học cho tôi, Một bài học cho bạn ngàn đời không quên. Từ chiếc gậy cầm tay. Từ cái dù chống đất trông chiếc áo nâu sòng hiền hòa, không phiền vô nhiệt, dù đời lắm nhiều gian nan, thử thách. “Vô tâm Đạo dị tâm.” Cứ thế mà đi lên: “Sư tử hồng thời phượng thảo lục. Tượng Vương hồi xứ lạc hoa hồng.” Sư tử gầm lên thời cỏ hoa xanh biếc. Tượng Vương quay lại thời hoa hồng cung nghinh. Một triết lý siêu nhiên, hay hiển bày tinh thần tu chứng? “Như nhơn ẩm thủy. Lành noãn tự tri.” Như người uống nước, nóng lạnh tự biết.

Hai bên đường về cốc là giàn thanh long, mà đến mùa ra trái oản cây. Màu đỏ tươi ẩn mình trong xanh dịu ngọt, tạo thành một nét đẹp thiên vị, hòa tạc trong không gian trầm tĩnh, êm ả của mỗi buổi chiều tối lên đồi vọng chuông. Lời chuông rằng:

*“Nguyện tiếng chuông này vang khắp cõi
Thiết vị tâm tôi thầy đều nghe
Nghe rồi thanh tịnh chứng viên thông
Tất cả chúng sanh thành chánh giác.*

*Nghe tiếng chuông phiền não nhẹ
Trí tuệ lớn, Bồ Đề sanh
Ra khỏi địa ngục
Nguyên thành Phật. Độ chúng sanh.”*

Ý vị quá. Tuyệt vời quá. Tình thương yêu cao cả quá. Có ai nghe mà trái lòng chiêm nghiệm, mà thanh thản vun trồng cái hạnh nguyện cứu độ. Tôi yêu hạnh nguyện này. Tôi thương cõi lòng Bồ Tát. Giờ phút này, tôi chắp cánh bay cao vào khung trời Bồ Tát. Thỏa thích bay cao vào niềm vui. Niềm vui biết hy sinh. Niềm vui biết cho, và trao tặng. Niềm vui rộng mở, thênh thang như đất trời. Tiếng chuông dứt. Thời chuông đã xong. Người, chuông còn đó mà tiếng chuông về đâu? Về nơi vô trụ. Về cõi không về. Lòng nghe niềm lạc. Một trời Như Lai.

*Chim rú rít trên cành hoa bướm
Màn nhện giăng đón gió xuân về
Lũy tre xanh mượt cầu thề
Trăng rằm sáng tỏ dân quê thanh bình.*

Bãi cát, vắng trắng, con cua bò

*Con thì phì bọt thở bo bo
Con thì đùa giỡn cơn sóng
nhỏ
Cảnh tượng thanh bình mặc
ai lo.*

*Hàng đậu xanh con bướm
vàng đôi cánh
Lam lũ một mình hút nhụy
phấn hoa
Bướm bay, gió nhạt, hương
nhòa
Chiều quê âm hưởng tiếng cò
gọi nhau.*

Tôi đi lững thững trên con đường mòn sỏi đá thuở xưa. Cúi xuống nhặt một, hai viên đá cuội, cầm trong tay mà thấy lòng nặng trĩu, Nặng hơn sức nặng của viên đá trong tay. Sức nặng ấy, nó tồn trữ và chuyển chở bao đời tình tự, nhật khoan, còn mất. Nếu còn là một năng lượng tâm linh, nuôi dưỡng tự cõi lòng. Nếu mất, là sự đọa đầy, tiếc nuối, của một kiếp làm người rong chơi vô ích. Tựa chân vách đá. Ngắm bóng kim Thân đổ dài rợp mát một khoảng không gian lớn.

Cũng con đường mòn này, đã bao lần tôi đi qua, và bao lần bỏ lại sau lưng nhiều mộng tưởng. Những ước mơ phù phiếm. Cái chân thật không phải là mộng. Không phải là mơ mà là cái nhìn tận mắt, thấy tận hình, và nghe tận tai như một âm ba réo gọi. Hãy quay về tỉnh mộng, choàng mở, để thấy mình đang đứng một mình trong chợ vợ, cô quanh trong thoáng chốc phù hư. Chiếc lá bồ đề rụng từ trên cành, nhẹ nhàng rơi xuống sân không gây một tiếng động, nhưng khi nhìn lại thì khoảng sân đã lát đầy lá bồ đề. Lá giác ngộ hiện hữu trong lòng, như một chứng nhân của thời sơ tâm. Cho đến bây giờ dường như còn nặng hơn. Còn đầy kín hơn, thấy đâu đâu cũng có Phật. Đâu đâu cũng có Bồ Tát. Có đôi tay từ bi cứu độ. Thật sự là phải cứu, không cứu không được. Không cứu chúng sanh trầm luân. Muôn loài ta thán. Dòng sông sông sinh tử nhận chìm, đâu thấy được buổi sáng bình minh. Buổi chiều tắt nắng. Thoi thóp lùi dần, dĩ vãng... chấp tay, niệm thầm Nam Mô!



THOÁT ĐÃ PHIÊU BÔNG

BÀI THƠ VĂN TRẮC TƯỞNG NHỚ NGUYỄN MẠNH TRINH (lìa đời đầu tháng 9 năm 2021)

*Rời người bạn ấy đã phiêu bông,
Văn đàn xơ xác lại trống không,
Ngân ngơ bề bạn từng bù khú,
Mỗi sáng đầu tuần chắc nhớ mong.*

*Người thơ có lúc 'thơ như nước.'
Chữ nghĩa 'bài nào nghe cũng mượt.'
Chợt bỏ ý thơ qua điếm sách,
Văn Mỹ gốc Việt 'nếu thấy được.'*

*Tản Mạn Văn Học chục năm dư,
Tuần nào cũng có chuyện từ từ.
Vốn dĩ tìm anh trái tim mạnh.
Trinh nguyên văn nghệ chẳng riêng tư.*

*Thôi nhè an nhiên về nẻo lạ,
Bụi mù gió cuốn dặm đường xa
Bạn đi vẫn nhớ thời hạnh ngộ
Duyên ở trần gian bỗng phôi pha.*

thơ **NGUYỄN VĂN SÂM**
Sept 10 2021

‘Thơ như nước’: Một lần nào đó nhà văn Mai Thảo nói với NVS.

‘Bài nào nghe cũng mượt’: NVS trả lời Mai Thảo.

‘Nếu thấy được’: Chữ Nguyễn Mạnh Trinh một lần tâm sự.

BÁT CHÁNH ĐẠO

"CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ"

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH "Way to the End of suffering"

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG III

CHÁNH TƯ DUY (CHỦ ĐÍCH) (Sammā Saṅkappa)

Nhân tố thứ hai trong con đường tu tập gọi trong tiếng Pàli là Sammā Saṅkappa, mà chúng ta sẽ dịch là "chánh tư duy" hay chánh chủ đích" (Right Intention—chủ đích, Ý định, chủ ý đúng. ND). Danh từ này đôi khi dịch là "ý nghĩ đúng," cách diễn đạt này có thể chấp nhận được với điều kiện trong văn cảnh chúng ta đang dùng danh từ "ý nghĩ" đặc biệt nói đến khía cạnh ý định hay chủ đích của hoạt động tinh thần, phương diện nhận thức đã được nhân tố thứ nhất, chánh kiến, nói đến. Tuy nhiên, nó có vẻ giả tạo nếu chúng ta quá nhấn mạnh sự phân biệt giữa hai chức năng này. Từ quan điểm Phật giáo, nhận thức và ý định của tâm không tách ra hai phần riêng mà đan kết nhau và tác động với nhau trong tương quan mật thiết. Cảm xúc ưa thích ảnh hưởng đến quan niệm và quan niệm quyết định sự ưa thích. Như thế, một tâm nhìn thấu suốt về bản chất của hiện hữu, đạt được từ sự nhận xét sâu xa và được xác định thông qua quá trình nghiên cứu. Nó đem đến sự sắp xếp lại các tiêu chuẩn ứng xử đạo đức làm cho tâm trí hướng đến những mục tiêu tương ứng với tầm nhìn mới. Dùng tâm trí để đạt những mục tiêu này chính là ý nghĩa của chánh tư duy.

Đức Phật giải nghĩa chánh tư duy có ba chủ đích: chủ đích ly dục, chủ đích có thiện ý và chủ đích bất hại (ly dục tâm, ly sân tâm

và ly hại tâm. ND) (1). Cả ba đối lập song song với ba loại tà tư duy: chủ đích bị điều khiển bởi dục vọng, chủ đích bị điều khiển bởi ác ý và chủ đích bị điều khiển bởi tàn hại (2). Mỗi loại của chánh tư duy đối đầu tương xứng với mỗi loại tà tư duy. Chủ đích ly dục đối đầu với chủ đích bị điều khiển bởi dục vọng, chủ đích có thiện ý đối đầu với chủ đích bị điều khiển bởi ác ý và chủ đích của vô hại đối đầu với chủ đích bị điều khiển bởi tàn hại.

Đức Phật đã khám phá có hai loại chủ đích khác nhau trong thời gian trước khi Ngài đạt đến Giác Ngộ (Kinh Song Tâm 19, Kinh Trung bộ). Trong giai đoạn đang nỗ lực tìm giải thoát, khi tu thiền trong rừng, Ngài nhận ra ý nghĩ có thể chia thành hai loại khác nhau. Ngài xếp những ý nghĩ thuộc dục vọng, ác ý và tàn hại vào một loại và loại ngược lại là ly dục, thiện ý và bất hại. Bất cứ lúc nào nhận ra ý nghĩ thuộc loại thứ nhất phát sinh, Ngài hiểu chúng nó sẽ dẫn đến nguy hại cho chính mình và cho người khác, cản trở tuệ giác và đưa đi xa Niết Bàn. Suy nghiệm theo đường hướng này, Ngài loại bỏ những ý nghĩ đó ra khỏi tâm và chấm dứt chúng. Nhưng khi nào ý nghĩ thuộc loại thứ hai phát sinh, Ngài hiểu những ý nghĩ này có ích lợi, đưa đến sự phát triển tuệ giác và giúp chúng đắc Niết Bàn. Như vậy, Ngài phát huy và hoàn chỉnh những ý nghĩ này.

Chánh tư duy phải ở vị trí thứ nhì, đứng giữa chánh kiến và ba nhân tố đạo đức bắt đầu với chánh ngữ, bởi vì những chức năng chủ đích của tâm tạo một sợi dây liên kết hết sức quan trọng nối liền quan điểm hiểu biết của chúng ta với cách sống của chúng ta trên thế giới này. Hành động có một mặt luôn



luôn hướng ngược vào những ý nghĩ mà từ đó nó phát sinh. Ý nghĩ là dấu hiệu báo trước hành động, hướng dẫn thân thể và lời nói, thúc đẩy thân thể và lời nói hành động, dùng chúng như công cụ để hiển bày mục đích và ý tưởng của nó. Từ những mục đích và ý tưởng, chủ tâm của chúng ta lần lượt thể hiện theo những quan điểm nổi bật. Khi những quan điểm sai lầm thắng thế thì hậu quả là chủ tâm sai lầm rồi gây ra hành động bất thiện. Như vậy, người nào chối bỏ hiệu lực đạo đức của hành động và đánh giá thành công theo hơn thua và địa vị thì sẽ không mong cầu gì ngoài hơn thua và địa vị, sẽ dùng bất cứ phương tiện nào họ có thể có để đạt cho được chúng. Khi những mong cầu theo cách này có mặt khắp nơi, hậu quả sẽ là đau khổ, đau khổ khủng khiếp cho cá nhân, xã hội và quốc gia vì tranh giành vật chất, địa vị và quyền lực, không quan tâm gì đến hậu quả. Nguyên nhân gây ra không ngừng cạnh tranh, xung đột, bất công và đàn áp không nằm ngoài tâm thức. Những sự kiện này chỉ là sự biểu lộ của những ý định, sự xuất hiện của những ý nghĩ bị điều khiển bởi tham, sân, si.

Nhưng khi ý định đúng thì hành động sẽ đúng và cách bảo đảm nhất để có ý định đúng là có chánh kiến. Người nào công nhận quy luật của nghiệp rằng hành động mang lại hậu quả thưởng phạt, sẽ không chế mưu cầu của họ cho phù hợp với quy luật này. Như thế, hành động là biểu hiện cho ý định của họ sẽ phù hợp với tiêu chuẩn của tư cách đạo đức. Đức Phật tóm tắt sự kiện này rất súc tích khi Ngài nói rằng với một người có tà kiến thì hành động, lời nói, dự tính và mục đích căn cứ vào tà kiến sẽ đưa đến đau khổ; trong khi đó với một người có chánh kiến thì hành động, lời nói, dự tính và mục đích căn cứ vào chánh kiến sẽ đưa đến hạnh phúc. (3)

Vì sự hình thành quan trọng nhất của chánh kiến là thông suốt Tứ Diệu Đế, cho nên có thể kết luận chánh kiến là cách quyết định nội dung của chánh tư duy. Điều này chúng ta thấy thật sự là như vậy. Bởi vì, hiểu rõ Tứ Diệu Đế kết nối ngay trong cuộc đời mình làm chúng ta phát sinh ý định thoát ly dục vọng; hiểu rõ Tứ Diệu Đế kết nối đời sống của mình với những sinh vật khác làm chúng ta phát sinh hai chánh tư duy vô sân và bất hại. Khi chúng ta thấy đau khổ thâm nhập đời mình như thế nào và sự đau khổ này đến từ dục vọng như thế nào, tâm thức sẽ hướng về sự thoát ly: từ bỏ dục vọng và những gì trói buộc chúng ta. Như thế, theo cách tương tự, khi chúng ta áp dụng Tứ Diệu Đế cho những sinh vật khác, sự chiêm nghiệm của chúng ta sẽ nuôi dưỡng thiện ý vô sân và bất hại. Chúng ta nhận thấy, cũng như chúng ta, tất cả những sinh vật khác đều



muốn hạnh phúc và cũng như chúng ta, chúng cũng chịu đau khổ. Với suy nghĩ tất cả sinh vật đều muốn tìm hạnh phúc, thiện tâm phát sinh: tâm từ mong muốn tất cả chúng sinh được khỏe mạnh, hạnh phúc và bình an. Với suy nghĩ tất cả chúng sinh đều chịu đau khổ, ý nghĩ vô hại phát sinh: tâm từ mong muốn chúng sinh không bị đau khổ.

Ngay lúc bắt đầu tu tập Bát Chánh Đạo, hai nhân tố chánh kiến và chánh tư duy bắt đầu hợp tác chống lại ba cội rễ độc hại (tham, sân, si. ND). Si, phiền não chính của nhận thức, bị chánh kiến đối kháng, hạt giống mới nảy mầm của tuệ giác. Sự diệt trừ tận gốc tâm si chỉ xảy ra khi nào chánh kiến được phát triển đến giai đoạn hoàn toàn chứng đắc. Tuy nhiên, mỗi lần hiểu biết chính xác lóe lên đều góp phần vào sự tiêu diệt tận cùng tâm si. Hai cội rễ kia, những phiền não về cảm xúc, đòi hỏi đối kháng bằng cách chuyển hướng ý định và như vậy nhận được thuốc giải độc cho chúng là chủ ý ly dục, thiện ý vô sân và bất hại.

Tham và sân có căn vứ vững chắc cho nên không dễ gì chúng chịu nhượng bộ. Tuy nhiên, chế ngự chúng không phải là không thể làm được nếu chúng ta có một chiến lược hiệu quả. Đức Phật đã nghĩ ra và dùng con đường gián tiếp: tiến hành tấn công vào những ý nghĩ do những phiền não phát sinh. Tham và sân hiện lên trong hình thức của ý nghĩ và như thế chúng có thể bị tiêu diệt theo tiến trình "thay thế ý nghĩ" bằng cách thay thế chúng với những ý nghĩ đối lập với chúng. Chủ tâm ly dục là thuốc điều trị tâm tham. Tâm tham phát sinh những biểu hiện của ý nghĩ dục vọng: như ý nghĩ nhục dục, chiếm đoạt và sở hữu. Những ý nghĩ ly dục phát sinh từ thiện căn vô tham, chúng khởi động mỗi khi chúng được tu tập. Bởi vì những ý nghĩ trái ngược nhau không thể hiện hữu cùng một lúc, khi những ý nghĩ ly dục được khởi động, chúng trực xuất những ý nghĩ dục vọng. Cách này làm cho tâm vô tham thay thế tâm tham. Cũng như vậy, chủ tâm thiện ý và vô hại cho ta thuốc giải độc trừ sân hận. Lòng sân hận đến từ một trong

những ý nghĩ thuộc ác ý như giận dữ, thù nghịch hay uất hận, hay trong ý nghĩ tàn hại như khuynh hướng độc ác, tấn công và tiêu diệt. Ý nghĩ tâm vô sân chống lại sân hận đã bộc phát trước đây, ý nghĩ bất hại thay cho tàn hại. Bằng cách này, vô sân cắt bỏ cội rễ độc hại của sân hận.

Chủ Đích Ly Dục

Đức Phật diễn tả giáo lý của Ngài là đi ngược với hướng đời. Hướng đời là hướng theo dục vọng và người chưa giác ngộ đi theo hướng này trôi theo dòng dục vọng, đi tìm hạnh phúc bằng cách săn đuổi những gì họ tưởng tượng sẽ được mãn nguyện. Thông điệp ly dục của Đức Phật tuyên bố hoàn toàn trái ngược: đối với sự lôi kéo của dục vọng cần phải chống lại và cuối cùng từ bỏ. Dục vọng cần được từ bỏ không phải vì nó xấu ác trên bình diện đạo đức nhưng vì nó là cội nguồn của đau khổ. (4) Như vậy ly dục, quay mặt với khát vọng và sự thúc giục được toại nguyện, trở thành chiếc chìa khóa mở cửa hạnh phúc, giải thoát khỏi ràng buộc của chấp thủ.

Đức Phật không đòi hỏi mọi người phải rời bỏ cuộc sống tại gia để vào tu viện hay bắt những ai theo Ngài phải từ bỏ ngay những lạc thú của năm giác quan. Cấp độ ly dục tùy vào ý hướng và hoàn cảnh của mỗi người. Tuy nhiên, Ngài vẫn giữ nguyên một nguyên lý hướng dẫn: muốn đạt đến giải thoát, chúng ta bắt buộc phải diệt trừ hoàn toàn khát vọng và sự tiến bộ trên đường tu tập nhanh hay chậm tùy theo khả năng chế ngự khát vọng của mình. Thoát khỏi thống trị của dục vọng có thể không dễ dàng, nhưng khó khăn không phải lý do để cho chúng ta không làm những gì cần phải làm. Vì khát vọng là nguồn gốc của đau khổ (dukkha), chấm dứt đau khổ tùy thuộc vào sự loại trừ khát vọng và điều này cần phải hướng tâm về ly dục.

Nhưng ở ngay thời điểm này, khi chúng ta cố gắng từ bỏ sự chấp thủ thì chúng ta lại gặp phải một sự phản kháng trong tâm rất mãnh liệt. Tâm thức không muốn từ bỏ sự nắm giữ những đối tượng mà nó đã bị ràng buộc. Nó đã quen với chiếm hữu, tham tiếc và ôm giữ trong một thời gian dài nên hình như không thể nào thoát khỏi những thói quen này chỉ bằng sự tác động của ý chí. Một người có thể đồng ý cần phải ly dục, muốn từ bỏ sự ràng buộc, nhưng khi tiếng gọi của ly dục thật sự vang lên thì tâm thức thụt lùi lại và tiếp tục hành động theo sự điều khiển của dục vọng.

Như vậy bằng cách gì đập phá được xiềng xích của dục vọng là cả một vấn đề. Đức Phật không dạy phương pháp đè nén là giải pháp: nỗ lực xua đuổi dục vọng với tâm thức đầy sợ hãi và ghê tởm. Cách này không



giải quyết được vấn đề mà nó chỉ đẩy vấn đề xuống dưới bề mặt, nơi nó tiếp tục phát triển. Dụng cụ Đức Phật đưa ra để giải thoát tâm thức khỏi dục vọng là hiểu biết. Ly dục thật sự không phải là việc ép buộc chúng ta từ bỏ những gì trong thâm tâm mình vẫn còn yêu quý nhưng là việc thay đổi cách nhìn về chúng để chúng không còn trói buộc chúng ta. Khi chúng ta am hiểu bản tánh của dục vọng hay khi chúng ta nghiên cứu để biết nó rõ ràng bằng sự quan sát tường tận thì dục vọng tự động biến mất, không cần tranh đấu.

Hiểu rõ dục vọng là cách để có thể tháo gỡ sự khống chế của nó, chúng ta cần thấy rõ dục vọng khi nào cũng ràng buộc với đau khổ. Toàn thể hiện tượng dục vọng, với chu kỳ ham muốn và thỏa mãn, tùy thuộc vào cách của chúng ta nhận thức sự vật. Chúng ta tiếp tục làm nô lệ cho dục vọng vì chúng ta thấy nó như là phương tiện để đạt đến hạnh phúc. Nếu chúng ta nhìn thẳng vào dục vọng từ một góc độ khác thì tác dụng của nó sẽ bị tiêu tan và kết quả là sẽ hướng về ly dục. Điều cần phải có để chuyển hóa nhận thức được gọi là "sự cân nhắc bằng trí tuệ" (yoniso manasikāra. Như lý tác ý. ND). Giống như nhận thức ảnh hưởng cho ý nghĩ, ý nghĩ cũng có thể ảnh hưởng cho nhận thức. Những nhận thức thông thường của chúng ta bị tác động bởi "sự cân nhắc thiếu trí

tuệ" (ayoniso manasikàra. Phi lý tác ý. ND). Thông thường chúng ta chỉ thấy bề mặt của sự vật, nhìn thoáng qua, dựa vào sở thích và nhu cầu gần nhất của mình. Ít khi chúng ta đào tận gốc rễ những ràng buộc của mình hay nghiên cứu hậu quả lâu dài của chúng. Chấn chỉnh điều này đòi hỏi phải cân nhắc bằng trí tuệ: nhìn vào những ý đồ che giấu sau hành động, khảo sát kết quả của chúng, thẩm định giá trị của mục đích của mình. Trong sự nghiên cứu này sự quan tâm của chúng ta không đặt vào những gì vừa ý mà chú ý đến những gì đúng sự thật. Chúng ta phải chuẩn bị và quyết tâm khám phá những gì đúng sự thật ngay cả khi những điều đó làm ta không còn thoải mái. Bình an thật sự luôn luôn nằm bên sự thật chứ không nằm bên sự thoải mái (For real security always lies on the side of truth, not on the side of comfort).

Khi xem xét dục vọng thật kỹ, chúng ta nhận thấy đau khổ luôn luôn đi theo nó như bóng với hình. Đôi lúc, đau khổ xuất hiện như một nỗi đau đớn hay bức tức; thông thường, nó tiềm ẩn với những khuynh hướng luôn luôn bất mãn. Nhưng cả hai, dục vọng và đau khổ là hai trạng thái không thể tách rời nhau và luôn hoạt động với nhau. Chúng ta có thể tự kiểm chứng quan hệ này bằng cách quan sát toàn thể chu kỳ của dục vọng. Ngay ở thời điểm dục vọng phát sinh nó tạo cho chúng ta một cảm giác thiếu thốn, đau khổ vì ham muốn. Để chấm dứt đau khổ này chúng ta phải nỗ lực làm thỏa mãn dục vọng. Nếu nỗ lực của chúng ta thất bại, chúng ta sẽ cảm thấy vỡ mộng, thất vọng, đôi khi tuyệt vọng. Nhưng ngay cả khi sự hài lòng của thành công chưa phải là trọn vẹn, chúng ta sợ chẳng may có thể mất đi những gì chúng ta đã giành được. Chúng ta cảm thấy phải bảo vệ vị trí của mình, gìn giữ lãnh thổ, chiếm lấy nhiều thêm, thành đạt cao hơn, củng cố kiểm soát chặt chẽ hơn. Những đòi hỏi của dục vọng hình như bất tận và mỗi dục vọng luôn đòi hỏi sự vĩnh cửu. Nó muốn những gì chúng ta có phải trường tồn. Nhưng tất cả những đối tượng của dục vọng đều vô thường. Dù cho của cải, quyền hành, địa vị hay người của mình thì cũng không tránh khỏi sự chia lìa và sự đau khổ do chia lìa gây ra, tương ứng với cường độ của sự quyền uy: quyền uy càng nhiều đem lại đau khổ càng lớn; quyền uy càng ít đem lại đau khổ càng nhỏ; không quyền uy thì không đau khổ. (5)

Quan sát sự đau khổ gắn liền với dục vọng là một cách hướng tâm về ly dục. Cách khác là quan sát trực tiếp những lợi ích phát sinh từ ly dục. Chúng ta không nên nghĩ chuyển hóa dục vọng sang ly dục là chuyển hạnh phúc sang đau buồn, chuyển hóa phú quý sang bần hàn. Nó có nghĩa vượt qua

những lạc thú dung tục lệ thuộc để đến hạnh phúc và an lạc cao thượng, từ thân phận nô lệ đến chủ nhân. Dục vọng sinh ra sợ hãi và đau buồn nhưng ly dục cho ta lòng dũng cảm và hoan hỷ. Ly dục đẩy mạnh thành tựu trong cả ba giai đoạn của tam học: trau dồi đạo đức, trợ giúp cho định tâm và nuôi dưỡng hạt giống của trí tuệ. Suốt con đường tu tập từ đầu cho đến cuối thật ra có thể xem như một tiến trình chuyển hóa của ly dục để đạt đến cuối cùng là Niết Bàn như là giai đoạn tận cùng của xả bỏ, "xả bỏ tất cả kết cấu của sự tái sinh" (sabb'upadhipatinissagga).

Khi chúng ta quan sát có phương pháp những nguy hiểm của dục vọng và những lợi ích của ly dục, từ từ chúng ta hướng tâm thoát ra ngoài sự điều khiển của dục vọng. Những luyến ái tự động rơi rụng như lá cây một cách tự nhiên. Sự thay đổi không xảy ra trong chớp nhoáng, nhưng khi kiên trì tu tập thì chắc chắn nó sẽ đến. Bằng cách quan sát liên tục, ý nghĩ này sẽ đánh ngã ý nghĩ kia, chủ tâm ly dục sẽ trục xuất chủ tâm của dục vọng.

(còn tiếp)

Chú thích Chương III:

1. Nekkhammasaṅkappa: chủ ý xa lìa dục vọng, abyapàdasaṅkappa: chủ ý thiện, không sân, avihimsasaṅkappa: chủ ý không gây hại.
2. Kāmasaṅkappa: chủ ý dục vọng, byapàdasaṅkappa: chủ ý sân ác, avihimsasaṅkappa: chủ ý tàn hại. Tuy rằng kama thường có nghĩa là dục vọng của giác quan nhưng trong ngữ cảnh này hình như cho phép sự diễn tả rộng hơn, như là sự mong muốn cho mình trong mọi hình thức.
3. Tăng chi bộ 1:16.2.
4. Nói một cách chính xác, tham lam hay dục vọng (raga) trở thành vô đạo đức chỉ khi nào nó thúc giục những hành động vi phạm những nguyên tắc đạo đức căn bản, như là giết hại, trộm cắp, ngoại tình, vân vân. Khi nó chỉ là một tâm sở hay thể hiện ra hành động không trái đạo đức như là sự quá thích thú với món ăn ngon, mong muốn được khen ngợi, những liên hệ tình dục không làm hại người khác. Tuy rằng, nó không trái đạo đức nhưng vẫn là một hình thức khát vọng tạo ra sự lệ thuộc đưa đến đau khổ.
5. Để biết sự miêu tả đầy đủ về dukkha tương quan với dục vọng của giác quan, xem Trung bộ kinh 13.

Tứ cú lục bát "HOA"

TÔI & SÁNG

*Thì thôi nhắm mắt đưa liều
Hai chân chạm phải ít nhiều hên xui
Một là hăm hồ tối thui
Hai là hoa nở bùng trời trong veo!*

NGUYỄN BÌNH

*Đóa hoa hồng khép cánh sương
Hà Nội ba sáu phố phường chân quê
Chờ nhau quán lạnh vô đề
Tôi còn nhớ lắm xuân về tương tư!*

NỖ MUỘN

*Rời nhau gửi một hẹn thề
Vài mươi năm mới tin về xe hoa
Duyên tình tan mất xưa xa
Mừng em nở muộn, tôi già nặng lưng.*

GỌI KHÔNG VỀ

*Loay hoay tiền bạc, bạc tiền
Cánh hoa tàn héo bên đèn ử ê
Khóc thầm bóng chiếc giữa khuya
Thơ đi hoang gọi không về hút tẩm.*

VÔ DUYÊN

*Bạt ngàn cỏ úa thảo nguyên
Đóa hoa khát vọng chao nghiêng giang hồ
Chiều chờ vơ ánh sao mờ
Chuyến bay định mệnh hững hờ vụt qua...*



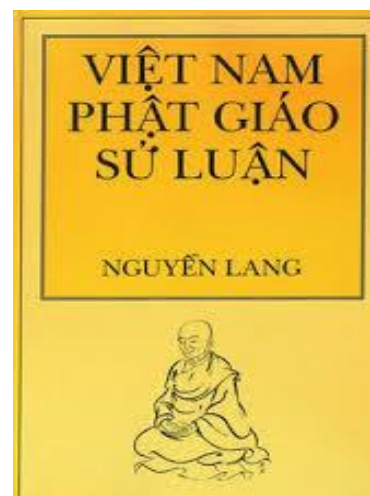
thơ

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

(Chương XXXVIII,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

ỦY BAN LIÊN PHÁI BẢO VỆ PHẬT GIÁO

Ngày 25.5.1963, thiền sư Tịnh Khiết triệu tập một cuộc gặp mặt giữa các tập đoàn thuộc Tổng hội Phật giáo Việt Nam và đại diện các tổ chức và môn phái Phật giáo khác như Giáo hội Nguyên Thủy, Thiền tịnh Đạo Tràng, Giáo hội Theravada, v.v... để thảo luận về kế hoạch tranh đấu. Một Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo được thành lập để chỉ đạo cho cuộc vận động của Phật giáo do thiền sư Tâm Châu đứng làm chủ tịch dưới quyền lãnh đạo tối cao của đại lão thiền sư Tịnh Khiết.

Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo được thành lập, tiếng nói của Phật giáo Việt Nam từ đây là tiếng nói thống nhất của Phật giáo đồ toàn quốc. Sự thống nhất ý chí và lực

lượng của Phật tử Việt Nam mà lâu nay tất cả mọi người mong mỏi, đã được thực hiện trong vòng hai tiếng đồng hồ, trong một hoàn cảnh cực kỳ nguy biến cho số mạng Phật giáo.

Sau khi thành lập Ủy ban Liên phái, đại diện các giáo phái có mặt tại chùa Xá Lợi ngày 25.5.1963 công bố một bản tuyên ngôn ngắn và gọn tỏ bày quyết tâm đoàn kết tranh đấu bất bạo động cho sự thực hiện năm nguyện vọng. Bản tuyên ngôn mang chữ ký của các thiền sư Thiện Hoa, trụ sự trưởng Giáo hội Tăng già Nam Việt; thiền sư Minh Trực, pháp chủ Giáo hội Thiền Tịnh Đạo Tràng; thiền sư Thiện Hòa, trụ sự trưởng Giáo hội Tăng già Toàn quốc; thiền sư Thanh Thái, trụ sự trưởng Giáo hội Tăng già Bắc Việt tại miền Nam; thiền sư ;Bửu Chơn, tăng thống Giáo hội Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam, thiền sư Lâm Em, tăng thống Giáo hội Theravada; thiền sư Tâm Châu, phó hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam; cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu, hội trưởng hội Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam; cư sĩ Vũ Bảo Vinh, hội trưởng hội Việt Nam Phật giáo (Bắc Việt, tại miền Nam); cư sĩ Sơn Thái Nguyên, đại diện Phật tử Theravada (người Việt gốc Miên) và cư sĩ Mai Thọ Truyền, hội trưởng hội Phật học Nam Việt.

PHÁT KHỞI CUỘC VẬN ĐỘNG

Sáng ngày hôm sau, 26.5.1963, một phái đoàn Phật giáo đến Phủ Tổng Thống để trình bản Phụ Đính của Tuyên Ngôn 10.5.1963 và cho chính quyền biết rằng theo lệnh của đại lão thiền sư Tịnh Khiết, các cấp tăng ni trong toàn quốc sẽ tuyệt thực trong 48 tiếng đồng hồ kể từ 14 giờ ngày 30.5.1963 để đòi hỏi chính quyền làm thỏa



Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo: từ trái qua phải là Thiền sư Huyền Quang, Thiền sư Tâm Châu, Thiền sư Thiện Minh, Thiền sư Thiện Hoa và Thiền sư Đức Nghiệp (trong một cuộc họp với chính phủ tại hội trường Diên Hồng)

mãn Năm Nguyên Vọng.

Vào khoảng 10 giờ sáng ngày 30.5.1963, để chuẩn bị cho cuộc tuyệt thực, 352 vị tăng ni đã tổ chức biểu tình, xuất phát từ chùa Ấn Quang, diễu hành tới trụ sở Quốc hội và yêu cầu được gặp các đại biểu Quốc hội. Đồng thời một lá thư của thiền sư Tâm Châu, chủ tịch Ủy ban Liên phái (8), được gửi tới chủ tịch Quốc hội là Trương Vĩnh Lễ, yêu cầu Quốc hội xác định lập trường đối với những yêu sách của Phật tử. Tại Huế, trước giờ tuyệt thực, Đoàn Sinh viên Phật tử tung ra một bức thư kêu gọi sinh viên học sinh toàn quốc siết chặt hàng ngũ sau lưng giới lãnh đạo Phật giáo để tranh thủ cho lý tưởng Tự do và Bình đẳng (9). Ngày 31.5.1963 sinh viên của tất cả các phân khoa Viện Đại học Huế họp hội nghị tại chùa Từ Đàm, lập một bản kiến nghị yêu cầu tổng thống và chính phủ “giải quyết năm nguyện vọng chính đáng và tối thiểu” của Phật tử, đòi chính phủ thực thi “một chính sách tự do, dân chủ và bình đẳng thật sự” và chấm dứt những “mánh lới trẻ con và thiếu tri thức của cán bộ đối với tín đồ Phật giáo”. Ký tên vào bản kiến nghị này có đại diện các trường Y khoa, Sư phạm, Văn khoa, Luật khoa, Khoa học, Cán sự Y tế và Điều dưỡng, Cao đẳng Mỹ thuật, Quốc gia Âm nhạc và Viện Hán học.

Đoàn sinh viên Phật tử Huế mà chủ tịch là Phan Đình Bình đã đóng một vai trò quan trọng trong bước đầu của cuộc tranh đấu. Tại Sài Gòn, Đoàn sinh viên Phật tử lập tức hưởng ứng lời kêu gọi của họ và dẫn thân ngay vào cuộc vận động.

Tại Huế, trưa ngày 1.6.1963, một cuộc biểu tình lớn được tổ chức trong đó sinh viên và học sinh tới dự rất đông đảo. Tất cả những người đến biểu tình đều tình nguyện gia nhập cuộc tuyệt thực lúc ấy sắp chấm dứt và do đó, mọi người quyết định kéo dài cuộc tuyệt thực thêm 24 giờ đồng hồ.

Tại thủ đô Sài Gòn và các tỉnh thị, cuộc tuyệt thực đã được rất đông tăng ni và quần chúng tham dự. Chùa Ấn Quang và chùa Xá Lợi là hai trung tâm tuyệt thực quan trọng nhất ở thủ đô: Riêng số tăng ni tuyệt thực tại hai chùa đã lên tới gần 800 vị. Tại các tỉnh, phong trào quần chúng dâng lên ào ạt: Những cuộc biểu tình và diễu hành được tổ chức khắp nơi.

Trước khí thế đấu tranh đó, chính quyền tăng cường các lực lượng phòng thủ và tấn công. Tại Sài Gòn, chiều 30.5.1963 các lực lượng cảnh sát, công an và mật vụ được dàn ra bố trí trên các nẻo đường bao quanh chùa Xá Lợi. Tại Huế, cảnh sát chiến đấu và mật vụ bao vây các chùa Từ Đàm, Báo Quốc và Linh Quang. Ngày 3.6.1963, cảnh sát chiến đấu, lính nhảy dù và biệt kích, vũ trang đầy đủ, án ngữ các nẻo về chùa, chặn đứng làn sóng người từ thành phố kéo lên. Cảnh sát



chiến đấu mang mặt nạ, súng cầm lưỡi lê, đứng cản đường quần chúng. Không tiến thêm được nữa, sinh viên học sinh và đồng bào ngồi ngay xuống mặt đường, chấp tay hướng về chùa Từ Đàm tụng niệm cầu nguyện. Lực lượng cảnh sát tung lựu đạn cay và lựu đạn khói vào giữa quần chúng, trong khi một đàn chó *berger* được thả ra để hành hung cắn xé. Đồng bào la hét vang trời. Thiền sư Trí Thủ nghe tin vội vàng tới tận nơi can thiệp để quần chúng được thông thả ra về. Đoàn người về tới Bến Ngự thì lại bị một lực lượng cảnh sát khác tấn công bằng lựu đạn cay và lựu đạn khói. Hàng trăm người bị khói và hơi cay làm ngất xỉu.

Ngày 4.6.1963 quần chúng lại kéo lên chùa. Lần này cảnh sát chiến đấu dùng dây thép gai rào các chùa Từ Đàm, Báo Quốc và Linh Quang. Thiết giáp được huy động đến trấn giữ quanh chùa. Các lực lượng nhảy dù và biệt kích vây kín các chùa, không cho phép một ai ra vào. Quần chúng áp dụng sách lược hôm qua, ngồi xuống đường và tụng niệm. Lựu đạn cay, lựu đạn khói và chó *berger* lại được tung ra để đàn áp. Lần này số đồng bào bị thương lên đến 142 người, trong đó có 49 người bị thương nặng. Tất cả đều được chở về điều trị tại bệnh viện trung ương.

Tại các tỉnh, các chùa trụ sở của hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Tăng già đều bị phong tỏa một cách tương tự.

Từ ngày 31.5.1963, cư sĩ Mai Thọ Truyền, hội trưởng hội Phật học Nam Việt đã gửi văn thư cho toàn thể Phật tử trong hội Phật học Nam Việt kêu gọi mọi người tham dự cuộc tranh đấu. Các đơn vị tỉnh hội bắt đầu cộng tác với Giáo hội Tăng già Nam Việt địa phương để tổ chức cuộc tranh đấu tại các tỉnh miền Nam.

CHIẾN THUẬT CỦA CHÍNH QUYỀN

Căn cứ chính của cuộc tranh đấu như các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Giác Minh, Từ Quang, Báo Quốc, Từ Đàm và Linh Quang lúc đó đã hoàn toàn bị cô lập. Chính quyền còn cho cắt nước và cắt điện của các chùa. Tại



các tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Ba Xuyên, những đoàn thể Phật giáo bị bắt ép ký những kiến nghị ủng hộ chính quyền. Cảnh sát chặn bắt và đuổi về nguyên quán tất cả những tăng ni từ các tỉnh lên Sài Gòn. Những tăng sĩ từ Sài Gòn về các tỉnh cũng bị chặn bắt; hành lý của họ bị soát giữ và những tài liệu in ronéo của cuộc tranh đấu bị tịch thu. Ở các ngã đường Sài Gòn, cảnh sát có quân đội trợ lực chặn bắt và lục soát những người mang tài liệu của cuộc tranh đấu. Các quán ăn và các tiệm cà phê ở thủ đô đều có mặt vụ nhà nước thường trực.

Các toán cảnh sát chiến đấu, công an xung phong, thanh niên cộng hòa, an ninh quân đội và quân cảnh trang bị máy truyền tin và vũ trang đầy đủ đi bủa khắp thủ đô, canh gác, chặn xét các tăng ni và những người qua đường. Quân đội và cảnh sát được lệnh cấm trại. Mặt vụ và công an theo dõi để khủng bố hoặc bắt giam và tra tấn những người nghi đang là lãnh đạo cuộc tranh đấu, ngấm ngấm bỏ tài liệu Mặt trận Giải phóng miền Nam vào các chùa rồi lục soát để vu cáo các thiền sư và Phật tử theo Cộng sản.

Những biện pháp trên của chính quyền không những không dập tắt được ngọn lửa



đấu tranh của quần chúng mà còn làm cho ngọn lửa này cháy bùng lên thêm mạnh. Khắp nơi trên thế giới, báo chí đã nói tới cuộc tranh đấu và phóng viên cùng quan sát viên quốc tế đổ tới Sài Gòn càng lúc càng nhiều. Ủy ban Liên phái cho ấn hành những bản tin truyền đi từ các đài B.B.C, V.O.A, v.v... và những bài báo ngoại quốc nói về cuộc tranh đấu. Các nước khối Phật giáo không liên kết lên tiếng ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam. Ý thức được tầm quan trọng của dư luận quốc tế, Phật giáo cương quyết đẩy mạnh cuộc tranh đấu.

ỦY BAN LIÊN BỘ

Trong khi đó, chính quyền một mặt tăng cường những biện pháp kiểm soát, một mặt cố sức xoa dịu tình trạng bằng cách thành lập một Ủy ban Liên bộ có mục đích hợp tác cùng Ủy ban Liên phái để đi đến giải quyết những nguyện vọng của Phật tử. Tuy ý thức được cơ mưu hoãn binh của chính quyền, Ủy ban Liên phái cũng phải chấp nhận sự cộng tác với Ủy ban Liên bộ, theo đúng đường lối bất bạo động. Một phái đoàn hỗn hợp của hai bên được gửi ra Huế để giải tỏa các chùa Từ Đàm, Linh Quang, Báo Quốc, và Diệu Đế, đồng thời kêu gọi Phật tử trở về sinh hoạt bình thường, kiên nhẫn chờ đợi những biện pháp của chính quyền.

Sự lắng dịu, tuy vậy, chỉ kéo dài được chưa tới một tuần lễ. Thấy tình trạng không đổi thay và sự đối thoại với Ủy ban Liên bộ không đưa đến kết quả nào cụ thể trong khi chính quyền vẫn âm thầm siết chặt những biện pháp kiểm soát, Ủy ban Liên phái ra lệnh tiếp tục cuộc đấu tranh. Ngày 11.6.1963, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt, Phan Đình Phùng, đúng 10 giờ sáng, một vị thiền sư ngồi xuống trong tư thế kiết già, lấy dầu xăng đổ lên áo cà sa mình đang mặc và châm lửa tự thiêu, tự biến mình thành một bó đuốc.



NGỌN LỬA QUẢNG ĐỨC

Vị thiền sư ngồi tự thiêu ở ngã tư Phan Đình Phùng – Lê Văn Duyệt tên là Thích Quảng Đức, sáu mươi bảy tuổi, trú trì chùa Quan Âm ở Gia Định. Trong tư thế kiết già, tay bắt ấn Cam Lộ, ông ngồi vững như một pho tượng đồng trong khi ngọn lửa cháy lên cao gần bốn thước, phủ trọn cả thân hình ông. Đó là vào khoảng đầu giờ Ngọ ngày 11 tháng 6 năm 1963.

Lửa cháy trước con mắt kinh ngạc của những ký giả và nhiếp ảnh gia quốc tế. Lửa cháy trước niềm xót thương và lòng kính cẩn của quần chúng có mặt tại đó. Xe cộ dừng lại cả và mọi người đến vây quanh cảnh tượng hào hùng chưa từng thấy xảy ra ở thủ đô Sài Gòn. Mười lăm phút sau, nhục thân của thiền sư ngã xuống; tiếng kêu khóc của quần chúng vang lên, nức nở. Vài giờ đồng hồ sau, hình ảnh và tin tức thiền sư Quảng Đức tự thiêu đã tràn ngập trên các hệ thống truyền hình và báo chương quốc tế. Nhật báo nào cũng đăng hình thiền sư tự thiêu ở trang đầu với tiêu đề lớn. Thế giới chấn động, dồn hết sự chú ý về phía trời Đông Nam Á. Không một ai trên trái đất còn giữ thái độ hờ hững về cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam.

Thiền sư Quảng Đức tên là Lâm Văn Tức, sinh năm 1897 tại làng Vạn Khánh, quận Vạn Ninh, thuộc tỉnh Khánh Hòa. Lên bảy tuổi, ông được người cậu ruột đem về nuôi và đổi tên là Nguyễn Văn Khiết. Ông xuất gia với thiền sư Hoảng Thâm, thọ đại giới năm 20 tuổi và bắt đầu tu khổ hạnh ở núi Ninh Hòa. Trong năm năm, ông tu thiền và đi du hóa, theo hạnh đầu đà, chỉ giữ bên mình một y và một bát. Sau đó, ông về định cư tu tập tại chùa Thiên Ân ở Ninh Hòa, gần thị trấn Nha Trang.

Năm 1932, ông được chi hội Ninh Hòa của hội An Nam Phật học mời làm chứng minh đạo sư. Được ít lâu sau đó, ông lại lên đường hành hóa ở các tỉnh miền Nam Trung Việt, đóng góp vào công việc kiến tạo và trùng tu của mười bốn ngôi chùa rải rác trong vùng. Năm 1943, ông vào hành hóa tại các tỉnh miền Nam: Sài Gòn, Gia Định, Bà Rịa, Long Khánh, Định Tường và Hà Tiên. Rồi ông lên Kim Biên (Nam Vang) và dựng tích tượng ở đây trong ba năm, vừa hành đạo vừa học hỏi thêm các kinh điển Pali. Trong thời gian hành hóa tại miền Nam và ở Nam Vang, ông đã góp công tạo lập hoặc trùng tu cả thảy là 17 ngôi chùa. Ngôi chùa ông thường trú lâu nhất là chùa Long Vĩnh, vì vậy giới Phật tử miền Nam thường gọi ông là hòa thượng Long Vĩnh. Chùa này tọa lạc tại quận Phú Nhuận tỉnh Gia Định. Tuy ngôi chùa cuối cùng mà ông trú trì là chùa Quan Thế Âm ở số 68 đường Nguyễn Huệ thị xã Gia Định, ông cũng còn chính thức là tọa chủ chùa Long Phước ở tỉnh Khánh Hòa.



Năm 1953, Giáo hội Tăng già Nam Việt thỉnh ông làm Trưởng ban Nghi Lễ và hội Phật học Nam Việt mời ông làm trú trì chùa Phước Hòa, trụ sở của hội.

Ông đã có ý tự hiến mình cho cuộc vận động từ ngày 27.5.1963 khi ông viết một lá thư cho Giáo hội Tăng già Toàn quốc phát nguyện tự thiêu để đóng góp vào công trình tranh đấu (10). Lời thỉnh nguyện này bị giáo hội bác bỏ. Tuy vậy ông vẫn quyết tâm thực hiện ý nguyện. Sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963, trước khi tự thiêu, ông đã viết để lại một bức thư gọi là Lời Nguyện Tâm Huyết, nói rõ chủ định và nguyện vọng của ông. Điều đáng ghi nhớ là toàn văn bức thư này đã không chứa đựng một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào mà trái lại còn thấm nhuần tình thương và hy vọng. Nguyên văn bức thư như sau:

"Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trú trì chùa Quan Âm, Phú Nhuận, Gia Định.

Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngả, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi đờm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giá tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công bảo tồn Phật giáo.

Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện sau đây:

1/ Mong ơn Phật tổ gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên ngôn.

2/ Nhờ ơn Phật tử bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

3/ Mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng Ni Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của kẻ ác gian.

4/ Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho tổng thống Ngô

*Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với
quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng
tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.*

*Tôi thiết tha kêu gọi Chư Đại Đức Tăng
Ni Phật tử nên đoàn kết nhất trí để bảo toàn
Phật pháp."*

Ngoài ra ông còn để lại thơ và kệ, cả
thầy là năm bài, dặn dò bốn đạo và đệ tử.
Thiền sư Quảng Đức đã lay chuyển được lòng
người tại hải ngoại cũng như ở quốc nội.
Người Việt tại hải ngoại, hợp tác với các bạn
ngoại quốc, liên kết thành những đoàn thể
tranh đấu yểm trợ cho cuộc vận động. Đồng
bào quốc nội, Phật tử hay không Phật tử,
trong niềm cảm thương, đều cảm thấy không
còn sợ sệt một điều gì nữa, cương quyết đẩy
mạnh cuộc tranh đấu. Văn nghệ sĩ sáng tác
rất nhiều trên nguồn cảm hứng mới. Thi sĩ Vũ
Hoàng Chương đã viết bài *Lửa Từ Bi* để ca
ngợi tình huynh đệ thắp lên bằng ngọn lửa
Quảng Đức:

*"Lửa, lửa cháy ngất tòa sen
Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện
Thành thơ, quỳ cả xuống
Hai vầng sáng rừng rừng
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chắp tay đón một mặt trời mới mọc
Ánh đạo vàng phơi phơi đang bùng lên,
dâng lên*

*Ôi đích thực hôm nay trời có mặt
Giờ là giờ hoàng đạo nguy nga
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
Nhìn nhau: tình huynh đệ bao la
Nam mô Đức Phật Di Đà
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?
Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
Người rẽ phẳng đêm tối đất dày
Bước ra ngồi nhập định hướng về Tây
Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngo
Phật pháp chẳng rời tay
Sáu ngả luân hồi đâu đó
Mang mang cùng nín thở
Tiếng nấc lên từng nhịp bánh xe quay
Không khí vạn mình theo, khóc òa lên*

*nổi gió
Người siêu thăng... giông bão lắng từ đây
Bóng người vượt chín tầng mây
Nhân gian mất rợp bóng cây Bồ Đề.
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi
Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi
Rồi đây... rồi mai sau... còn chi?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục*

*nát
Với thời gian, lê vết máu qua đi
- Còn mãi chữ, còn trái tim Bồ tát
Dội hào quang xuống tận chốn A tì
Ôi ngọn lửa huyền...
Thế giới ba nghìn, phút giây ngơ ngác
Từ cõi vô minh*

*Hướng về an lạc
Vấn điệu thi nhân chỉ còn là rơm rác
Và cũng chỉ nguyện được là rơm rác
Thơ chảy lên theo với lời kinh
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này.
Thôn thức nghe lòng trái đất
Mong thành quả phúc về Cây
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Đồng loại chúng con nắm tay nhau tràn
nước mắt
Tình thương hiện thắp chín từng xây."*

Ngọn lửa Quảng Đức làm chấn động dư
l luận quốc tế và rung chuyển cả chế độ Ngô
Đình Diệm. Hoàng kinh, ngay chiều hôm
11.6.1963, chính quyền ra lệnh phong tỏa
các chùa, nhất là chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, nơi
di thể của thiền sư Quảng Đức được an trí.
Cảnh sát dàn khắp mọi nẻo đường dẫn đến
chùa Xá Lợi để ngăn chặn những lớp sóng
người đổ xô về chùa này. Bất chấp những lực
lượng cảnh sát này, đồng bào ulla đến chùa
Xá Lợi như thác đổ để nghiêng mình trước di
thể thiền sư Quảng Đức. Ban đầu cảnh sát
dàn áp và bắt giữ những người tới chùa
nhưng sau đó cảnh sát bị làn sóng người tràn
ngập. Bốn giờ chiều hôm đó đã có khoảng 15
ngàn người có mặt tại chùa Xá Lợi. Làn sóng
người càng lúc càng dồn dập khiến cho chính
quyền phải ra lệnh giải tỏa chùa Xá Lợi.

Trong nhiều ngày liên tiếp, quần chúng
tới đầy nghẹt chùa Xá Lợi, trong sân cũng
như ngoài đường. Lễ rước di thể của thiền sư
Quảng Đức được định vào sáng ngày
16.6.1963. Giới lãnh đạo cuộc tranh đấu đã
dự tính tổ chức vào dịp này một cuộc biểu
dương đoàn kết lớn.

(còn tiếp)

[8] Sau đây là những thành viên khác
của Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo: các
thiền sư Thiện Hoa, Tâm Giác và Bửu Chơn
(ba vị phó chủ tịch), thiền sư Huyền Quang
(văn phòng trưởng), thiền sư Quảng Liên (ủy
viên nhân sự), các thiền sư Minh Trực, Trí
Quang, Pháp Tri, Lâm Em, Thiện Minh và
Thanh Thái (sáu vị cố vấn), thiền sư Đức
Nghiệp (ủy viên ngoại giao), thiền sư Quảng
Độ (phụ tá ngoại giao), thiền sư Giác Đức (ủy
viên nội an kiêm giảng huấn), thiền sư
Chánh Lạc (thư ký), thiền sư Hộ Giác (phụ tá
giảng huấn) và cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ
Truyền (tổng thư ký).

[9] Đọc nguyên văn ở sách *Việt Nam
Phật Giáo Tranh Đấu Sử*, do Tuệ Giác xuất
bản, Sài Gòn, 1964, trang 139.

[10] *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật
giáo Việt Nam*. Quốc Tuệ, Sài Gòn, 1964,
trang 94 - 96.



CHÁNH NIỆM VÀ TỈNH THỨC

(*Câu Chuyện Cuối Tuần*— bài viết hàng tuần của GĐPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Lam viên thương mến,

Bài kệ đầu tiên ĐỨC PHẬT dạy là:

*Tránh làm các việc ác
Nên làm những việc thiện
Giữ Tâm Ý trong sạch.*

Nghe thật đơn giản nhưng thực hành trong đời sống hằng ngày không phải dễ. Vì "việc ác" không chỉ việc về thân mà còn về miệng và ý nữa.

Về THÂN có 4 là sát, đạo, dâm, vọng; về MIỆNG có 4: nói dối, nói lời ác độc, nói lời chia rẽ, nói lời hung dữ. Ý có 3: tham, sân, si.

Vậy muốn TRÁNH thì chúng ta phải "thấy" được chúng khi chúng khởi lên, mà muốn được vậy, chúng ta phải có CHÁNH NIỆM, TỈNH THỨC.

CHÁNH NIỆM để nhận ra và tỉnh thức để NHÌN rõ chúng nó. Khi bị nhìn thấy thì chúng không còn hiện hành ra được nữa.

Tuy nhiên mấy ai thực hành chánh niệm tỉnh thức trường kỳ 24/24, trừ những người được Đức Phật gọi là HIỀN GIẢ.

Xin ghi ra bài kệ NHẤT DẠ HIỀN GIẢ để ACE chúng ta nhớ đến pháp tu này, giúp người Huỳnh trưởng GĐPT thực hành Chánh Niệm Tỉnh Thức một cách hiệu quả:

QUÁ KHỨ KHÔNG TRUY TÌM
TƯỢNG LẠI KHÔNG ƯỚC VỌNG
QUÁ KHỨ ĐÃ ĐOẠN TẬN
TƯỢNG LẠI THÌ CHƯA ĐẾN
CHỈ CÓ PHÁP HIỀN TẠI
TUỆ QUẢN CHÍNH Ở ĐÂY.

KHÔNG ĐỘNG KHÔNG RUNG CHUYỂN
BIẾT VẬY NÊN TU TẬP
Hôm nay nhiệt tâm làm
Ai biết được ngày mai?
Không ai điều đình được
VỚI ĐẠO QUẢN THẦN CHẾT
TRƯ NHƯ VẬY NHIỆT TÂM
ĐÊM NGÀY KHÔNG MỆT MỎI

**XỨNG GỌI NHẤT DẠ HIỀN
BẠC AN TỈNH TRẦM LẶNG.**

Nói tóm lại Chánh niệm và Tỉnh thức là 2 điều kiện CẦN và ĐỦ để thực hành các pháp Tu Phật đạo.

Nói theo ngôn ngữ bình thường của ACE Huỳnh Trưởng mình là phải giữ cho Tâm đừng bay nhảy như khi, vượn, mà phải giữ Tâm TRONG SÁNG, ĐỊNH TỈNH, THIỀN LẠNH.

Thân kính chúc ACE một mùa Trăng Trung Thu tràn hương Tử Bi.

Trân trọng,
NAL



THIỀN TẬP VỚI TRẺ EM

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nhiều người đã nhìn về thiền tập như là những gì rất gian nan, rất khó cho người trong đời thường. Thực tế, đúng là sẽ rất khó khăn, nếu chúng ta thử ngồi yên trong nửa giờ — chỉ nói ngồi yên thôi, chưa cần nói tới việc liên tục giữ được tâm tĩnh thức an tịnh (như pháp chỉ) hay liên tục giữ được tâm tĩnh thức quán sát (như pháp niệm thân, thọ, tâm, pháp).

Bước đầu tất nhiên là gian nan. Nhất là khi học Thiền Tông theo truyền thống, dù là để nhập lý trước, hay nhập hạnh trước. Đường đi nào cũng đầy vách núi gian nan. Người thành niên còn thấy khó, huống gì là với trẻ em.

Thí dụ, khi học tới một bài thơ thường được dẫn của Bàn Ưẩn Cư sĩ:

*Đản tự vô tâm ư vạn vật
Hà phương vạn vật thường vi nhiễu
Thiết ngữ bất phá sự tử hống
Cáp tự mộc nhân kiến hoa điều
Mộc nhân bốn thể tự vô tình
Hoa điều phùng nhân diệc bất kinh
Tâm cảnh như như kỳ cả thị
Hà lự Bồ đề đạo bất thành.*

Có thể dịch là:

*Chỉ tự lòng mình không khởi tâm gì với
vạn pháp*

*Thì nào có ngại vạn pháp quấy nhiễu
mình*

*[Giữ tâm lặng lẽ như] trâu sắt nào có sợ
gì sự tử rống*

*[Chỉ như] người gỗ nhìn thấy chim và
hoa*

*Bản thể người gỗ vốn không khởi tình [ưa
hay ghét gì]*

*Chim và hoa kia có gặp người cũng
chẳng kinh động*

*Nhìn tâm và cảnh như như chỉ là như thế
đó*

Thì lo gì đạo Bồ đề chẳng thành.

Tâm cảnh như như? Có vẻ như Thiền Tông khó vô cùng tận. Nhưng khi đối chiếu với Tạng Pali, sẽ thấy đúng y hệt lời Đức Phật dạy về pháp như thị cho ngài Bahiya:

*"Bahiya, hãy tu như thế này: trong cái
được thấy sẽ chỉ là cái được thấy, trong cái*

được nghe sẽ chỉ là cái được nghe..."

Và đó cũng là bài thơ của ngài Bàn Ưẩn, rằng hãy để các pháp hiện ra như thị, hiện ra như thế, gọi là [đản tự] vô tâm cũng được, hay vô niệm cũng được — nhưng hể níu vào ngôn ngữ khái niệm thì không còn là cái trước mắt, cái bên tai...

*

Tới đây, câu hỏi là: Làm sao dạy cho trẻ em cách giữ tâm an bình và tĩnh thức với tất cả những gì hiển lộ trong và ngoài chúng ta? Vẫn có nhiều cách. Các nhà giáo quốc tế đã nhìn thấy lợi ích của thiền tập, và đang tìm những cách đơn giản để dạy trẻ em biết giữ tâm tĩnh thức.

Rất nhiều khái niệm trừu tượng về thiền tập — thí dụ, "bây giờ và ở đây" là hai khái niệm về thời gian và không gian. Trái với khái niệm trừu tượng sẽ là cảnh cụ thể, như hình ảnh và âm thanh. Cái bàn, cái ghế trước mắt, hay tiếng xe hơi chạy... là những gì chúng ta có thể chỉ ra cho các em thấy, nghe. Nhưng nói về khái niệm trừu tượng trong tâm, hẳn là các em từ lớp ba hay lớp bốn trở lên mới có thể hình dung, và cũng chỉ là mượn tượng, vì phải chỉ vào kim đồng hồ, hay vị trí đang ngồi, đang đứng — nghĩa là, tạm giải thích.

Khó là, làm sao cho các em bậc tiểu học có thể ngồi lặng lẽ trong vài phút và cảm



nhận được hạnh phúc, cảm thọ an lạc ngay trong các khoảnh khắc đó. Không thể nào bảo rằng các em nên tập thiền hôm nay để nhiều năm sau sẽ gặt hái thành quả, vì các em không mấy khi kiên nhẫn quá vài phút đồng hồ. Bởi vậy, thiền tập với trẻ em là những gì phải cực kỳ đơn giản, và phải thấy an vui gần như tức khắc.

Như ở Úc châu, thông tấn ABC Radio Canberra hôm 25/5/2017 có bản tin tựa đề "Mindfulness and movement program teaching students to relax and focus" (Chương trình tỉnh thức và vận động dạy học trò thư giãn và chú ý).

Trường tiểu học này có tên Gold Creek Primary School, ở phía bắc thành phố Canberra. Hơn 700 học sinh trong 25 lớp học tại trường này đang thử nghiệm một chương trình tập thiền tỉnh thức trong lớp mỗi tuần.

Hai học trò lớp 6 tên là Uzair Iqbal và Jessica Harmer nói với đài ABC rằng thiền tập giúp các em chú tâm hơn.

Uzair nói: "Tập xong, ai cũng dịu dàng và bình lặng, chúng em thấy thư giãn, và có ít tiếng ồn hơn và ít có chuyện gián đoạn trong lớp hơn. Em nghĩ là nếu em sắp vào kỳ thi và em tập kỹ thuật tỉnh thức trước khi thi, em sẽ thấy có một tâm sáng tỏ hơn để không phải lo âu nhiều quá và rồi vào kỳ thi. Tuyệt vời khi biết một cách để thư giãn trong khi bận rộn."

Lớp thiền tỉnh thức hàng tuần này kéo dài 20 phút, dạy thở và cách chú tâm vào các cử động dịu dàng.

Đó là chuyện bên Úc châu. Hay ở Hoa Kỳ. Bản tin trên đài truyền hình WIVB kể rằng trường West Hertel Academy tại thị trấn North Buffalo ở tiểu bang New York có một phòng thiền tập, với một nhà giáo giữ chức vụ tư vấn thiền tập (meditation consultant) để hướng dẫn các em pháp Thiền tỉnh thức. Vị tư vấn đó làm việc ba ngày một tuần cho trường. Trường này có các lớp PK-8, tức là từ lớp tiền-mẫu-giáo tới lớp 8.

Bản tin AP ngày 20/5/2017 cũng kể về chương trình dạy Thiền tỉnh thức cho học trò tiểu học ở thành phố Dillon, tiểu bang Colorado. Đó là trường Summit Cove Elementary.

Bản tin kể về cách cô giáo Jen Leslie hướng dẫn 21 em trong lớp tập thiền. Cô nói: "Các em hãy chú tâm vào hơi thở, hơi vào và hơi ra nơi mũi. Nếu muốn, có thể nhắm mắt. Ghi nhận lồng ngực phồng lên và xẹp xuống với từng hơi thở vào và ra."

Chương trình Thiền tỉnh thức nơi đây dạy các em từ lớp tiền-mẫu-giáo (pre-kindergarten) cho hết lớp 5.

*

Sau đây, chúng ta sẽ liệt kê một số phương pháp dạy Thiền tỉnh thức theo cách đơn giản, thích nghi cho trẻ em, dựa vào các hướng dẫn đang dạy ở Hoa Kỳ và Úc châu.

Tập lắng nghe. Cô giáo yêu cầu các em trong lớp ngồi thẳng lưng, hai bàn chân áp sát mặt đất, hai tay đặt trên bàn, nhắm mắt, và lắng nghe tiếng khánh (hay tiếng chuông) do cô giáo gõ một tiếng — hãy nghe từ khởi đầu âm thanh vang lên, tới khi âm thanh này im bặt. Nếu dùng loại singing bowl của Nhật Bản, âm thanh có thể ngân dài tới 1 phút đồng hồ. Cô dạy, khi em nào nghe dứt tiếng chuông, nhớ đưa hai tay lên cao, đưa từ từ, đưa thật chậm, và khi tay cao tột cùng sẽ đưa tay từ từ hạ xuống, cũng giữ tâm vào cử động của hai cánh tay. Như thế, là xong 2 phút thiền tập.

Tập thở với thú cưng bằng nhựa hay bằng vải. Yêu cầu các em nằm dài xuống, lưng áp sát đất, để một con thú vài (thí dụ, chó, mèo, khủng long, sư tử... hay búp bê may bằng vải, hay bằng nhựa) đặt trên bụng. Không cần dạy đếm hơi thở, vì các em còn nhỏ có thể sẽ đếm nhầm, hoặc chưa học đếm. Dạy các em rằng hãy quan sát bằng cảm giác nơi ngực và bằng mắt nhìn lim dim: khi hít hơi thở vào nhẹ nhàng, chú ý thấy con thú vài trên người nâng lên theo lồng ngực của em; khi thở hơi ra nhẹ nhàng, chú ý thấy con thú vài hạ xuống theo lồng ngực. Cô giáo có thể cho tập như thế vài phút.

Tập niệm thân. Cho các em ngồi, thẳng lưng, thở dịu dàng vài hơi, rồi yêu cầu các em nhận biết từng cử chỉ và từng cảm giác: hãy xoa dịu dàng hai lòng bàn tay vào nhau, cho ấm hai lòng bàn tay một chút, rồi yêu cầu các em dịu dàng áp sát hai lòng bàn tay vào mặt bàn, cảm nhận hơi nóng trong lòng bàn tay giảm đi trong khi cảm nhận hơi mát từ mặt bàn. Sau đó, yêu cầu các em co các ngón tay vào lòng bàn tay, tạo ra cảm giác căng ở các bàn tay, và từ từ duỗi các ngón tay ra, cảm nhận từng cảm giác nơi các ngón tay, bàn tay... Thời lượng có thể chỉ 1 hay 2 phút.

Tập nghe nhịp tim. Yêu cầu các em tập thể dục 1 phút, hoặc nhảy xồm hoặc chạy một chỗ, rồi yêu cầu ngồi xuống, nhắm mắt lại, cảm nhận nhịp tim đập, hoặc cảm nhận mạch máu đập ở các nơi trong thân.

Tập niệm thân trước khi ngủ. Buổi trưa, khi các em ngủ trưa, nằm duỗi toàn thân, yêu cầu các em chú tâm vào cảm thọ từ dưới bàn chân (có thể tự nhúc nhích ngón chân để dễ nhận ra cảm giác), rồi từ từ chú tâm lên đầu gối, lên hông, tới lưng đang áp sát sàn gạch bông, tới cổ (có thể cử động cổ nhẹ nhàng để dễ nhận ra), tới mắt, đỉnh đầu... rồi thư giãn toàn thân, giữ cảm thọ toàn thân...

Tập đi thiền hành. Nếu đi trong phòng, nên chân trần, yêu cầu các em cảm nhận bàn chân từng bước nhấc lên và đặt xuống, chạm vào mặt gạch bông và cảm nhận mát lạnh nơi lòng bàn chân. Nếu đi bộ ngoài vườn, cần mang giày hay dép, yêu cầu các em lắng nghe bất kỳ tiếng nào chung quanh, như tiếng xe, tiếng chim kêu, tiếng nước chảy róc rách, vân vân.

Tập tỉnh thức khi ăn. Khi tập, tránh ăn các quả có hạt, như cam hay quýt vì có thể sợ ý làm hạt cam, hạt quýt rơi vào cổ. Tránh ăn quá cay, quá ngọt, hay quá mặn, vì sẽ tán tâm. Nên lấy một mẩu bánh mì, yêu cầu các em từ từ xé nhỏ bánh mì, rồi đưa một mẩu bánh vào, nhai thật chậm, thật kỹ, cảm nhận vị ngọt trong bánh...

Tỉnh thức ngủi. Để giữa bàn một bánh làm bằng táo, quế, dầu, chuối... mới nấu chín. Yêu cầu các em ngồi quanh bàn, nhắm mắt, thở dịu dàng, ngủi dịu dàng 1 hay 2 phút, rồi nói xem có thấy mùi trái cây gì không nơi bánh mới nấu. Không nên nói rằng có em nào kém nơi đây, vì tất cả cùng đáng khen, vì trẻ em ngồi thiền lắng lẽ trước bánh đều là tuyệt vời.

Tỉnh thức rửa tay. Trước khi ăn, yêu cầu các em rửa tay, chú ý cảm nhận nước chảy trên hai bàn tay, hơi lạnh, hơi mát, lau tay...

Tỉnh thức với hơi thở. Bất kỳ đi đứng nằm ngồi, yêu cầu các em nên thở dịu dàng, thở lặng lẽ, lắng nghe hơi thở, cảm nhận hơi thở lan toàn thân...

Đó là một số cách đơn giản dạy Thiền tỉnh thức cho trẻ em, dựa vào các phương pháp tại một số trường tại Hoa Kỳ và Úc châu. Quý thầy cô có thể sẽ thấy nhiều cách đơn giản tương tự. Chỉ vài phút tập tỉnh thức trong các việc nhỏ đời thường, sau này sẽ trở thành những hành trang Phật giáo cực kỳ quý giá cho các em vào đời sống.

[Trích *Thiền tông qua bờ bên kia*]

CHIẾC CẦU QUÊ HƯƠNG

*Đây ảnh Cầu Xưa còn lưu lại
Gợi niềm hoài nhớ chốn quê xa
Mây ơi cho nhẩn lòng tâm sự
Gợi vọng về quê nổi nhớ nhà*

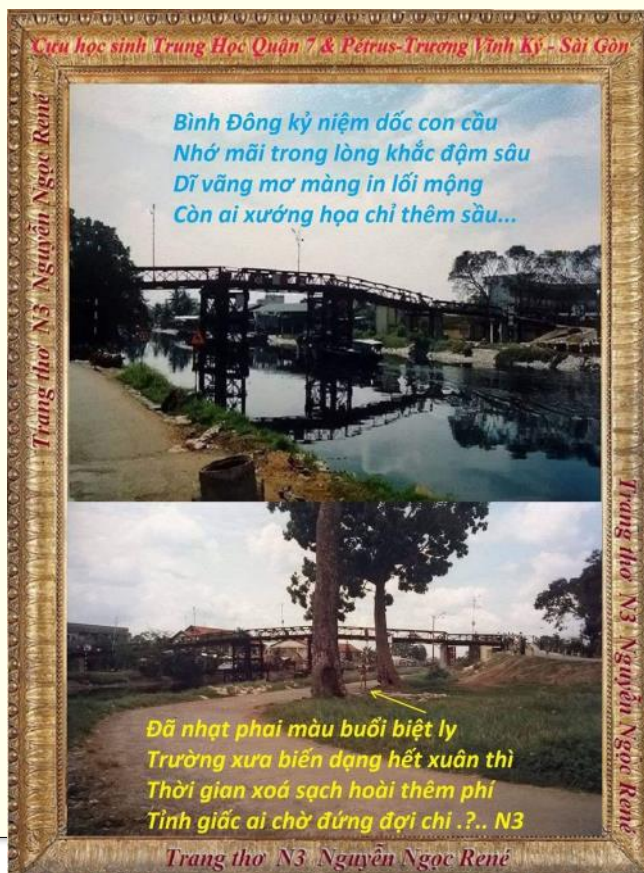
*Ta nhớ thời gian ngày đi học
Mỗi sáng đều qua dốc con cầu
Cầu sắt nhưng tình nhiều thân thiết
Bây giờ cầu cũ lạc về đâu?!*

*Con kinh Tàu-Hủ chảy về xa
Dòng nước nao nao quuyến tình nhà
Mấy chục năm xa miền cổ quận
Bây giờ chắc khác thuở xa xưa?!*

*Dù đi muôn dặm chẳng hề quên
Một thuở quê nghèo ta lớn lên
Những người bạn cũ năm xưa ấy
Giờ bốn phương trời ai nhớ, quên?!*

Mình Giới NGUYỄN THIỆU

(Trích Tâm ảnh: "Bình Đông Cầu Số 2" của tác giả Nguyễn Ngọc René-in Paris, France). - Nơi đây cũng là quê tôi.



Ơi, con chim chiền chiện...

TRẦN HOÀNG VY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Anh bạn nhà thơ được cậu học trò tặng cho một con chim, thoát nhìn giống con chim sẻ, với bộ lông hai màu trắng xám dần dần, song có giọng hót vang lảnh lớt, gợi sự chú ý của mọi người. Hỏi chim gì? Cậu học trò trả lời: “*Thưa chim Sơn ca ạ!*”

Khi bạn tìm mua cái lồng để nuôi nhốt chim, người bán lồng lại khẳng định là con chim... Chiền chiện! Chợt nhớ sách giáo khoa chú thích “*chim Chiền chiện*” trong bài thơ của Thanh Hải: “*Mọc giữa dòng sông xanh/ Một bông hoa tím biếc/ Ơi con chim chiền chiện/ Hót chi mà vang trời?*” là cách gọi của người miền Trung về con chim Sơn ca! Tra trên Wikipedia thì chim Chiền chiện có tên khoa học là Cistiolidae, thuộc bộ sẻ, có khoảng 110 loài, và chim Sơn ca cũng nằm trong các loài của Chiền chiện.

Cũng theo mô tả, chim Chiền chiện ăn côn trùng và làm tổ thấp trong các lùm, bụi cây. Và theo những người nuôi chim cảnh chuyên nghiệp, có thể nhìn chân, hoặc lưỡi chim mà xác định chim thuộc loài nào, ngoài ra còn căn cứ màu lông vàng, hoặc có chữ V ở dưới cổ để biết loại chim v.v...

Chim Chiền chiện, một cách gọi dân gian, vậy nhưng tiếng hót của chim lại rất được nhiều người ưa thích và mê mẩn. Nhà thơ Huy Cận cũng đã có riêng một bài thơ về chim Chiền chiện, với

những câu thơ ca ngợi giọng hót lảnh lớt của chim: “*Khúc hát ngọt ngào/...Tiếng ngọc trong veo*”, và nhà thơ đã dồn mọi ca ngợi, yêu mến vào hai câu thơ cuối thật hay: “*Chỉ còn tiếng hót/ Làm xanh da trời!*”

Đó là con chim được tự do bay nhảy ngoài trời, ngoài thiên nhiên, không bị cảnh “*Cá chậu, chim lồng*”, sáng sáng điểm tâm vài hạt thóc, vài con sâu để... hót mua vui cho mọi người. Bên cạnh quán café quen thuộc, luôn có bàn riêng của hội chim cảnh, tầm 6, 7 giờ sáng đã tụ họp nhiều người, mỗi người một cái lồng, trùm vải kín mít, chùng gấp nhau, kéo tấm vải che, chim cất giọng líu lo, và sau đó từng chặp, từng chặp những giọng hót vang lên, phần khích, rộn rã. Lặng tai nghe kỹ, đôi khi có tiếng hót chùng như... gây sự? Ngẫm nghĩ, tưởng chỉ có “*Con gà ghét nhau tiếng gáy*”, dè dặt cả loài chim cũng... không ưa gì tiếng hót của nhau. Nếu thả ra, chỉ qua vài tiếng gáy, là chim có thể xáp vào nhau mà... mổ, đá, tranh cao thấp. Cái du dương, trầm bổng và điệu “*nghệ của nghệ thuật đã trở thành cảnh*...” “*Thượng cảnh... mờ, hạ cảnh cánh*” mất rồi? May mà chim quân tử, chỉ giáp mặt mới... đá nhau, không có chuyện “*đâm sau lưng*”, nhưng vì “*say đá*” mà chim mới bị những người săn chim, đưa con chim mới, hoặc âm thanh cài sẵn ra khiêu

khích, và thế là chim sập bẫy...

Trở lại con chim Chiền chiện của bạn, ngày ngày vẫn cất cao giọng hót lảnh lớt “*vang lồng*”, nhưng có lúc chim buồn, ủ rũ, biếng ăn, dù thức ăn... dâng tận mồm!

Một sáng sớm, bạn mở cửa lồng, con chim nghiêng ngó cảnh giác một hồi và vụt bay mất hút. Bạn nhìn theo, miệng lẩm nhẩm những câu thơ trong bài “*Con chim Chiền chiện*” của nhà thơ Huy Cận: “*Con chim Chiền chiện/ Bay vút, vút cao.../... Chỉ còn tiếng hót/ làm xanh da trời*”... Mắt bạn rực sáng, long lanh. Tôi tin chắc bạn đang có một tứ thơ mới về con chim Chiền chiện và bầu trời tự do...



Truyện Cực Ngắn

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

THÀNH PHỐ

Trời âm u mưa xám kéo dài suốt buổi sáng. Gã kéo mũ thấp xuống trán, chỉnh trang lại chiếc áo măng tô đen lặng lẽ đi khuất sâu vào lòng thành phố. Ngõ vắng người thưa. Thành phố ngủ yên trong cơn mê sảng. Chưa bao giờ gã thấy phố phường thê lương như thế, sự im lặng hoang vắng bao trùm, những tòa nhà cũng mệt mỏi thiêm thiếp say. Nơi những con đường này suốt hai mươi mấy năm tuổi trẻ, gã đã rong ruổi, say sưa và tuyệt vọng nhưng chưa một lần mất đi niềm ham sống. Gã cứ ngỡ thành phố cũng mãi trẻ trung, mãi cuồng nhiệt như thuở nào. Và gã giờ đã bước vào tuổi trung niên, sắp sửa về hưu, khi nhịp sống đã dần chậm lại vẫn có thể vào mỗi buổi sáng, từ ban công của chung cư cao tầng giữa lòng thành phố, nhìn xuống dòng người hối hả ngược xuôi, những con đường nhộn nhịp mà thấy mình như được tiếp thêm năng lượng tuổi trẻ. Hay có thể vào mỗi buổi tối, gã cầm ly rượu whisky nhìn xuống ánh đèn đêm náo nhiệt cũng chia vui với nhịp đời ngả nghiêng trong yên lặng âm thầm. Sự khắc khoải của cuộc đời vẫn hiện diện, những nỗi lo âu vẫn còn hằn trên đôi mắt nhưng vẫn đầy niềm vui và tiếng cười. Tất cả như mới chỉ hôm qua đây thôi. Giờ mỗi căn nhà là một pháo đài, mỗi góc đường một chốt chặn, mỗi con người một âu lo đơn độc, với những nỗi niềm hầu như không thể sẻ chia trong cuộc chiến im



lặng không tiếng súng mà khốc liệt vô cùng. Đôi khi có một cuộc điện thoại đến báo tin có một người bạn, người anh em ngã xuống, mỗi ngày bản tin báo bao nhiêu đồng bào ra đi đầy ngậm ngùi chua xót. Gã không thể làm gì khác được ngoài im lặng, cố giữ bình yên và cầu chúc an lành cho sớm an bài thế cuộc. Và gã tiếp tục viết, tiếp tục sống tử tế mỗi ngày. Dù như thế nào đi nữa, cuộc sống vẫn phải tiếp tục, gã vẫn phải đấu tranh cho những điều mình tin tưởng, dù chẳng đáng gì, dù chỉ như mây bụi hồng trần, dù tất cả cũng chỉ là phù du. Nhưng ý nghĩa cuộc đời luôn nằm trong sự hữu hạn phù du đó. Và xương máu nước mắt mà gã dùng để viết về nên cuộc đời mình chưa bao giờ là giả trá. Và cả thành phố này cũng thật như bao nhiêu cuộc đời thầm lặng đã tạo thành dáng hình phồn hoa của nó. Những giọt nước mắt, mồ hôi và xương máu đã chảy ra dù âm thầm nhưng luôn là thực hữu. Thành phố vẫn còn nguyên vẹn hình hài máu thịt và sẽ

bước đến ngày mai như đã đi qua bao nhiêu biến cố không ngờ. Gã kéo cao cổ áo, chỉnh trang lại mũ rồi nhìn quanh. Rất nhiều những con người đội mũ phớt mặc áo măng tô như gã cũng bước sâu vào con ngõ nhỏ, trở thành một phần của thành phố. Không, tất cả chúng ta đều chính là thành phố, vẫn thờ ơ và hy vọng giữa những ngày tháng không tên. Rồi dòng chảy thời gian sẽ cuốn trôi, bao lớp người đi qua và tiếp nối nhưng giữa trời đất vô danh, chính chúng ta trở thành lịch sử.

Sài Gòn, ngày 12/8/2021

BÀY BIÊN

Một chiều mưa buồn, anh lật quyển sổ tay cũ, đọc lại những câu thơ vụng dại viết từ tuổi hai mươi. Vậy mà đã hai mươi hai năm qua rồi, thời gian như cơn lũ dữ, nhìn lại mình tóc đã hoa râm. Những câu thơ vụng dại ngày đó lại khiến anh cảm thấy rất đời bụi đời, như thể tìm ra được vài viên gạch cũ, vài mảnh vỡ ly tán trên cái nền nhà cũ xưa đã tan hoang vì thời gian, mưa gió bụi lấm và bao lần chinh chiến. Đã từ lâu anh xây một căn nhà mới, tuy không xa nền nhà cũ xưa nhưng về huy hoàng và ngời sáng của niềm an trú nơi căn nhà hiện tại khiến anh nhiều khi thoáng quên đi nỗi gian truân lúc khởi điểm của việc xây nhà. Nhưng xét cho cùng thì có cả sự lú lẫn của tuổi già nữa. Sự hay quên của tuổi tác và sự mệt mỏi của

hình hài theo tiếng thời gian khắc khoải nhiều khi lại là ân điển, giúp ta có thể với bắt nhiều nỗi đau xưa. Chỉ thoảng những lúc chiều mưa, ngồi một mình không biết làm gì cho qua ngày tháng, ta lần lại những kỷ vật cũ, đọc những dòng thơ chứng nhân xưa mà giật mình thương thân bé nhỏ bơ vơ giữa đời. Và rồi ta lại biết thương thêm chính ta, biết trân trọng hơn những điều trước mặt. Quan trọng nhất là ngọn lửa ngày xưa anh thắp lên trong mình rực rỡ tuổi hoa niên, giấc mơ văn chương ngạo nghễ vào đời ngày nào đang âm ỉ giờ lại bùng cháy lên tươi vui mạnh mẽ. Đây chính là liều thuốc thần cho thân xác mệt mỏi và tinh thần lãng quên. Phải làm tiếp việc của mình đi chứ, phải đi tiếp con đường đã bắt đầu từ tuổi thanh xuân thôi. Anh tự nhủ với mình như thế. Và sau bữa buổi tối với vài ly rượu để thắp dây hơi men ngày xưa, anh tranh thủ đi ngủ sớm. Mình không còn trẻ nữa, phải biết giữ sức bền và sự tập trung. Sáng sớm hôm sau tỉnh dậy người đầy khoan khoái. Anh pha một ấm trà, dùng một bữa sáng đơn giản. Anh ra sân bày biện lại đồ vật, bắt đầu công việc của mình. Một chiếc búa, một chiếc đục, một chiếc bay để tô tường trộn vôi vữa theo anh bao nhiêu năm, giúp anh xây nhiều căn nhà hữu thể, mở rộng một đế chế dựng xây. Anh nhìn chúng triu mến để nhớ lại khởi đầu của mình, để ngọn lửa ngày xưa lại bùng cháy. Rồi anh đào một cái hố giữa sân nhà, trồng một cái cây nhỏ với niềm tận tụy bao la. Anh đã có nhà và không cần phải vất vả nữa nhưng anh cần phải làm việc, giữ ngọn lửa trong tim mình để truyền lại qua ngũ ngôn. Căn nhà mà anh xây vốn là chỗ an trú của dòng sinh mệnh, các dụng cụ búa, đục là tư duy và vôi vữa, gạch đá xây nhà là ngôn

ngữ, cây xanh là niềm hy vọng và sự trao truyền. Cây sự sống sẽ lớn mãi, tỏa bóng rậm rạp. Anh ngồi trong nhà chiêm ngưỡng và canh giữ cho cây để thắp lên sự sống và ngọn lửa nhiệt thành mỗi ngày với niềm tin yêu vào mảnh đất trần gian vừa là hoang mạc và cũng là thiên đường duy nhất cho chính mình.

Sài Gòn, ngày 15/7/2021

PHỄ TÍCH

Ký ức là khu vườn tủa ngát hương hoa quá khứ mà trí nhớ là những bước chân khế khàng khua tan niềm im lặng. Anh bước vào với những bước chân chim để tìm kiếm lại và lặng lẽ hồi tưởng những dư âm. Bắt đầu từ một tấm hình cũ xưa anh quan sát thật kỹ để những đường nét mờ phai chợt hiện lên sống động rõ ràng và tiếng cười nói vang dậy xung quanh. Anh ngồi xuống bậc thềm cũ rêu xanh để nghe lại bước chân thơ dại của ngày xưa cũ. Cả một thế giới của tuổi thơ ngày vụt sáng hiện bày quanh anh. Những niềm ao ước của ngày xưa tuổi nhỏ anh đã tự thành và giờ quay trở lại khu vườn xưa để biết ơn và tưởng nhớ. Anh đi dạo một vòng quanh sân nhà cũ rộng lớn. Tiếng thông reo và gió thổi rì rào vẫn y như bao nhiêu năm trước. Cả những bông cúc cánh chuồn trắng và tím vẫn khoe khê đung đưa run rẩy từ bao nhiêu năm xưa với đàn ong mật ve vãn quanh mình. À còn chỗ góc sân này anh thường hay ra đây thơ thẩn mỗi lúc có chuyện gì buồn không như ý. Thật trẻ thơ biết bao nhiêu. Anh mỉm cười, sau này cuộc đời cứ mười chuyện đã có tám chín chuyện không như ý mình, chỉ có thể chấp nhận và tiếp tục cố gắng mà thôi. Nhưng có một điều may mắn là

đứa bé ngây thơ ngày xưa trong con người anh vẫn còn nguyên đó. Không bao giờ đổi thay. Vì thế mà anh luôn được là chính mình, sống cách sống phù hợp với mình, dù có chút lẻ loi. Tất cả rồi cũng sẽ chìm trôi sâu tịch mịch. Anh như cây thông già trầm mặc buồn tênh. Ngồi nhà vẫn còn nguyên đó chờ anh trở về. Những bước chân lang thang kiếm tìm suốt thời trẻ tuổi để cho anh thấy rằng thiên đường duy nhất chỉ có ở mái nhà xưa. Và thiên đường thì thường tẻ nhạt, không vui vầy mê đắm trần gian hay đọa lạc ngã ngòn trong niềm xác thịt của địa ngục hồn người. Anh không thuộc về những nơi đó nên trở về nơi cư ngụ của mình. Anh tìm về mái nhà xưa, lục lại từng phế tích để làm sống lại một thế giới chói nắng và tủa ngát hương hoa. Sau cùng anh trở thành một cây thông già trầm mặc đứng ngay cánh cổng, thản nhiên rì rào trong gió vừa để an cư vừa canh giữ và cũng để đón chào những con người tuổi trẻ muốn vào thăm phế tích chốn thiên đường.

Sài Gòn, ngày 6/9/2021

ĐIỂM TỰA

Anh tìm đường đi giữa đám cỏ rậm rạp giữa bờ bãi hoang sơ. Thấy rồi, tảng đá vẫn còn đó, phủ kín rêu phong. Anh đặt ba lô xuống, lấy ra bộ ấm trà và mấy tờ báo để sửa soạn chỗ ngồi. Tựa lưng vào tảng đá, anh thấy mình trọn vẹn của những ngày xưa. Cậu bé hiền ngoan khi đó giờ đã trở thành ông chú trung niên, tóc thưa ngà bạc, gối mỏi lưng đau. Nhưng mây trời, gió thổi, cỏ dại và tảng đá đều nguyên vẹn ngày tháng cũ. Và nỗi niềm của anh cũng không hề đổi thay như từ bao nhiêu năm trước. Lấy bình nước sôi đã chuẩn bị sẵn, anh sửa soạn pha trà. Tựa lưng vào tảng đá, anh chìm vào những phút giây

êm đêm thư thả. Chén trà nóng ấm làm anh khoan khoái nhưng tựa mình vào chỗ thuộc căng làm anh thư thái tâm tư. Bao nhiêu năm dài dầu nắng mưa vẫn chỉ có tảng đá này là nơi anh yên tâm dựa vào mà không phải lo âu, căng thẳng. Còn lại bất cứ chỗ dựa nào cũng đều là ám ảnh hư vô. Nhiều lần giật mình tỉnh thức trong đêm khi anh mơ thấy mình hụt chân rơi xuống vũng sâu hay thấy chỗ mình tựa vào thành linh bị xô đổ hay biến mất. Vậy là anh biết mình cần phải trở về đây. Không được để cho mình kiệt sức. Giữa những ngày tranh đấu cũng cần phải sống cho những điều đáng sống. Anh tìm về chỗ tựa duy nhất này để phục hồi và suy ngẫm. Và tảng đá này như là nguồn năng lượng tiếp thêm cho anh sự tươi mới và hăng say. Nhưng đứng ra điểm tựa này như nhắc nhở anh trở về chính bản thân mình như chính anh ngày xưa cũ và can đảm sống cuộc đời của mình theo cách riêng. Dù sao bao nhiêu năm qua anh vẫn ổn thỏa khi xoay sở một mình. Có quan trọng gì đâu chứ? Cũng như cỏ dại mọc hoang, như tảng đá nằm yên ngủ, như gió thổi muôn phương, anh phiêu dạt rồi lại trở về. Lúc trở về mơ ngày phiêu dạt, lúc phiêu dạt lại mệt mỏi muốn quay về. Chưa khi nào anh biết an lành cho hiện tại. Ngày xưa anh không như thế. Đứa bé trong anh thuở xưa chỉ biết chơi đùa cùng cỏ dại, lúc nào cũng vui. Cái buồn phiền nếu có chỉ là thoáng nhỏ nhoi vì không được chơi nhiều thêm nữa. Vậy mà từ khi lớn lên một chút anh cứ đầu tắt mặt tối lo chuyện không đâu để cuối cùng chỉ còn lại xác thân mệt mỏi. Nhưng may mắn anh đã biết dừng lại. Không sao, mình trở về rồi, tựa lưng an lành rồi, chén trà hương tỏa thơm ngát. Điểm tựa bình an nhất cho chính mình lúc nào cũng là bây giờ và ở đây.

Sài Gòn, ngày 9/9/2021

CÓ GÌ ĐÓ TRONG BÓNG ĐÊM

*Có gì đó trong bóng đêm
Rạn vỡ phơi thai nhiệm mầu thân bi
Huyền hóa u minh ẩn tiềm hiển thị
Ngoài phố đêm im ỉm
Giọt thời gian rơi ra
Chảy xuống đôi mắt người thao thức
Vết thâm hằn chẳng chịt
Tan vào điệu kỳ diệu thoát thai
Nụ hoa sinh tử nở hai vai
Tia chớp lóe ngang trời
Màn đêm lóa thê
Có gì đó trong bóng đêm chợt hé
Đứa trẻ chào đời
Bầu trời tan loãng
Những ước mơ sột soạt chuyển mình
Cây khát vọng đâm chồi trước buổi bình minh...*



ANH CẦU GÌ

*Mẹ già trao cho anh nén hương
Khi anh về lại Hiền Lương thăm đền Thánh Mẫu
Đền vẫn thế dưới góc đa cổ thụ
Mặt hướng về Nam như vọng bước ai về
Anh cầu gì? Đang tỉnh hay mê
Mà con tìm rung lên niềm đau đã cũ
Mà môi mắt xôn xang một hình hài huyền dụ
Tình hấp hối ngày nao như cải tử hoàn sinh
Anh cầu gì?
Mà nghe như có Chúa Phật trong mình
Có Mẹ Thánh Âu Cơ hiền từ dang tay đón
Anh cầu gì?
Mà đền Mẫu khói hương bảng lảng
Trong ngàn vạn tiếng chân chờ một tiếng không về
Ngày hội tri ân tổ mẫu yêu thương
Anh không bán không hoa biết lấy gì dâng lên Mẹ
Thánh Mẫu Âu Cơ ơi! Chẳng phải điều mới mẻ
Một nén nhang lòng con xin được dâng lên
Ngày Mẹ giáng trần!
Em có về trong mười hai cô gái thanh tân
Trong mắt xuân nữ hành hương lần đầu bờ ngõ
Em có về bên giếng Loan giếng Phụng
Dưới góc đa già anh chợt thấy mưa rơi
Đứng giữa Hiền Lương ngàn đời anh mắc nợ
Thấy Thánh Mẫu dắt em về
Ngày tiên giáng em ơi!*

LUU LÃNG KHÁCH

NHẠC SĨ IRVING BERLIN và Bản Nhạc Lừng Danh '*God Bless America*'

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



*Nhạc sĩ Irving Berlin hát và trình diễn trên boong
tàu chiến Mỹ USS Arkansas vào năm 1944.
(nguồn: www.en.wikipedia.org)*

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 kỷ niệm 133 năm ngày sinh của nhạc sĩ Irving Berlin. Irving Berlin là nhạc sĩ người Mỹ, được biết tiếng khắp nơi là một trong những nhạc sĩ vĩ đại nhất trong lịch sử nước Mỹ. Âm nhạc của ông hình thành một phần rất lớn của Great American Songbook – là cuốn sách nhạc tổng hợp các tiêu chuẩn nhạc jazz quan trọng và các bản nhạc nổi tiếng của người Mỹ vào đầu thế kỷ 20. Ông là tác giả của các bản nhạc lừng danh "White Christmas" và "God Bless America." Ông sinh ngày 11 tháng 5 năm 1888 và mất vào năm 1989 ở tuổi 101, theo www.en.wikipedia.org.

Cuộc đời của Irving Berlin

Berlin sinh vào ngày 11 tháng 5 năm 1888 tại Israel Beilin, trong lãnh địa của Đế Quốc Nga. Dù gia đình ông đã đến từ một làng nhỏ người Do Thái tại Tolochin (ngày nay là Belarus), giấy tờ nói rằng ông đã được

sinh tại Tyumen, Siberia. Ông là một trong 8 người con của Moses (1848-1901) và Lena Lipkin Beilin (1850-1922). Cha ông, người điều khiển ban nhạc tại giáo đường, đã đưa cả gia đình đến Mỹ, giống như nhiều gia đình Do Thái khác đã làm như thế vào cuối thế kỷ 19.

Ngày 14 tháng 9 năm 1893, gia đình ông đến Đảo Ellis tại Thành Phố New York. Gia đình rời lục địa cũ từ Antwerp trên tàu SS Rijnsland từ Red Star Line. Khi họ đến, Do Thái làm khó dễ với 6 anh chị em của ông cho đến khi các viên chức di trú tuyên bố họ đủ điều kiện để được phép vào thành phố.

Sau khi đến thành phố, họ "Beilin" được đổi thành "Baline." Theo nhà viết tiểu sử Laurence Bergreen, khi lớn Berlin thừa nhận đã không nhớ gì về 5 năm đầu của ông tại Nga ngoại trừ một việc: "Ông nằm trên tấm mền trải dọc theo đường, nhìn căn nhà bị cháy rụi. Vào buổi sáng căn nhà thành tro bụi." Khi lớn, Berlin nói rằng ông đã không biết mình được nuôi dưỡng trong nghèo khổ bởi vì ông không biết cuộc sống của những người khác.

Gia đình Berlin là một trong hàng trăm ngàn gia đình Do Thái di cư tới Hoa Kỳ vào cuối những năm 1800s và đầu những năm 1900s, trốn thoát khỏi sự kỳ thị, nghèo khổ và những cuộc tàn sát người Do Thái tàn bạo, theo Ian Whitcomb trong tác phẩm "Irving Berlin and Ragtime America" được xuất bản vào năm 1987.

Sau khi đến Thành Phố New York, gia đình Baline đã sống một thời gian ngắn trong một tầng hầm trên Đường Monroe Street, và rồi sau đó dọn tới một căn nhà ba phòng trên Đường Cherry Street. Cha của ông, vì không thể tìm được việc làm tương đương như người điều khiển ban nhạc ở thánh đường tại New York, nên đã làm việc tại chợ thịt theo quy tắc ăn kiêng của người Do Thái và đã giúp



Hát bản nhạc “God Bless America” tại lễ tưởng niệm ở Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ vào ngày 11 tháng 9 năm 2008. (nguồn: www.en.wikipedia.org)

dạy tiếng Do Thái để kiểm thêm tiền hỗ trợ gia đình. Ông đã chết vài năm sau khi Irving mới có 13 tuổi.

Vừa đi học vài năm ở trường, cậu bé Irving 8 tuổi đã bắt đầu giúp đỡ gia đình. Cậu bắt đầu làm người bán báo The Evening Journal. Một ngày kia trong lúc đang giao báo, theo người viết tiểu sử của Berlin và cũng là bạn, Alexander Woollcott, cậu đã đứng xem một chiếc tàu nhỏ neo đi Trung Quốc và say sưa đến mức đã không thấy chiếc cần câu đang đang đưa, mà đã thòng cậu xuống sông. Khi cậu bị câu lên cậu xuống lần thứ ba, cậu vẫn giữ chặt 5 xu trong nắm tay mà cậu kiếm được ngày hôm đó, theo Alexander Woollcott trong tác phẩm “The Story of Irving Berlin” được xuất bản vào ngày 26 tháng 9 năm 2016.

Mẹ của ông làm bà mụ, ba người chị của ông làm nghề quần thuốc xì gà, là việc phổ thông đối với các cô gái di cư. Người anh của ông làm việc trong tiệm bán đồ may vá áo sơ mi. Mỗi tối, khi các thành viên về nhà, theo Bergreen kể rằng, “họ bỏ tiền cắt mà họ đã kiếm được ngày hôm đó vào cái bao da rộng.”

Sử gia về âm nhạc Philip Furia viết rằng khi “Izzy” bắt đầu đi bán báo tại Bowery, ông đã nghe âm nhạc và âm thanh đến từ các tiệm ăn và nhà hàng dọc theo những đường phố đông người. Chàng trai trẻ Berlin đã hát một số bản nhạc mà anh nghe được trong lúc bán báo, và người dân đã tặng cho anh ấy một số đồng tiền cắt. Cậu ấy đã thú tội với

người mẹ vào một buổi tối nọ rằng ước muốn mới nhất trong đời của cậu là trở thành một hầu bàn ca hát trong một tiệm ăn, theo Philip Furia trong tác phẩm “The Poets of Tin Pan Alley” do NXB Oxford University Press ấn hành vào ngày 25 tháng 6 năm 1992. Tuy nhiên, trước khi Berlin lên 14 tuổi mức thu nhập ít ỏi của cậu vẫn ít hơn của những người chị đối với ngân sách gia đình, làm cho cậu cảm thấy mình không có giá trị. Cậu đã quyết định rời khỏi nhà và tham gia vào quân đội rời rạc của thành phố cùng với những di dân trẻ khác. Cậu sống tại Bowery, ở tại một trong những nhà trọ làm nhà ở cho hàng ngàn con trai vô gia cư khác tại Lower East Side. Bergreen mô tả chúng như những chỗ ở khắc nghiệt.

Berlin đã hát một vài bài hát phổ biến mà cậu đã nghe được trên đường, hy vọng có người ném cho cậu một vài xu. Từ những môi trường chung quanh bụi bặm này, cậu đã trở thành nổi tiếng đường phố, với sự học hỏi thực sự và lâu dài. Âm nhạc là nguồn thu nhập duy nhất của cậu và cậu đã chọn ngôn ngữ và văn hóa của lối sống của khu xóm người Do Thái.

Berlin học hiểu loại bài hát gì lôi cuốn người nghe, theo Bergreen viết, “những giai điệu nổi tiếng bày tỏ những tình cảm đơn giản là đáng tin cậy nhất.” Cậu đã sớm bắt đầu việc hát những ca khúc tại Phòng Nhạc của Mục Sư Tony tại Quảng Trường Union Square và vào năm 1906, anh ấy đã 18 tuổi, có được việc làm hầu bàn ca hát tại tiệm

Pelham Café tại Phố Tàu. Ngoài việc phục vụ các thức uống, anh ấy đã hát những bản nhạc nhại lại lời để làm vui lòng khách hàng.

Người viết tiểu sử Charles Hamm viết rằng vào lúc rảnh rỗi sau giờ làm việc, Berlin tự học đàn piano, theo Charles Hamm trong tác phẩm "Irving Berlin: Songs from the Melting Pot" do NXB Oxford University Press ấn hành vào năm 1997. Sau khi tiệm đóng cửa vào ban đêm, chàng trai trẻ Berlin ngồi trước cây đàn piano ở phía sau và bắt đầu sáng tác những giai điệu. Nỗ lực đầu tiên của anh trong việc viết nhạc thực sự là "Marie From Sunny Italy," được viết với sự hợp tác của người chơi đàn piano của tiệm Pelham là Mike Nicholson, nhờ đó mà anh kiếm được 37 xu tiền bản quyền.

Berlin tiếp tục viết và chơi nhạc tại Tiệm Pelham Café và sớm phát triển một phong cách. Ông thích lời những bản nhạc của người khác nhưng thỉnh thoảng nhại điệu không ưng ý thì ông có thể sửa đổi chúng. Một đêm nọ ông hát một số bản nhạc do người bạn của ông là George M. Cohan, một đứa trẻ khác đang nổi tiếng trên sân khấu Broadway với các bản nhạc của chính cậu ấy. Khi Berlin kết thúc với nhạc phẩm "Yankee Boogie Boy" của Cohan, theo Whitcomb, "mọi người cùng vỗ tay khen ngợi cậu bạn nhỏ can đảm."

Max Winslow (1883–1942), một thành viên của nhà xuất bản âm nhạc Harry Von Tilzer Company, viết rằng giọng hát của Berlin trình diễn trên nhiều sự kiện và đã trở thành bị thu hút bởi tài năng mà anh đã cố gắng làm tròn công việc với công ty của mình. Von Tilzer nói rằng Max cho là "đã khám phá ra một cậu bé vĩ đại," và nói rất nhiều về anh ấy để Von Tilzer muốn Berlin, theo Charles Hamm trong tác phẩm "Irving Berlin: Songs from the Melting Pot" do NXB Oxford University Press ấn hành vào năm 1997.

Sau đó, vào năm 1908, khi tròn 20 tuổi, Berlin có được công việc làm mới tại một tiệm ăn có tên Jimmy Kelly's trong khu phố Union Square. Ở đó, chàng thanh niên này đã có thể hợp tác với những nhà soạn nhạc trẻ khác, như Edgar Leslie, Ted Snyder, Al Piantadosi, và George A. Whiting. Năm 1909, năm công chiếu cuốn phim Melting Pot của Israel Zangwill, anh ấy đã có một đột phá rất lớn khác khi trở thành nhân viên viết lời nhạc cho Công Ty Ted Snyder Company.

Sự nghiệp viết nhạc

Berlin đã nổi lên như nhà viết nhạc tại Tin Pan Alley và Broadway. Vào năm 1911, Emma Carus đã giới thiệu bản nhạc nổi tiếng thế giới đầu tiên của anh, "Alexander's Ragtime Band," theo sau một cuộc trình diễn của chính Berlin tại Câu Lạc Bộ Friars' Frolic

vào năm 1911, theo Robert Kimball và Linda Emmet trong tác phẩm tái bản năm 2001 "The complete lyrics of Irving Berlin." Anh ấy đã nổi tiếng ngay, và trở thành nghệ sĩ trình diễn nổi bật một năm sau đó tại nhà kịch nghệ của Oscar Hammerstein, nơi anh đã giới thiệu hàng chục bài hát khác. Báo The New York Telegraph mô tả làm sao hai trăm người bạn đường phố của anh đến để xem "đứa bạn của họ" trên sân khấu: "Tất cả điều mà nhà văn nhỏ bé có thể làm là cài cúc áo khoác trong lúc nước mắt chảy dài xuống má của anh ấy – tại nhà kịch nghệ!"

Vào năm 1913, Berlin đã được giới thiệu trong chương trình Hello Ragtime tại London, nơi ông đã trình làng nhạc phẩm "That International Rag," một ca khúc mà ông đã viết cho một sự kiện.

Furia viết rằng sự thành công trên quốc tế của "Alexander's Ragtime Band" giúp nhạc của người Mỹ da đen "một cuộc sống mới và khơi mào cho cơn sốt khiêu vũ quốc gia." 2 vũ công là người trình diễn cơn sốt là Vernon và Irene Castle. Vào năm 2014, Berlin đã viết nhạc kịch "Watch Your Step," với sự trình diễn của một cặp biểu hiện tài năng của họ trên sân khấu. Các bản nhạc của Berlin biểu thị chủ nghĩa hiện đại, và chúng tượng trưng cho sự xung đột văn hóa giữa sự nhẹ nhàng thời đại Victoria và những người cống hiến sự giải phóng, đam mê, và giải trí," theo Furia. Bản nhạc "Play a Simple Medley" trở thành các bài ca "kép" nổi tiếng của ông mà trong đó hai giai điệu và lời nhạc khác nhau được đối xứng với nhau, theo Philip Furia trong tác phẩm "The Poets of Tin Pan Alley" do NXB Oxford University Press ấn hành vào ngày 25 tháng 6 năm 1992.



*Nhạc sĩ Irving Berlin với các ngôi sao điện ảnh Alice Faye, Tyrone Power và Don Ameche hát hợp ca trong Ban Nhạc Alexander's Ragtime Band vào năm 1938.
(nguồn: www.en.wikipedia.org)*

Một số nhạc phẩm mà Berlin sáng tác biểu lộ sự buồn rầu của chính ông. Chẳng hạn, vào năm 1912 ông kết hôn với Dorothy Goetz, em của nhà soạn nhạc E. Ray Goetz. Bà đã chết 6 tháng sau vì bị sốt thương hàn trong lúc họ đi tuần trăng mật tại Havana, Cuba. Bản nhạc mà ông đã viết bày tỏ sự đau buồn của ông, "When I Lost You," là khúc ballad – bản nhạc có khổ ngắn hay nhạc truyền khẩu trong dân gian theo truyền thống -- đầu tiên của ông. Nó đã nổi tiếng tức thì và được bán ra hơn một triệu bản.

Tới năm 1918 ông đã viết hàng trăm bản nhạc, hầu hết, được quần chúng thưởng thức. Bài hát quan trọng mà Berlin đã viết trong thời gian chuyển tiếp từ việc viết nhạc ragtime – loại nhạc đặc trưng bởi dòng giai điệu đảo phách và phần hát nền đều đặn, được các nhạc sĩ người Mỹ da đen phát triển vào thập niên 1890s và đặc biệt được chơi với piano -- sang nhạc ballad trữ tình là "A Pretty Girl is Like a Melody," đã trở thành "khẩu súng lớn đầu tiên" của Berlin, theo sử gia Alec Wilder viết.

Vào ngày 1 tháng 4 năm 1917, sau khi Tổng Thống Woodrow Wilson tuyên bố nước Mỹ tham gia vào Thế Chiến Thứ Nhất, Berlin cảm thấy rằng tin Pan Alley nên làm bốn phần của mình và ủng hộ cuộc chiến với những bản nhạc truyền cảm hứng. Berlin đã viết nhạc phẩm, "For Your Country and My Country," mô tả rằng "chúng ta phải lên tiếng với thanh gươm không phải ngòi bút để cho thấy sự cảm kích đối với nước Mỹ vì đã mở lòng và đón chào mọi nhóm di dân." Ông cũng là đồng tác giả của bản nhạc nhằm kêu gọi chấm dứt sự xung đột chủng tộc, "Let's All Be American Now," theo Ian Whitcomb trong tác phẩm do Century xuất bản năm 1987 "Irving Berlin and Ragtime America."

Tới năm 1926, Berlin đã viết các bản dàn bè cho 2 ấn bản của Ziegfeld Follies và 4 "Music Box Revues." "Music Box Revues" của Berlin mất nhiều năm từ 1921 tới 1926, các bản đầu tiên như "Say It With Music," "Everybody Step," và "Pack Up Your Things and Go to the Devil."

Được viết sau sinh nhật người con gái đầu lòng của ông, là bản "Blue Skies" vào năm 1926. Ông đã chốt lại những cảm xúc của mình về việc kết hôn và làm cha lần đầu tiên, "Những ngày xanh, tất cả chúng đều đã qua; không gì ngoài những bầu trời xanh, từ nay về sau."

"God Bless America"

Bản nhạc này được viết bởi Berlin 20 năm trước, nhưng ông đã cửu mang nó cho mãi đến năm 1938 khi Kate Smith cần một bản nhạc yêu nước để đánh dấu kỷ niệm 20 năm Ngày Đình Chiến (Armistice Day), ăn mừng chấm dứt Thế Chiến Thứ Nhất, theo

Richard Corliss trong bài viết "That Old Christmas Feeling: Irving Berlin: Richard Corliss remembers Irving Berlin" được đăng trên Báo Time vào ngày 24 tháng 12 năm 2001. Bản nhạc đã được công bố gần cuối cuộc Đại Suy Thoái, mà lúc đó đã trải qua 9 năm, đã ghi dấu một "khuyh hướng của chủ nghĩa yêu nước chính thống đan xen với niềm tin tôn giáo vốn đã ăn sâu vào tâm hồn người Mỹ," theo Báo The New York Times bình luận trong số báo ra ngày 10 tháng 5 năm 1987.

Người con gái của Berlin là Mary Ellen Barrett nói rằng bản nhạc thực sự "rất riêng tư" đối với cha của cô, và nhằm chủ ý như một bày tỏ lòng biết ơn sâu xa của ông đối với quốc gia vì "cho phép" ông, một di dân được nuôi dưỡng trong nghèo khổ, để trở thành một nhà soạn nhạc thành công. "Đối với tôi," theo Berlin, "'God Bless America' không chỉ là một bản nhạc mà còn là sự bày tỏ cảm nghĩ của tôi đối với quốc gia mà tôi nợ những gì tôi có và những gì tôi đang là," theo Herb Galewitz trong tác phẩm "Music: A Book of Quotations" do NXB Courier Dover Publisher ấn hành vào năm 2001. Tạp Chí The Economist số ra ngày 30 tháng 9 năm 1989 viết rằng, "Berlin đã viết ra một ca khúc được cảm xúc sâu xa đối với đất nước mà đã cho ông những gì ông muốn nói là mọi thứ."

Bản nhạc đã nhanh chóng trở thành bài Quốc Ca thứ hai sau khi nước Mỹ nhập cuộc vào Thế Chiến Thứ Hai vài năm sau. Trải qua nhiều thập niên, bài hát đã đem về hàng triệu đô la cho Nam Nữ Hướng Đạo Sinh, những người mà Berlin đã giao bản quyền cho họ. Vào năm 1954, Berlin nhận Huân Chương Vàng Quốc Hội đặc biệt từ Tổng Thống Dwight D. Eisenhower cho sự đóng góp bài hát của ông.

Bản nhạc đã được nghe sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, khi các thượng nghị sĩ và dân biểu quốc hội Hoa Kỳ đứng trên các bậc thềm của Tòa Nhà Quốc Hội và hát bài ca này sau các cuộc tấn công khủng bố vào Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở New York. Bản nhạc cũng thường được hát bởi các nhóm thể thao như là hội bóng chày quốc gia Mỹ. Khi đội khúc côn cầu Thế Vận Hội Hoa Kỳ vào năm 1980 nhỏ đi "nổi buồn lớn nhất trong lịch sử thể thao," nói đến "Phép Mầu Trên Băng," thì các cầu thủ tự động hát bản nhạc khi người Mỹ đã chiến thắng bởi lòng yêu nước.

Lời dịch Việt bản "God Bless America"

Xin Thượng Đế ban phước lành cho nước

Mỹ, mảnh đất mà con yêu

Xin hãy đứng bên cạnh và hướng dẫn cho
nàng

Vượt qua đêm tối với ánh sáng từ trên cao

Từ núi đồi tới thảo nguyên

Tối đại dương trắng xóa
Xin Thượng Đế ban phước lành
cho nước Mỹ, quê hương ngọt ngào
của con
Xin Thượng Đế ban phước lành
cho nước Mỹ, mảnh đất mà con yêu
Xin hãy đứng bên cạnh và hướng
dẫn cho nàng
Vượt qua đêm tối với ánh sáng
từ trên cao
Từ núi đồi tới thảo nguyên
Tối đại dương trắng xóa

Xin Thượng Đế ban phước lành
cho nước Mỹ, quê hương ngọt ngào
của con
Từ núi đồi đến thảo nguyên
Tối đại dương trắng xóa
Xin Thượng Đế ban phước lành
cho nước Mỹ, quê hương ngọt ngào
của con
Xin Thượng Đế ban phước lành
cho nước Mỹ, quê hương ngọt ngào
của con

Qua đời

Berlin đã qua đời trong lúc ngủ
tại căn nhà tọa lạc tại 17 Beekman
Place tại Quận Manhattan vào ngày
22 tháng 9 năm 1989, vì đứng tim
và chết tự nhiên ở tuổi 101. Ông đã
được an táng trong Nghĩa Trang
Woodlawn Cemetery tại Quận Bronx,
Thành Phố New York.

Tổng Thống George H. W. Bush
nói rằng Berlin là "một người đàn
ông huyền thoại mà chữ nghĩa và âm
nhạc của ông sẽ giúp xác định lịch sử
của đất nước chúng ta." Còn cựu
Tổng Thống Ronald Reagan là người
đóng vai chính trong vở nhạc kịch
của Berlin vào năm 1943 "This Is the
Army," thì nói rằng, "Nancy và tôi
đau buồn sâu sắc về sự ra đi của
người đàn ông tài năng kỳ diệu mà
tinh thần âm nhạc của ông làm nức
lòng và lay động hàng triệu người và
sẽ sống mãi," theo bài viết "Berlin's
Work Is Recalled With Words and
Music" được đăng trên Báo The New
York Times số ra ngày 24 tháng 9
năm 1989.

Sau khi Berlin qua đời Báo The
New York Times viết rằng, "Irving
Berlin đã thiết lập âm điệu và nhịp
độ cho những giai điệu mà nước Mỹ
chơi, hát và nhảy trong phần lớn thời
gian của thế kỷ 20."

Huỳnh Kim Quang



TRUNG THU KHÔNG TRẮNG

Hôm nay tháng Tám ngày Rằm
Tựa hiên đứng đợi chờ trăng mà buồn
Màn mây tăm tối còn buông
Chân trời chưa hé một luồng hào quang
Âm u chẳng thấy bóng nàng
Mịt mù nào một ánh vàng lộ ra
Bánh dày, đèn thấp, trà pha...
Chỉ còn thiếu ả Hằng Nga chưa về
Buồn ư? Sao lại ử ê!
Hay buồn covid không về trần gian
Cảnh thu lá rụng ủa vàng
Đại dịch covid hoành hành tràn lan
Ai bày ra cảnh tương tàn?!
Trung thu trời đất mệnh mang đượm buồn.

KHÔNG BIẾT BAO GIỜ?

Không biết bao giờ hết bệnh đây?
Người chết la liệt thấy mà kinh
Giận kẻ thiếu lương tâm mù quáng
Thương người đoán mệnh sớm vãng sanh

Thiện ý đất trời rồi cũng ứng
Hồn thiêng sông núi hẳn còn linh
Mong sao đời sống bừng tươi sáng
Xin Phật từ bi độ chúng sanh.

Dịch bệnh vẫn tiếp tục bùng phát
Việt Nam phải đóng cửa cách ly
Dân chúng rơi vào cảnh đói khát
Cả nước chịu khổ nạn bi ai!

thơ **DIỆU VIÊN**

Tĩnh lặng

HẠNH THUẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Hôm nay vẫn là một ngày lễ thể – trong những ngày thực hiện giãn cách chưa biết bao giờ mới hết. Mọi người tập quen, tập nhớ những cụm từ mới: ca mắc trong cộng đồng, giãn dây phong tỏa tạm thời, cách ly tại nhà, cách ly tập trung... để thử tìm xem thân phận nhỏ nhoi của mình đang nằm trong khu vực nào (vùng xanh, vùng cam, vùng đỏ) của cái thành phố biển vốn thanh bình, hiền hòa này.

Giữa không gian yên ắng, vắng vẻ ngoài đường lẫn trong nhà, hình như con người tôi càng trở nên trầm tư. Hằng ngày, tôi vẫn pha trà thấp hương mời Mẹ trên trang thờ còn mới mẻ. Trong cái tĩnh lặng thanh khiết, tôi khẩn thầm cho Mẹ biết hoàn cảnh hiện tại

không cho phép con cháu về thăm Mẹ như trước – mặc dù ở trong cùng một thành phố. Bàn thờ thiếu bông đẹp, bánh trái ngon vì không thể ra đường tìm mua về dâng cúng Mẹ. Tôi đã nói ra thành lời thủ thi cùng Mẹ, nghe giọng mình bùi ngùi tạ lỗi. Ngày trước cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã viết: *"Cuộc đời cho tôi tiếng nói đôi khi vui tươi, đôi khi ngậm ngùi..."* Không vui nổi những ngày tháng này, Mẹ ơi!

Mới hai hôm trước, nghe lời của chị hàng xóm mách nước, tôi đã thử ra khỏi nhà lúc 5 giờ 30 sáng để tìm mua bông về thay bình cũ bông đã rụng rơi. Hành trình từ nhà ra đến công Chợ Đầm, trong khung cảnh lặng ngắt như tờ, tôi bắt gặp rải rác vài người ra giữa đường tập thể dục, họ tập động tác phẩy tay, vận mình trong im lặng, tranh thủ trước giờ mấy anh dân phòng ra chốt chặn thực hiện nhiệm vụ... Tôi đi khẽ khàng, nghe cả tiếng dép của mình vang nhẹ trên hè phố. Chợt nhớ chút kỷ niệm xưa, những ngày còn bé theo hai anh trai lên ra đường sau lễ Giao thừa. Lang thang giữa không gian đầm mùi xác pháo, tìm lượm những viên pháo còn nguyên để dành đốt tạch đùng mấy ngày Xuân. Hồi đó cũng cảm nhận được sự im lặng của nửa đêm về sáng, đường phố còn vắng ngắt nhưng anh em tôi chẳng chút sợ hãi. Tết mà, anh em tôi trở về nhà với bao nôn nao niềm hạnh phúc đợi chờ ngày mới sắp đến. Còn ở thời gian này, chỉ toàn là một sự im lặng đe dọa – về những nỗi bất an đang treo lơ lửng trên đầu. Dù sao, sáng hôm đó tôi đã vui sướng ra về với bó bông trên tay, mua được từ một người mở hé cửa bán trong sân nhà, kịp trước 6 giờ sáng.

Im lặng mênh mông... Bao giờ mọi thứ mới trở lại như cũ, an toàn và tốt đẹp để con người kịp đón một mùa Xuân mới, vì cũng sắp hết năm Tân Sửu. Tôi tưởng tượng lúc đó sẽ nghe được âm vang của sự im lặng – the sound of silence: *"Nghe tiếng hoa khai bông giật mình."* (Thi sĩ Huyền Không). Giật mình nhưng bình an mừng đón tuổi mới, Tết về.

(31-8-2021)





VIỄN TÂY

Muốn đến thăm em phải đi về hướng biển
Về bên kia dãy núi mờ xa
Bỏ lại sau lưng mặt trời vừa mọc
Bông tuyết đầy thành phố Oklahoma

Đường ngàn dặm đo tác lòng viễn khách
Nhớ tiếng mẹ ru từ thuở nằm nôi
Thương sao quá vông trưa hè kéo kịt
Đường sao dài như xa lộ 40?

Bỏ lại sau lưng vắng đông vừa mọc
Đồng cỏ giếng dầu cây phủ tuyết đêm qua
Chiếc Greyhound mang tâm tình mới lạ
Khách đường xa ngao ngán bước quan hà

Amarillo! Thị trấn còn yên giấc
Ánh đèn đêm mờ nhạt trong màn sương
Người khách Mễ dụi mắt nhìn quanh quất
Còn bao xa tới trạm nghỉ bên đường?

Đồng cỏ ngút ngàn đàn bò đen ngơ ngác
Địa danh gì gợi nhớ thuở hoang sơ?
Tuccumcari! nghe như tiếng chim rừng ca hát
Lùi về xa... thuở vó ngựa chinh Tây xây dựng cơ đồ

New Mexico trải dài qua cửa kính
Du khách buồn hướng mắt chân trời xa
Người da đỏ lên xe rồi xuống bến
Đồng cỏ dài vẫn nối tiếp đi qua

Ôi! Hiu quanh rừng thông và tuyết trắng
Arizona mờ mịt màn sương đêm
Ngủ nửa giấc cứ ngỡ về Đà Lạt
Nhớ quê hương sao bàng bạc nỗi niềm?

Đất khách rộng dù trăm sông ngàn suối
Vẫn thương hoài dãy đất hẹp quê hương
Miếng pizza buồn nhai mà miệng đắng
Nhớ vô cùng tô hủ tiếu Trung Lương

Đây Phoenix với thông xanh đường phố
Rừng thông xanh nối tiếp rừng thông xanh
Từng ngọn núi... kéo dài thêm dãy núi
Nhớ quá Trường sơn, xa vắng Ngũ Hành

Xa lộ 10 tiếp đèo cao núi thăm
Đường ngược chiều tách đôi trọc chênh vênh
Đất xuống thấp bỏ dãy đèo ở lại
Thung lũng dài núi đá dựng hai bên

Muốn đến thăm em phải băng qua sa mạc
Ranh giới Ca Li buồn như thuở sơ khai
Hai giờ xe... cây gai và núi trọc
Có gió hú lưng trời bàng bạc mây trắng bay

Lặng trong gió hàng cây palms rủ lá
Thiếu vắng màu xanh... nhàn nhạt lá vàng thu
Phố xá Palm Springs phủ cát vàng sa mạc
Đường về nhà em... thăm thăm sương mù

Viễn Tây đó! bãi cát vàng Long Beach
Thái Bình Dương... đau tác dạ tha hương
Phía bên kia, đằng sau muôn lớp sóng
Là quê hương mòn mỏi bóng thiên đường

Giờ gặp lại em giữa thủ đô tị nạn
Không có quà gì mang tặng em đâu!
Chỉ có nỗi xót xa hằn lên ánh mắt
Đếm đắng cay... từng sợi bạc trên đầu.

thơ HỒ THANH NHÃ

MĂNG KHO CHAY

Nguyên liệu:

- 1 khúc măng, rửa sạch, cắt làm 3 khúc, chẻ miếng vừa ăn, luộc sơ lại trong nước sôi, đổ ra rổ cho ráo
- 1 lon nấm rơm, rửa sạch, ngâm nước khoảng 15 phút rồi xả, làm khoảng 2-3 lần, cũng đem luộc sơ lại
- 1 hộp đậu hũ 19 oz, để ráo nước, đem chiên, cắt tùy ý
- 2/3 chén nước lã
- Gia vị: muối, đường, nước tương, dầu hào chay, bột nêm

Thực hiện:

Xào sơ nấm với chút nước tương và đường cho thấm, cho măng vô xào cho thơm, rồi đổ tiếp đậu hũ vào xào một phút, sau đó nêm nêm gia vị cho vừa ăn, xào chút nữa cho thấm, chế

nước vô nêm nêm lại cho vừa ăn, sôi vặn lửa nhỏ lại nấu cho nước gần cạn là xong, nhớ đảo thường xuyên cho thấm. Măng rất hút muối nên dễ bị mặn nên nêm cho vừa ăn sẽ ngon, hay đậm đà hơn chút xíu là được.

Măng ăn rất ngon nhưng cũng rất độc, nếu người bị đau nhức nên hạn chế ăn, hay người đang yếu yếu ăn vào sẽ dễ bị trúng. Ăn với cơm nóng thì ngon lắm...nếu bạn nào hông kiêng cử có thể cho ớt (làm cho món này âm hơn) vô nấu chung, cay lắm đó nhé vì măng kỵ ớt...Tùy sức khỏe của mỗi người mà cho thêm cái này hoặc bớt cái kia.

(G. Phượng – Món chay thanh tịnh)



SỰ DÙNG DƯỢC PHẨM Ở NGƯỜI CAO TUỔI

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Thuốc hay dược phẩm được định nghĩa là chất lấy ở thực vật, khoáng vật, sinh động vật, hóa chất, để điều trị bệnh, phòng ngừa bệnh, phục hồi các chức năng của cơ thể hoặc thay đổi quá trình sinh sản v.v..., khi được dùng đúng lúc, đúng cách, trong một thời gian nhất định.

Trước năm 1920, dược phẩm trên thị trường rất ít, công dụng giới hạn nhưng an toàn hơn. Ngày nay, có rất nhiều thuốc công hiệu nhưng lại gây ra một số tác dụng phụ nguy hại, bất lợi. Nếu trong việc cho toa, bác sĩ cần cân nhắc loại thuốc thích hợp với ý chứng, số lượng vừa đủ và thời gian sử dụng, thì người bệnh cũng cần thực thi đúng theo hướng dẫn của bác sĩ, thuốc nào, bệnh này.

Quý vị lão niên ta rất chăm lo tới sức khỏe, nên rất chăm chỉ trong việc tìm thuốc trị bệnh. Thấy có một triệu chứng bệnh nào là quý vị kiểm thuốc ngay, do bác sĩ biên toa, hoặc qua sự giới thiệu của bạn bè, sách báo y học.

Thành ra, một vị trên 65 tuổi, có khi uống đến cả 7, 8 thứ thuốc trong một ngày. Thuốc bệnh do bác sĩ cho về cao huyết áp, thuốc bao tử, thuốc đau nhức, phong thấp, vài viên thuốc ngủ, kèm thêm ít thuốc ta để bổ gân, bổ thận do bạn bè giới thiệu, lại còn vitamin, anti oxidant.

Với một hỗn hợp nhiều hóa chất khác nhau như vậy e rằng chúng sẽ gây ra những tác dụng tương phản, đôi khi có hại, cho một cơ thể đã có nhiều thay đổi về cấu tạo cũng như chức năng. Hàng năm, số bệnh nhân cao tuổi nhập viện khẩn cấp do hậu quả của sự sử dụng thuốc không đúng cách lên rất cao, nhất là với thuốc về bệnh tâm thần.

Chúng tôi xin cùng quý vị tìm hiểu thêm về vấn đề sử dụng thuốc này để duy trì một sức khỏe bình thường.

Công dụng của dược phẩm

Về phương diện trị liệu, sử dụng dược phẩm nhằm vào những mục tiêu chính như:

1- Trị lành bệnh.

Khi mắc một bệnh nhiễm trùng, như

sưng phổi, ta sẽ có những triệu chứng ho, nóng sốt cao, mệt mỏi, khó thở. Sau khi khám bệnh, bác sĩ cho uống thuốc kháng sinh trong vòng 7-10 ngày. Sau đó nhiệt độ giảm, ta bớt ho và trở lại bình thường. Như vậy thuốc đã tiêu diệt vi khuẩn và ta đã lành bệnh.

2 -Thay thế những yếu tố thiếu trong cơ thể

Một người mắc bệnh thiếu máu, hồng huyết cầu thấp, vì ruột không hấp thụ được sinh tố B12. Bác sĩ cho chích mỗi tháng một liều Vit B12 để thay thế sinh tố thiếu trong cơ thể.

Bệnh nhân bị tiểu đường vì tụy tạng tiết ra rất ít Insulin, sẽ được chích Insulin nhân tạo mỗi ngày để giữ mức đường trong máu bình thường.

Sự thay thế như vậy là cần thiết và đạt được mục tiêu làm cơ thể bình thường vì thiếu những chất kể trên.

3- Ngăn ngừa sự phát triển một bệnh

Cũng trong trường hợp bệnh tiểu đường, Insulin còn duy trì bệnh ở tình trạng không gây ra những biến chứng nguy hiểm như hư mắt, hư thận... và nếu ngưng Insulin, bệnh sẽ trầm trọng thêm lên.

Người bị cao huyết áp nếu ngưng uống thuốc trị cao máu, bệnh sẽ nặng hơn và có thể gây tai-biến-mạch-máu-não, kích xúc tim.

Trong các bệnh này, dược phẩm không những có công dụng điều trị mà còn ngăn ngừa biến chứng của bệnh.

4- Thuốc để làm dịu một triệu chứng.

Thí dụ như khi ta bị đau nhức mình mẩy vì làm vườn quá sức hay nhức đầu vì uống rượu quá nhiều, thường thường ta uống một viên Tylenol hay Aspirine. Thuốc không làm hết bệnh, mà chỉ làm dịu cảm giác đau, khó chịu. Nhiều khi chẳng cần thuốc, mà chỉ cần nằm nghỉ vài giờ là hết đau. Số lượng thuốc dùng trong mục đích xoa dịu này rất nhiều, đôi khi có sự lạm dụng.

5- Phòng ngừa bệnh.

Các thuốc này hoặc tạo ra tính miễn dịch hoặc hỗ trợ hệ thống miễn nhiễm của cơ thể. Nhờ sự chủng ngừa này mà nhân loại tránh



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

được nhiều bệnh truyền nhiễm từng gây tử vong cao ở các thế kỷ trước, như bệnh đậu mùa, dịch hạch...

Các tác động bất lợi của dược phẩm

Với những công dụng như trên, thuốc giữ một vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe của con người, nói chung, và của lão niên nói riêng. Mà thuốc thường cũng chỉ là một hóa chất, có công dụng như nói ở trên, đồng thời cũng có tác dụng phụ không tốt, bất kể là thuốc gì, dùng nhiều hay là ít. Đó là những tác-động-có-hại của thuốc (Adverse drugs reaction).

Theo định nghĩa của Cơ Quan Y Tế Quốc Tế thì tác động này là bất cứ một đáp ứng không mong muốn nào của cơ thể, xảy ra khi dùng thuốc theo phân lượng để ngừa bệnh, định bệnh hay trị bệnh. Tác động có hại được chia nhiều loại:

Dị Ứng Thuốc

Có nhiều tác động hại không phải do dị ứng, nhưng vẫn được công chúng hiểu nhầm là dị ứng. Chẳng hạn như sau khi uống thuốc, ta bị ỉa chảy, đại tiện lỏng, sốt ruột... thì chỉ là tác dụng tại chỗ của thuốc vào dạ dày.

Dị ứng là do sự tác động của kháng thể đã có trong máu, chống lại sự hiện diện của dược phẩm, và gây ra một số những triệu chứng khó chịu, đôi khi nguy hiểm. Nó có tác dụng ngược lại với cơ chế miễn dịch, chống lại sự xâm nhập của tác nhân gây bệnh.

Ban chẩn với những lấm tẩm đỏ trên da là phản ứng thông thường nhất của dị ứng.

Trường hợp nặng sẽ có nóng sốt, khó thở, thở khò khè, ngứa toàn thân, huyết áp giảm, tim đập liên hồi, suy nhược tổng quát... có thể nguy hiểm cho tính mạng, nếu không được cấp cứu. Phản ứng này thường thấy khi chích thuốc Penicillin, Insulin hay hóa chất dùng trong việc chụp hình quang tuyến X, nó có thể xảy ra tức thì hay chậm lại một thời gian. Cũng nên nhớ là dị ứng có thể xảy ra dù chỉ dùng một phân lượng rất nhỏ dược phẩm.

1. Tác dụng độc của dược phẩm

Dược phẩm là một hóa chất, mà bất cứ hóa chất nào cũng có tác dụng độc cho cơ thể, ngoài giá trị chữa bệnh.

Viên Aspirin mà ta thường uống để làm dịu nhức đầu, phong thấp thì cũng làm màng bao tử chảy hư, gây xuất huyết. Thuốc chữa các bệnh ung thư làm rụng tóc. Thuốc trị cao huyết áp gây loạn cương dương. Thuốc ngừa máu đông cục trong vài bệnh tim làm loãng máu, gây xuất huyết, khó cầm khi bị thương hay giải phẫu. Đây không phải dị ứng nhưng là tác dụng của hóa chất mà trước khi dùng nó, ta đã được giải thích rõ ràng.

2. Tác dụng do phân lượng không đúng

Thuốc uống ít quá, không có công hiệu,

mà nhiều quá thì dễ gây phản ứng có hại.

3. Tác dụng bất thường không rõ nguyên nhân

Đáp ứng của từng cá nhân với thuốc, như lượng nhỏ thuốc tê có thể gây nóng sốt, hay thuốc Tifomycine gây hủy hoại hồng cầu.

Sau đây là một số yếu tố có thể khiến tác động bất thường của thuốc dễ xảy ra:

a- Đã có những bệnh dị ứng.

b- Đã có phản ứng với thuốc trong quá khứ.

c- Uống nhiều thuốc khác nhau vì có nhiều bệnh kinh niên.

d- Điều trị bởi nhiều BS chuyên khoa, mỗi BS cho toa thuốc khác.

e- Có khó khăn về tài chánh, không mua đủ thuốc, dùng thuốc cũ, quá hạn.

g- Kiểm khuyết thị giác, thính giác, không nhìn rõ mặt thuốc cũng như không nghe rõ lời dặn của bác sĩ, dược sĩ, uống thuốc không đúng cách.

4. Ngoài ra, còn tác dụng giữa thuốc và thực phẩm

Đa số thuốc ta dùng ở nhà là thuốc uống, mà thuốc và thực phẩm đều được hấp thụ vào máu qua bao tử, nhất là ruột non. Hiệu quả của thuốc có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi, tùy theo loại thực phẩm và tùy theo uống thuốc trước hay sau khi ăn. Điều này, ta cần hỏi bác sĩ, dược sĩ khi nhận thuốc, để tránh phản ứng bất lợi.

5. Vấn đề đặc biệt quan trọng ở người cao tuổi là uống nhiều thuốc cho nhiều bệnh hay nhiều triệu chứng.

Thuốc đôi khi có tác dụng tương phản nhau, gây không tốt cho cơ thể. Hơn nữa, ở người cao tuổi, khả năng hấp thụ ở bộ máy tiêu hóa, biến hóa thuốc ở gan, và bài tiết dược phẩm qua thận đều giảm tới 40% so với tuổi trẻ, trung niên. Thời gian bán hủy của thuốc ở huyết tương kéo dài, và độc tính của thuốc tăng thêm.

Vài cách tránh những điều bất lợi khi dùng thuốc

Để sự sử dụng thuốc có công hiệu, không phản ứng, ta cần lưu ý những điều sau đây:



1-. Kê khai với bác sĩ tất cả những bệnh mình đang có, những thuốc mình đang uống, cả thuốc mua tự do ở chợ hay thuốc do bạn bè giới thiệu. Mỗi lần đi khám bệnh, mang ống, chai thuốc đã dùng để bác sĩ dễ nhận diện thuốc. Nhiều vị nói, "ấy kỳ trước bác sĩ cho tôi viên hạt dưa trắng, tốt lắm," hay là "tôi đang uống thuốc nước màu hồng," thì chả ai biết là thuốc gì.

2-. Theo lời chỉ dẫn của bác sĩ dược sĩ, đọc kỹ nhãn thuốc với cách dùng, giờ uống, uống lúc nào, bụng đói hay no, mấy lần một ngày. Chẳng hạn thuốc uống bốn lần trong một ngày, có thể là uống vào những bữa ăn và trước khi đi ngủ; hoặc cũng có thể là uống mỗi 6 giờ đồng hồ, kể cả thức dậy ban đêm để uống.

Với thuốc nước, ta cần lắc chai cho thuốc hòa đều với nhau trước khi uống.

Không tự ý tăng hay giảm phân lượng, vì ít quá, không có công hiệu, nhiều quá sẽ gây hại.

Uống cho hết thời hạn bác sĩ dặn, chứ không phải thấy giảm bệnh là ngưng thuốc.

Không uống thuốc trong bóng tối, có thể nhầm loại thuốc.

3-. Cho bác sĩ hay tác dụng phụ hay phản ứng của thuốc mình đã có.

4-. Giữ thuốc nơi an toàn, xa tầm tay trẻ con, trong chai, lọ từ nhà thuốc tây, để tránh nhầm thuốc. Vứt bỏ thuốc quá hạn.

5- Ráng nhớ tên thuốc cũng như công dụng của thuốc.

6- Nếu có thể, nên mua thuốc ở một tiệm, như vậy dược sĩ sẽ có toàn bộ hồ sơ thuốc của mình, có thể theo dõi, giải thích tác dụng các loại thuốc khác nhau cho mình. Người dược sĩ không chỉ đóng vai trò cung cấp thuốc như trước đây. Họ có nhiệm vụ liên lạc với bác sĩ để tham khảo, lựa thuốc thích hợp cho bệnh nhân, hướng dẫn cách dùng thuốc, tác dụng tốt xấu của thuốc, theo dõi xem bệnh nhân có uống thuốc đều đặn không, phân lượng cho có gì bất thường hay không.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com



MÂY

*Mây kia từng khối lững lờ
Một màu trắng xóa nền thơ, tuyệt vời
Trên không nhìn xuống ai ơi!
Mây cao thành tháp đất trời bao la.
Chúng sanh trong cõi Ta-bà
Quá ư bé nhỏ khác chi bụi trần
Thế mà cứ mãi tham sân,
Gieo bao phiền não chát chòn khổ đau
Làm cho tâm lực tiêu hao
Đến ngày nhắm mắt cũng hoàn trắng tay
Phước thay thị hiện Như Lai
Sáng soi đuốc tuệ đạo khai dẫn đường.*

QUÉT BỤI TRỪ BẦN - RỬA BẦN TRAU TÂM

*Thường hằng rửa bồn trau tâm
Bồn trong rửa sạch; bồn ngoài khó chi
Tất nhiên Huệ mở tức thì
Bừng khai tâm sáng Phật-đà đầu xa
Ma ma Phật Phật lòng ta
Chánh tâm là Phật; tâm tà là ma.*

thơ **CHÁNH NĂNG**

Viên kim cương cuối cùng

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một lần, khi học về pháp môn “Hiện Pháp Lạc Trú” các học viên tham dự đã được giảng sư kể cho nghe một câu chuyện ẩn dụ, trước khi bắt đầu đi vào những huyền nghĩa thâm sâu của bài học. Câu chuyện như sau.

Một buổi trưa, trên bờ sông Hằng, một người đàn ông ngồi trầm tư, dáng điệu u buồn như có điều băn khoăn, lo nghĩ, mắt nhìn ra sông nước xa xa, tay bâng quơ khuấy khuấy trên cát.

Bỗng, cảm tưởng như vừa chạm phải vật gì, ông ta nhìn xuống. Đó là một túi nhỏ thô sơ, cột bằng sợi giây gai cũ kỹ. Mở ra, người ấy thấy những hạt đá, lớn có, nhỏ có.

Ồ, bãi cát thiếu gì đá, thiếu gì vỏ sò vỏ ốc mà đứa trẻ nào lượm nhặt còn cất dấu nơi đây? Rồi, cùng với tâm trạng bâng khuâng, người đó cầm từng viên, ném thật xa ra dòng sông. Mỗi viên đá, khi chạm mặt nước đều dội lên một làn sóng lăn tăn. Cứ thế, người ấy ném từng viên đá xuống sông, theo từng giòng suy tưởng bâng khuâng trong tâm trí...

Mặt trời lên cao... lên cao... Và rồi, khi người ấy cầm viên đá cuối cùng trên tay, sắp ném xuống, là lúc ánh sáng mặt trời chiếu dội đúng trên lòng bàn tay. Người ấy bàng hoàng nhìn, như không thể tin ở mắt mình. Trời ơi, dưới ánh nắng chan hòa, viên đá trên tay đang tỏa chiếu bảy màu rực rỡ!

Đây không phải là những viên đá, viên sỏi tầm thường mà trẻ nhỏ thường nhặt chơi! Đây là đá quý! Đây là kim cương!

Với viên kim cương cuối cùng đó, người ấy đã tận thêm ruộng vườn, mua thêm gia súc. Người ấy có hạnh phúc không? Có chứ, nếu người ấy nghĩ rằng: “May quá! ta còn kịp nhận ra đây là kim cương”. Nhưng, cũng vẫn những diễn biến đó, người ấy sẽ đau khổ, sẽ ăn không ngon, ngủ không yên nếu mang tâm tiếc nuối: “Trời ơi! Chỉ còn một viên kim cương cuối cùng mà ta được sung sướng thế này, phải chi ta nhận ra sớm thì với nguyên

cả túi kim cương, ta sẽ còn sung sướng tới đâu!”

Câu chuyện ngắn gọn mà quá đủ để khai triển về pháp môn “Hiện Pháp Lạc Trú”. Hãy bình an hưởng niềm an lạc ngay giây phút hiện tại, vì mọi sự vật đều luân chuyển thay đổi, biến thiên không ngừng. Nếu ta để giây phút hiện tại trôi qua trong buồn rầu phiền não vì những gì không có trong tầm tay, là ta đã vừa Đánh Mất giây phút hiện tại đó, giây phút mà ta đang thực sự có mặt với sự sống.



Khi Đức Khổng Tử chỉ dòng sông mà nói: “Thê giả ư tứ phủ, bất xả trú dạ”, đại ý là, thời gian như nước trôi xuôi, chảy miệt mài ngày đêm không nghỉ”. Câu này tương tự như triết gia Héraclite thời xưa đã nói “Ta không thể nào tắm hai lần ở cùng một dòng sông”. Đúng thế, vì dù ta có xuống ngay nơi bờ ấy, ngay con sông ấy thì dòng nước ta

đang tắm không thể là dòng nước ta đã tắm lần đầu!

Nường lời dạy của giảng sư, nếu chúng ta dành thêm đôi ba phút tĩnh lặng, lắng tâm, chúng ta có thể còn nhìn thấy thêm gì? Chúng ta có từng Đã, và Đang tiếc nuối những viên kim cương tự ta ném ra khỏi lòng tay không?

Dường như chúng ta Đã, và Đang tiếc nuối nhiều lắm vì chúng ta chưa nhận thức đủ niềm hạnh phúc kỳ diệu của Hiện Pháp Lạc Trú, pháp môn dạy chúng ta biết an lạc ngay giây phút hiện tại.

Sự an lạc quý như kim cương, có khi còn quý hơn nữa, vì từ sự an lạc ta có thể vượt thắng vô minh, tìm ra chân trời giải thoát. Tâm chúng ta như con vượn chuyền cành, nó luôn nhảy nhót, đang đứng nơi này đã muốn qua nơi kia. Cái tâm buông lung đó là một, trong những nguyên nhân gây ra niềm bất toại ý với hiện tại; từ bất toại ý với hiện tại, tâm khởi niệm nhớ về quá khứ, rồi mơ ước tương lai.

Chỉ quán chiếu đơn giản tới đây, chúng

ta đã thấy, ít nhất, có ba sự khổ đau, phiền não hiển hiện rõ rệt. Đó là:

Thứ nhất: Sự khổ đau vì thấy hiện tại không như ý muốn mà vẫn đang phải sống trong hiện tại.

Thứ hai: Bận lòng hoài vọng quá khứ đã qua.

Thứ ba: Mơ ước những gì mong muốn ở tương lai, mà tương lai thì chưa tới, hoặc có thể không bao giờ tới!

Đây chỉ là ba hiện tượng phiền não căn bản. Nếu chia chẻ, phân tích từng hiện tượng, chúng ta sẽ thấy vô vàn hạnh phúc mà chúng ta đã để trôi qua mất, chứ không phải chờ tới viên kim cương cuối cùng mới nhận biết.

Cái nhà ta đang ở, tuy hơi cũ, hơi nhỏ, so với nhà của bạn ta vừa mua trên núi, hay trên biển. Nhưng nó cũng có cái mái che mưa nắng, có một góc vườn cho ta gieo xuống hạt cải, hạt dền. Cái xe ta đang sử dụng, khá cũ đấy, nhưng nó vẫn là người bạn tốt, đưa ta đi chợ, đi bác sỹ. Chúng cũ cũng như ta già theo năm tháng, thỉnh thoảng chăm sóc chúng thì chúng tiếp tục thương ta như ta thường chúng mà thôi. Sao ta lại chuốc lấy khổ đau khi so sánh những gì đang sở hữu với những gì ta đang không có, rồi than thân trách phận sao tôi nghèo thế này, kém may mắn thế kia!?

Khi đã bắt toại ý với hiện tại, ta đâu có ngừng sự khổ đau ở đó. Ta lập tức hành hạ ta thêm bằng những mơ ước tương lai, chính là ta tự mời gọi những bất an, lo lắng, có mặt ngay hiện tại rồi!

Ta đang khổ, đang giận, đang buồn vì những điều do chính ta tạo ra, không ai khác! Nhưng nếu biết an trú trong hiện tại, ta có thể, vừa cắt rễ ra vườn hái rau, vừa hát *"Vườn rau, vườn rau xanh ngắt một màu. Có bà, có bà mẹ quê nương náu" (*)*

Quán chiếu thêm chút nữa, nếu có kẻ cướp đoạt của ta tài vật gì, ta phiền não vì tiếc của, vì oán hận ...

Của mất thì đã mất! Thay vì bất an, ta thử bình tâm nghĩ rằng, kẻ trộm cướp kia, có thể vì trong lúc quá đói nghèo, không biết giữ *"đói cho sạch, rách cho thơm"* nên đã phạm tội, không biết đến hậu quả tệ hại khi gieo nhân bất thiện! Vậy, chúng sanh đó cũng là kẻ đáng thương!

Nghĩ như vậy, sẽ như ta vừa thực hành được hạnh đầu tiên, trong Lục Độ Ba La Mật. Đó là Hạnh Bố Thí, hạnh cho đi. Vui vẻ như ta vừa cho đi.

Mở tấm lòng tới đây, ta không chỉ bình an với hạnh bố thí, mà còn có thể cảm thông để

tạm vui thêm với hạnh "Hỷ" trong Tứ Vô Lượng Tâm.

Cõi Ta-bà luôn ẩn hiện những điều mắt không thấy hết, tai không nghe trọn, mới gây ra bao tổn thương, bao khổ lụy!

Loài người được coi là có trí tuệ hơn mọi loài. Không ai chối bỏ những lợi ích và thăng hoa đời sống mà những tiến bộ không ngừng của nền văn minh nhân loại đã và đang mang tới; nhưng cũng không thể không nhìn thấy mặt trái của những thành quả này, là dường như nhân loại cũng đang tận dụng sự tiến bộ của văn minh để huỷ diệt nhau hàng loạt, không vì nhu cầu thiết yếu, mà chỉ vì muốn danh thống lĩnh, muốn có nhiều hơn!

Thú lớn ăn thịt thú nhỏ vì nhu cầu sinh tồn. Chúng cần ăn để sống. Ngay như sư tử được tôn xưng là Chúa Sơn Lâm, uy dũng ngất trời mà khi đã ăn no, nó đâu

có giết thêm con chồn, con thỏ vì vui, hay vì muốn chứng tỏ quyền sinh sát trong tay? (Xin cảm ơn tạo hóa, đã tạo ra con voi chỉ ăn cỏ. Nếu con voi cũng cần ăn thịt để sống thì phải bao nhiêu thỏ, sóc, chồn... mới đủ cho nó một bữa ăn?!)

Lãng phí thời gian với những đòi hỏi tầm thường và vô thường, ta sẽ để mất nhiều cơ duyên thọ nhận những phẩm vật đích thực trân quý trong phút giây hiện tại.

Kinh Bát Đại Nhân Giác dạy các vị Bồ Tát phải luôn quán chiếu: *"Thường niệm tri túc, an bản thủ đạo và duy tuệ thị nghiệp."*

Lời dạy này, hàng hậu học chuyên tâm hành trì, thường đặt làm dấu mốc để cố gắng nương theo mà *"Thường nghĩ đến việc biết đủ, an vui trong khả năng mình mà giữ đạo, vun bồi tuệ-giác làm sự nghiệp đích thực."*

Kịp nhận ra viên kim cương cuối cùng cũng mang lại vô lượng an lạc, hưởng chi nhận ra sớm hơn thì chúng ta không chỉ đang ở cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà mà không chừng còn được đánh lễ khắp mười phương Chư Phật, Chư Bồ Tát, ngay lúc này, ngay nơi đây, ngay nơi uế nhiễm Ta-bà, ngay giữa lòng người tham lam ác độc.

Vì sao mà mau nhiệm thế?

Vì lời Phật dạy, đã từng có chứng minh, là Tịnh Độ ngay nơi tâm-tịnh.

Huệ Trân

(Tào-Kê tịnh thất - Ôn bài học)

()Nhạc phẩm "Bà Mẹ Quê" của Phạm Duy*

THẤY VÀNG DƯỚI NƯỚC

Một anh chàng đi lang thang
Đến bờ ao thấy có vàng dưới đây
Miếng vàng lấp lánh đẹp thay
Chàng bèn lội xuống ao ngay tức thì
Mò trong nước kiếm vàng kia
Mò hoài chẳng thấy vàng chi dưới này
Mệt thân người, mỏi chân tay
Chàng lên nghỉ ở bụi cây trên bờ.
Hồi sau mặt nước lặng lờ
Nước ao trong trẻo hiện ra miếng vàng
Chàng nhìn xuống lại thấy ham
Đứng lên bước vội bước vàng xuống ao
Mò tìm không thấy vàng đâu
Nước ao vẫn đục, vàng nào có đây
Chàng leo lên lại gốc cây
Ngồi nhìn mặt nước nhẹ lay thêm thuồng.
Cha chàng đang đi trên đường
Chợt nhìn xuống thấy con đương thần thờ
Mặt ngơ ngác, vẻ bơ phờ
Cha bèn bước xuống tới bờ hỏi thăm:
“Con đang lo nghĩ gì chẳng?”
Chàng bèn than thở: “Con đang mò tìm
Vàng trong ao nước hiện lên
Hai lần mò xuống chẳng nên chuyện gì
Chỉ toàn bùn, thật lạ kỳ
Vàng kia bắt chợt biến đi mất rồi
Giờ đây con mệt quá trời
Chịu đời không thấu, rã rời chân tay.”
Cha nghe nói thấy lạ thay
Đến bờ ao ngó xuống đây xem liền
Mới hay cái bóng hiện lên
Bóng vàng dưới nước đang in rành rành
Suy ra vàng chắc trên cành
Trên cây gần đó rọi hình xuống thôi
Cha bèn nói: “Này con ơi
Leo tìm vàng thử trên nơi cây này.”
Chàng con không hiểu hỏi ngay:
“Vàng thời dưới nước, lên cây làm gì?”
Cha chàng giải thích cho nghe
Nói thêm: “Chim chắc tha về trên cây
Nên vàng vướng mắc tại đây.”
Chàng con nghe vậy loay hoay leo trèo
Quả nhiên thấy miếng vàng treo
Bóng in xuống nước trong veo rõ ràng.

*

Phàm phu vô trí đáng thương,
Tắm thân “vô ngã” lại thường hiểu ra
Cho rằng quả thực có “ta”
Nào hay cái đó chỉ là giả thôi
Nhu hoa in bóng gương soi
Nhu trắng dưới nước nổi trôi hiện hình
Cái “ta” tưởng mãi là mình
Phàm phu ám muội quả tình làm sai
Trôi lặn trong biển khổ hoài
Nhọc công, mệt xác. Than ôi ích gì!
Nhu chàng mò dưới ao kia
Khuấy bùn, quấy nước kiếm chi được vàng.

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

SEEING THE SHADOW OF GOLD AT THE BOTTOM OF A POND

Once upon a time, there was a man who went to a large pond where he thought he had seen the shadow of pure gold at the bottom of water. He gave a cry of joy and jumped into the water to feel about the mud and search for it.

A few moments later, he began to feel very tired. He could not find any gold and he then got out of the pond. But as soon as he was out of the water that became clear in no time, the golden shadow turned up again. Then he dived once again to do more searching. Still he found nothing. At this point, his father came looking for him. Seeing the state he was in, his father asked, "What have you been doing to get so tired?" The son replied, "There is pure gold under water. I searched for it, but could find nothing."

The father could also see the shadow of pure gold in the water. But he soon realized that it was in the trees. So he knew what was in the water was mere reflection. Then he told his son that it was held by the bird's beak and brought it in the trees. Following his father's instructions, the son immediately got the gold from the trees.

So are the ignorant in the world. They hold on to the thought of ego in the shadow of non-ego, just like the stupid man looking desperately for the gold without success.

(Trích dẫn "SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES" do Tetcheng Liao, Tiến Sĩ Luật Khoa Viện Đại Học Paris dịch)

thơ

TÂM MINH — NGÔ TĂNG GIAO

The Story of Samanera Sanu

Dhammapada, Verse 326

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (326) of this book, with reference to a young samanera named Sanu.

One day, Samanera Sanu was urged by older bhikkhus to go up on the dais and recite parts of the Pali texts. When he had finished his recitation he solemnly called out, "May the merits gained by me today for reciting these sacred texts be shared by my mother and my father". At that time, the devas(angels) and the ogress who had been the mother of the young samanera in a previous existence were listening to his recitation. When they heard his words, the ogress was elated and promptly cried out, "My dear son, how happy I am to share your merit; you have done well, my son. Well done! Well done! (Sadhu! Sadhu!)." On account of Samanera Sanu, the mother ogress came to be very much respected and was given precedence in their assemblies by the devas(angels) and other ogres.

As the samanera grew older, he wanted to return to the life of a lay man; he went home and asked for his clothes from his mother. His mother did not want him to leave the Order and tried to dissuade him from leaving it, but he was quite firm in his decision. So, his mother promised to give him the clothes after his meal. As his mother was busy cooking his meal, the ogress, who was his mother of a past existence, thought, "If my son Sanu leaves the Order, I shall be put to shame and become a laughing stock among other ogres and devas; I must try and stop him leaving the Order." So, the young samanera was possessed by her; the boy rolled on the floor, muttering incoherently with saliva streaming out of his mouth. The mother got alarmed; neighbours came and tried to appease the spirits. Then, the ogress spoke out "This samanera wants to leave the religious Order and return to the life of a lay man; if he does so he will not be able to escape from dukkha(suffering/rebirth)." After saying those words, the ogress left the body of the boy and the boy became normal again.

Finding his mother in tears and the neighbours crowding around him, he asked what had happened. His mother told him

everything that had happened to him and also explained to him that to return to lay life after leaving it was very foolish; in fact, even though living he would be like a dead person. The samanera then came to realize his mistake. Taking the three robes from his mother, he went back to the monastery and was soon admitted as a bhikkhu.

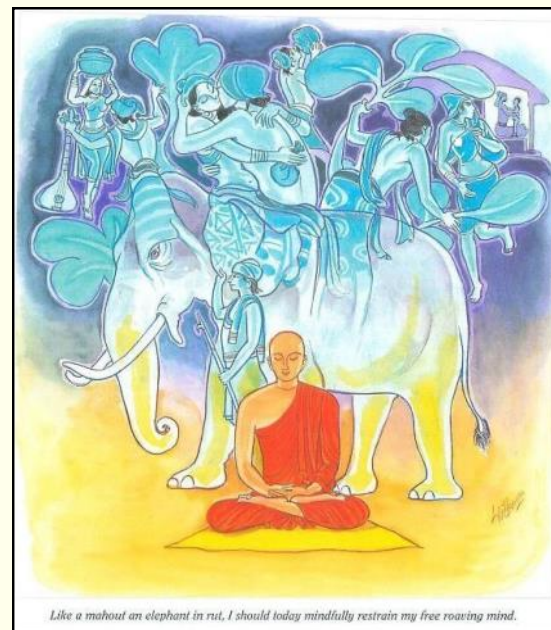
When told about Samanera Sanu, the Buddha wishing to teach him about the restraint of mind said, "My son, one who does not restrain the mind which wanders about cannot find happiness. So, control your mind as a mahout controls an elephant."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 326: In the past, this mind has wandered as it liked, wherever it liked, at its own pleasure. Now I will control my mind wisely, as a mahout with his goad controls an elephant in must.

At the end of the discourse Thera Sanu comprehended the Four Noble Truths and later attained arahatship.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Like a mahout an elephant in rut, I should today mindfully restrain my free roaming mind.

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



PHÁP CHỦ

Sau cơn pháp nạn, con cháu Thế Tôn gác qua đi biệt ngôi lại với nhau nhưng chẳng bao lâu lại phân hóa thành hai bang chống báng nhau kịch liệt. Ngài đệ nhất pháp chủ thì thuận thế vô thường. Chánh quyền tuy không còn kỳ thị nhưng vẫn nghi kỵ dè chừng và gây khó dễ. Con cháu Như Lai lại một lần nữa đồng lòng suy cử vị pháp chủ mới. Ngài tuy đã quá tuổi “cổ lai hy” nhưng vì sự nghiệp Như lai nên đương thân gánh vác. Ngài kêu gọi:

- Chúng tôi chỉ lo việc đạo, không có ý định đưa người mình vào chánh quyền hay leo lải chánh quyền. Chúng tôi chỉ muốn bình đẳng và tự do hành đạo như những tôn giáo khác.

Đỗ chúng và dân chúng đều rất mến mộ ngài, Ngài vốn xuất thân từ một vùng đất đầy gian khó nhưng lắm anh tài. Không biết từ đâu mà xuất hiện đôi câu đối tán dương công đức của ngài

GIÁC ngộ độ mình cắt ái từ thân ly gia đoạn dục hành hạnh bậc sa môn

NHIÊN đăng độ tha nhiếp tâm thọ giới bởi phước tu huệ tinh tấn hàng Thích tử.

MẠNG MONG MANH

Mấy nay mạng mong manh chập chờn quá, sóng yếu và rất hoải. Bao nhiêu người truy cập mạng hỏng được nên bức bối, chẳng những không giải trí được mà ngay cả học hành, làm việc, giao dịch cũng bị đình trệ. Cơ quan chủ quản đủ thừa mọi lý do: Thời tiết xấu, cá mập

cắn cáp quang, thể lực thù địch tấn công mạng... Trong một cuộc hội thảo trực tuyến, một nhà khoa học cười cười:

- Kết nối và điều khiển toàn cầu, những tưởng mạng mạnh lắm, nào ngờ cũng mong manh.

Trong số các đại biểu tham dự, có một học giả Phật tử cười đầy ý nhị:

- Năm xưa Phật bảo mạng người ở giữa hai làn hơi. Ngày nay mạng NET cũng mong manh không kém.

Nói xong ông ấy còn đọc đôi câu đối vừa ứng tác:

Mạng người ngắn ngủi đoàn thọ trường thọ tùy ở nhân duyên nghiệp báo

Mạng net mong manh kết quốc nối người phụ thuộc kỹ thuật quản lý.

CẢM XÚC NHÂN BẢN

Theo lệ thường, mỗi khi cuối tháng chín thì trời đất vùng ôn đới chuẩn bị vào thu, Khí trời mát dịu, lác đác lá vàng, cúc, bí ngô, bù nhìn... đã sẵn sàng đón thu. Thiên hạ cũng tức cảnh sinh tình mẩn thơ. Có nhà thơ ở Sài Gòn viết:

“Lá vàng lác đác rơi
Khí trời man mát dịu”

Một thi sĩ khác ở Vũng Tàu hưởng ứng

“Rừng thu muôn sắc màu
Mặt hồ gương phẳng lặng”

Đà Nẵng cũng có cây bút nổi hừng

“Bầy chim trời di cư
Heo may về biết thu.”

Bạn bè quen biết trên mạng tung hứng khen lẫn khen chê, bao nhiêu người khác họa theo làm thành cả một luồng thơ thu rực rỡ. Tuy vậy vẫn có vài người im lặng cười thầm, duy có một anh tức khí bình:

- Phương nam nóng thấy bà cổ, lá vàng với heo may ở đâu ra? Sáo ngữ hay cảm xúc cũng nhân bản vô tính? (*)

(*) Nhân bản này là cloning, không phải humanity



HỮU HỌC VÔ HỌC

Mấy vị ngồi trong quán cà phê tán dóc cả buổi sáng, chuyện đông tây, chuyện trời đất, chuyện đạo đời... nói hăng tiết vịt nhưng phần nhiều bá xầm. Tuy nhiên cũng có một vài vị lại hay đáo để. Một ông trạc trung niên bảo:

- Tôi nghe nói vô học là những kẻ dốt nát, vô giáo dục, không có tư cách... Có sao có một vài vị tu hành hay các vị bồ tát thì lại xưng là bậc vô học?

Cả bàn ngó người ra, không ai giải thích được. Một ông già bèn bên nghe thể bèn nói vọng sang:

- Vô học của phàm phu khác vô học của bồ tát, trí huệ bát nhã của bồ tát đã viên mãn thì lấy chỗ nào để học?

Một người khác chêm vào:

- Ở đời nói hữu học là khen, vô học là chê; trong khi nhà đạo thì nói vô học là khen đến tuyệt đỉnh thượng thừa. Mỗi người nghe lầm nhầm gật gù:

Phàm phu hữu học mưu sự công danh tranh quyền đoạt vị toàn mê ngũ dục lục trần

Bồ tát vô học tế độ chúng sanh ban vui cứu khổ viên mãn tam học lục độ.

TỰ DO NHẤT

Tía vợ mỗ có năm cô con gái xinh đẹp, mọi người thường đùa là: Ngũ long công chúa. Ba người đầu đã yên bề gia thất. Cô áp út cặp một anh da trắng đạo dòng, ngày hai bên gặp nhau, họ nhà trai ra điều kiện:

- Phải học giáo lý hôn nhân, phải khảo hạch đầu mới cấp giấy và cho làm hôn lễ, con cái sanh ra phải chịu phép rửa tội... và nhiều cái phải khác nữa.

Thương con gái, tía gật đầu, chẳng bao lâu sau cô út lại dẫn về một anh da trắng gốc Liban. Hai họ gặp nhau và họ nhà trai ra điều kiện:

- Phải làm lễ ở nhà thờ Hồi giáo trước, lễ cưới không được dùng rượu bia cho dù đó là phong tục lễ nghi, không được đãi thức ăn có thịt heo và nơi có thể liên tưởng đến heo...

Tía vợ lại gật đầu, cả hai trường hợp ấy tuy trước sau nhưng đồng một thách mắc:

- Tôn giáo của ông không có điều nghi hay phép tắc gì sao?

Tía vợ bảo người thông dịch nói giúp:

- Đạo Phật chúng tôi không có giáo điều, không ràng buộc ai, không có ban phước hay giáng họa. Mọi người tự chịu trách nhiệm cho hành vi, nói năng và suy nghĩ của mình. Lễ tiết và hình thức không quan trọng.

Bọn họ vô cùng ngạc nhiên và thốt lên:

- Tôn giáo của ông quả thật là tự do nhất.



ĂN

Nhà có hai anh em, mẹ nhắc nhở con gái:

- Ăn trông nời ngồi trông hướng, con gái phải ý tứ, khéo người ta khi dễ mình.

Cha dạy con trai:

- Ăn vóc học hay, ăn nên đọi nói nên lời. Làm đàn ông con trai phải cố gắng ăn học để có công danh sự nghiệp với đời.

Em gái lớn lên, có chồng, nhà chồng và họ hàng khen đẹp người đẹp nết. Anh trai cũng nên người, có danh phận trong xã hội, ngặt nỗi ở trong cái guồng máy ấy nên không thể từ chối việc ăn, dù chỉ là ăn theo nhưng cũng dính vào với các xếp: ăn bữa, ăn bữa, ăn tạp, ăn hối lộ, ăn vật tư, ăn tiền bạc... ăn không chứa thứ gì. Vì tranh ăn, tranh ghế nên phe cánh

đấu đá nhau, cả bộ sậu bị thất thế phải ăn đòn xộc khảm ăn cơm tù, ngồi trong ngục anh con trai nhớ lời cha, khẽ ngâm:

*Miếng ăn là miếng tòi tàn
Mắt ăn một miếng lộn
gan lên đầu.*

ÔN DỊCH

Bấy lâu nay ở các xứ lạc hậu, độc tài và toàn trị. Bọn vô thần duy vậy làm loạn cả lên, đạo đức suy đồi, kỷ cương phá nát, giáo dục thụt lùi, văn hóa lại càng, vô thiên vô pháp... Ấy thế mà bọn chúng còn ngoác mồm ra:

- Chúng tôi chỉ tin những gì mắt thấy tai nghe, những chuyện trời đất quỷ thần hay đạo đức nhân văn là vấn đề mơ hồ không có lợi ích.

Cả xã hội lao theo cơn lốc kim tiền, mạnh được yếu thua, gian trá lên ngôi, đạo suy đồi loạn... Thế rồi ôn dịch xảy ra tràn lan, dân chúng kiệt cùng sinh kế, kẻ bệnh người chết la liệt. Nhiều người lên mạng xã hội kêu toáng lên:

- Dân chúng bệnh, chết quá trời kia! Mấy ông có thấy con vi trùng không? Có biết người chết về đâu không?

Nhiều người cười mỉa:

- Duy vật đời đầu mới chống thôi, đám đời chót mề tít thấy bà cố luôn, bỏ cả bao bạc để cầu cơ, lên đồng, hầu bóng, đi am về miếu... quanh năm hồng chạy tội!

Thế rồi mấy nay trên mạng lan truyền đến chóng mặt bài thơ sau:

Vô thần duy vật hại lắm thay

*Bao nhiêu năm tháng
những chua cay*

Ôn dịch xem ra nguy hiểm quá

*Cũng chẳng bằng như cả
bọn bay.*

Steven N
Georgia, 09/2021

TIẾNG CHIM TRONG THÀNH NỘI

Hình như có tiếng chim trong tàng lá
Ríu rít điều gì làm nằng xôn xao
Giọt nắng vàng ngập ngừng lòng tôn nữ
Ánh mắt lá râm lântron nơi nào.

Mái ngói âm dương nhuộm màu cổ tích
Nước hồ thơm từng cánh lá gương sen
Mắt rung rung trước mái vòm u tịch
Giấc mơ trôi hồn thiên cổ trước đèn.

Phải dẫu chân em qua từng năm tháng
Soi bóng đèn đài phượng các lầu son
Dẫu biết trăm năm – trò đời vinh nhục
Sao vẫn đắm mình cùng núi Ngự dòng Hương.

Hình như có tiếng chim trong thành nội
Nhấn nhủ điều gì – Huế của tôi ơi
Lá phượng non chợt thâm thì muốn nói
Bên mảng tường rêu lặng đến rộn người.

Xin làm sương mai thức chờ buổi sớm
Niu giữ nổi buồn – nhịp thở thời gian
Khắc khoải kiếp người tiếng chim đồng vọng
Hót mãi trong lòng – hồn Huế miên man.

VỀ LẠI SÔNG QUÊ

Tôi về bên sông nằm nghe tiếng sóng
Uống cho thỏa lòng ngậm nước trên tay
Mây trắng chao ôi qua thời khát vọng
Nỗi nhớ chùng chình theo cánh chim bay.

Sóng Hậu của tôi những ngày gió chướng
Đất lở bên này tội quá triển sông
Tiếng gà gáy trưa đầu tà áo mỏng
Trôi biệt bông bần tím cả mệnh mông.

Tìm sợi nắng vàng ửng trên làn tóc
Mái chèo em khua sóng bạc đôi bờ
Đêm đã tàn chưa sao mai chợt mọc
Đâu biết tôi về ngơ ngác trong mơ.

Thương con sông quê bao mùa mưa nắng
Mây nhánh phù sa nước đổ chia dòng
Em của tôi ơi một thời xa vắng
Quê nhà nơi nào trong cõi khói sương.

Tôi về bên sông ngắt chùm hoa dại
Từng hạt mưa rơi đắm ướt bên đường
Những cánh hoa xưa một thời xa ngái
Mất biếc môi hồng em có nhớ thương?



CHÉN RƯỢU CHIỀU PHỐ NÚI

Gặp nhau ngỡ chừng là bạn thiết
Nhiều năm không gặp tưởng rằng quên
Chẳng biết gió phượng nào vút tới
Thì ra ta bạn nhớ hơi men.

Ly rượu bên nhau chiều phố núi
Lạ chi bình thủy lại tương phùng
Thời của nhiều nhưng đành gác lại
Ta với người lạc chốn lao lung.

Bạn kể đoạn trường ngày mới đến
Ta buồn “thất thập cô lai hy”
Chung mâm nào kể đen hay bạc
Uống cạn niềm vui có sá gì.

Mưa phùn nào nhớ ai ấm lạnh
Mùa kiếm mài gương chợt thất kinh
Chẳng biết ngoài trời sương vây kín
Khách nhậu đôi khi chỉ một mình.

Chén rượu giang hồ ai đưa tiền
Tạ lòng tri ngộ lúc chiều buông
Chợ đời quen thói tình đen bạc
Mai về còn lại mảnh trăng suông.

thơ

NGUYỄN AN BÌNH

Hộ Tường

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Phật điện mông lung trong làn khói trầm hương, làn khói nhỏ mong manh phưởng phất dường như quyến luyến điều chi chẳng chịu bay lên, làn khói như vờn vẽ mặt ngử trong không khí. Mùi trầm pha lẫn mùi bồ, hương thơm của trầm pha với mùi ngan ngát đắng của gỏi bồ. Chỉ có những người như thầy Tư thì mới có thể nghe ra, đàn na tín thí cắm đầu cắm cổ đốt cả nén hương nhưng có mấy ai phân biệt đâu là mùi trầm đâu là mùi bồ. Ngọn nến leo lét trước tôn tượng Thế Tôn, đôi lúc phụt lên thật cao khi dòng nến trên bề mặt chảy xuống, lúc thì ngọn lửa liu liu khi mà sáp tan ngập tim. Tiếng mõ lốc cốc đều đều như đưa người và phi nhân vào một cảnh giới nào đó khác với cõi đời thực này. Thỉnh thoảng một chày chuông vang lên khi hết đoạn kinh hay chuyển ý, tiếng chuông lại kéo người về với thực tại. Thầy Tư ngồi kiết giả trên bồ đoàn, mắt lim dim, một tay mõ, một tay chắp trước ngực. Thầy như đã nhập vào một cảnh giới thần tiên hay cung trời nào đó, không còn nhận biết xung quanh, giả như lúc này có kẻ trộm vào khiêng bộ ngũ sự đi thầy cũng chẳng biết.

Sư phụ của thầy ban cho thầy pháp danh Hộ Tường, nhưng bao nhiêu năm nay thiện nam tín nữ quanh vùng chỉ quen gọi thầy là thầy Tư, riết rồi chẳng còn ai nhớ pháp danh của thầy nữa. Pháp danh của thầy giờ chỉ còn ở trên hộ điệp mà thôi.

Người khách ngồi sau

lưng thầy đã đợi một canh giờ, y vẫn điềm tĩnh nhẫn nại đợi cho đến khi khóa cổng phụ của thầy kết thúc. Y không muốn hay không dám làm kinh động đến thầy? Y đến đây và mang theo bức thư của ông giáo Bảy, thầy đồ danh tiếng nhất đất Phú Phong này. Giáo Bảy là sư phụ dạy văn lẫn võ của thầy Tư năm nào. Hồi chuông boong boong boong dứt khóa lễ, thầy Tư quay lại thì thấy y nhưng chẳng ngạc nhiên. Thầy Tư mời y xuống trai đường uống trà, tự tay thầy pha một bình trà và rót cho người khách một chung.

- Mời thí chủ, thí chủ đợi tăng tôi đã lâu, xin xá cho.

Người khách đón chung trà thầy Tư trao, y cảm ơn.

- Bạch thầy, tôi có thể chờ bao lâu cũng được nhưng ông giáo Bảy và huynh đệ của thầy Tư thì có lẽ nóng lòng lắm rồi. Tôi mang thư của giáo Bảy đến cho thầy.

Nói xong y rút trong áo ra một phong thư trao cho thầy Tư, mở phong thư ra, bên trong có một mảnh giấy bồi màu vàng sậm, trên ấy vón vện bốn câu lục bát viết bằng mực Tàu:

Ông thầy áo vải cơm chay

Cốc keng chuông mõ
tháng ngày kệ kinh

Dân oan nước loạn mặc tình

Phật cười uống cả công
trình bấy lâu!

Ngoài bốn câu ấy ra, không có bất cứ một dòng chữ nào khác, kể cả chữ ký, dấu triện son cũng không. Dù không có bất cứ chỉ dấu

gì nhưng thầy Tư dễ dàng nhanh chóng nhận ra nét chữ của ông giáo Bảy. Chữ ông giáo Bảy đã in sâu vào tâm khảm thầy Tư. Thầy Tư phân vân lắm, cân nhắc cả mấy tháng nay. Nội tâm thầy Tư đang bị giằng xé giữa một bên giới hạnh của một tu sĩ và một bên là trách nhiệm của một trưởng phụ trong đất trời. Anh Hai và anh Ba của thầy Tư đã mấy lần thúc giục thầy Tư hãy tạm ngưng việc tu hành để cùng nhau hợp lực cứu dân, cứu quốc. Hôm Tết thầy Tư về nhà thăm song thân, anh Hai và anh Ba đã tranh luận với thầy Tư cả buổi.

- Thầy Tư, tuy thầy đã xuất gia nhưng với tui thầy vẫn là chú út như ngày xưa. Thầy biết đấy, mấy năm nay dân chúng ta thán ngất trời xanh. Quyền thần Phúc Loan họ Trương tham lam bạo ngược, chúa Nguyễn nhu nhược, xa hoa cực độ, triều chính ngả nghiêng để cho y lộng quyền, thuế má ngày một tăng và ngày càng ngặt nghèo thêm. Đất Nông Nại sản vật phong nhiêu vậy mà cũng không đủ cống nạp cho lòng tham của y. Thầy còn nhớ cơn lụt năm Dân? Dân chúng xắc bắc xang bang, mất mùa đói kém trong khi ấy thóc lúa trong kho lẫm họ Trương bị ngập nước mọc mọng, y cho gia nhân và tá điền gánh đồ ngoài đồng cao như núi, của cải vàng bạc đem phơi kín cả sân đình. Bá tánh lăm than, tui đã bàn với giáo Bảy, chú Ba và mấy anh em tâm phúc khác. Chúng ta sẽ dựng cờ khởi nghĩa để cứu dân. Thầy Tư hãy tạm gác việc kinh kệ, hãy cùng anh

em gánh vác giang san. Nhà Phật bảo cứu người như cứu lửa cháy đầu, mai kia xong việc thầy Tư lại về chốn cũ tiếp tục tu.

Thầy Tư ngồi im lắng nghe, lát sau thưa:

- Anh Hai, tui giờ là con nhà Phật, việc thế sự không can dự vào, tuy biết rằng dân khổ nhưng giới luật của thầy tu không cho phép làm quốc sự.

Anh Ba nghe thế thì nóng nảy bảo:

- Anh Hai nói phải đấy, thầy Tư cũng nên quyền biến, không thể khăng khăng chấp thủ. Triết lý nhà Phật bảo mọi sự vật, sự việc trong trời đất luôn thay đổi vì thế giới này vốn vô thường. Nhân duyên luôn biến thiên, không thể cưỡng cầu cũng như không thể bắt chấp. Nước loạn dân oan lẽ nào thầy Tư thản nhiên ngồi yên gõ mõ tụng kinh? Sư phụ thế độ của thầy ban cho thầy pháp danh Hộ Tường, há chẳng phải gởi gắm kỳ vọng thầy sẽ bảo vệ những điều tốt lành? Việc hộ quốc, hộ dân là việc đại tốt lành.

Thầy Tư chiêu ngụm trà, giọng nhỏ nhẹ:

- Anh Ba nói cũng phải, nhưng khi cái cộng nghiệp của dân nó thế thì mình đâu có thể làm gì được, và lại một tu sĩ không thể tham dự thế sự, chính sự, càng không thể tham gia những việc gây nghiệp sát.

Anh Hai phản bác:

- Thầy Tư nói vậy là không hợp lý, tuy là nghiệp nhưng nghiệp có thể thay đổi, nghiệp luôn biến thiên chứ không cố định, khi cơ duyên chín muồi thì nghiệp cũng theo nhân duyên mà chuyển. Việc bá tánh trăm họ lâm than cứ cho là cộng nghiệp đi, nhưng nay thiên hạ bất bình, sĩ phu hào kiệt đang đợi minh chủ, người hằng tâm hào sảng khắp nơi đang hướng về... lẽ nào thầy Tư không thấy điều này? Đây chính là cơ duyên tốt để chuyển đổi nghiệp vận! Tui

đã bàn luận rất kỹ với ông giáo Bảy, chú Ba và những huynh đệ gần xa. Tất cả đều đồng lòng đứng lên cứu dân cứu nước, cờ khởi nghĩa cũng đã may xong. Thầy Tư nên tạm gác việc kinh kệ lại để phụ anh em hộ dân hộ quốc. Thầy Tư có ngón nghề thâm hậu, rèn luyện võ nghệ cho nghĩa quân, thiên hạ ai ai cũng phục võ công của thầy Tư.

Lòng thầy Tư lung lay, lời anh Hai, anh Ba và giáo Bảy rất đúng. Mình không thể nhắm mắt làm ngơ, để mặc dân tình quốc sự rối ren, trước khi là thầy tu thì mình đã là một con dân, vậy phải có trách nhiệm với sơn hà xã tắc.

Những ngày khi còn ở trường ông giáo Bảy, chú Tư luôn được mọi người yêu mến, chú Tư hiền lành, nhu mì, nhỏ nhẹ, có tánh thương người thương vật. Ông giáo Bảy dự đoán chủ Tư sau này sẽ là ông một ông thầy tu. Anh Hai thì biết tính toán, cơ mưu nhưng hay do dự và không cả quyết. Duy có anh Ba được giáo Bảy hết lời ca ngợi. Anh Ba văn siêu võ xuất, tánh tình khảng khái, quyết đoán, nhìn xa trông rộng, khí độ như núi, dáng dấp trượng phu, đặc biệt có một năng lực thu hút đối phương rất mạnh mẽ. Bất cứ kẻ đó là ai, hễ tiếp xúc với anh Ba thì chỉ trong một thời gian rất ngắn, kẻ ấy sẽ quy thuận anh Ba vô điều kiện. Giáo Bảy vẫn bảo với mọi người, anh Ba là tay kiệt hiệt hiếm có, sẽ làm nên nghiệp lớn. Ngoài ba anh em thầy Tư, lớp của giáo Bảy còn có những huynh đệ đồng môn khác cũng rất xuất sắc, đều là những tay võ nghệ cao cường, tánh tình hào sảng, bản lĩnh hơn hẳn người đời. Nương tử họ Bùi là một nữ nhân xinh đẹp với biệt tài sử dụng song kiếm, khi cô ấy hươu kiếm lên thì như thác đổ mây bay, hoa rơi lá đổ, đổ ai dám lại gần, dù đó là bậc

nam nhi đồng mãnh. Tay Văn Đồng người họ Võ thì có ngón trường côn, y chỉ cần một cây roi mây có thể đánh bại cả toán kiêu binh có gươm lớn giáo dài. Long hiệp khách người họ Đặng, cha anh vốn người Bắc Hà mới di cư vào Đàng trong lập nghiệp. Y tánh tình phóng khoáng, không câu nệ, giỏi sử dụng trường thương... Giáo Bảy vốn tinh thông võ nghệ, văn chương lưu loát, học giỏi nhưng không chịu đi thi vì giáo Bảy không muốn làm quan. Giáo Bảy mở trường thu nhận học trò không hẳn vì mưu sinh, cái tâm nguyện chính yếu là chiêu tập môn sinh giỏi để truyền thụ bí quyết võ công, tìm người có tâm huyết để gánh vác việc quốc gia.

Những ngày cuối cùng của năm Dần, giáo Bảy đích thân đến Hưng Long tự để tìm gặp thầy Tư:

- Chú Tư, chú vẫn là môn đồ của tôi, dù chú có xuất gia đầu Phật nhưng tôi sẽ không kêu chú bằng thầy! Với tôi chú mãi mãi là trò Tư như năm nào. Tôi không quan tâm pháp chế giới luật của thiên môn. Tôi còn nghe thiên hạ nói chú từng theo tu học với mấy ông đạo Bà Ni người Champa và chú cũng đạt được mấy bậc công phu trước khi xuất gia đầu Phật, bởi vậy tôi càng không để ý đến việc chú là ai. Tôi là ông giáo Bảy, tôi đến đây vì chút lòng với sơn hà xã tắc. Tôi biết người xuất gia không tham dự chính sự, nhưng đó là những lúc nước thanh dân an, thái bình thịnh trị, còn khi bá tánh lâm than, nước loạn dân oan, sơn hà nguy khốn thì tu sĩ không thể ngồi yên một chỗ, mặc cho dân tình quốc sự loạn. Phủ Quy Nhơn này vốn trù phú, sản vật phong nhiêu, tàu Hòa Lan, Nhứt Bồn, Tiêm La, Phú Lang sa, Hồng Mao, Y Pha Nho... vào ra thường cảng Nước Mặn mua bán, trao đổi sản vật rất sầm uất. Thiên hạ khắp nơi ca tụng là một tiểu

Nông Nai, ấy vậy mà mấy năm nay điều đứng vì nhà chúa và quyền thần Phúc Loan, thuế khóa nặng nề, nhà Chúa đặt ra nhiều sắc thuế vô cùng nặng nề, phu phen phục dịch liên miên. Bắc Hà nhiều nhượng vì họ Trịnh. Từ Diên, Ninh đến Gia Định thì chúa Nguyễn cát cứ. Dân chúng lầm than, nay hào kiệt khắp nơi trồng cờ ngọn cờ khởi sự phật lên. Các anh chú đã bàn với tôi quyết dẫn thân giương cao ngọn cờ. Các môn sinh cũ mới đều nhất tề hưởng ứng, duy chỉ còn chú Tư... và đây cũng là duyên do giáo Bảy này đến thăm chú!

Thầy Tư lặng lẽ châm thêm trà cho ông giáo Bảy. Không gian im ắng lạ thường; thời gian như ngưng lại ngừng trôi. Cả ông giáo Bảy lẫn thầy Tư đều để cho tâm mình theo đuổi ý nghĩ riêng, lát sau ông giáo Bảy lại lên tiếng:

- Chú đọc kinh ắt biết trong bốn sanh bốn sự nhà Phật, trong một kiếp quá khứ xa xưa, Đức Phật kể câu chuyện rằng: Thuở đó Phật cùng với năm trăm người lái buôn đi chung một con tàu, trên tàu có một tên cướp vô cùng tàn bạo, y định ra tay sát hại cả nhóm lái buôn để cướp lấy toàn bộ vàng bạc, hàng hóa của họ, vì thế Phật phải ra tay hạ sát y để cứu năm trăm người kia. Đời nhà Lý, các sư Pháp Thuận, Vạn Hạnh... cũng vì nước mà tham gia chính sự, ra tay hộ quốc, an định thế nước, từ ấy quốc thanh dân an, đạo pháp xương long. Đời Trần có nhiều bậc long tượng thiên môn hết lòng hộ quốc như: Pháp Loa, Huyền Quang... Các vua Thái Tổ, thánh Tông, Nhân Tông... đều là thiên sư kiệt xuất cả, nhưng khi sơn hà xã tắc lâm nguy thì các ngài tạm gác Phật sự để ra tay hộ quốc, hộ dân, âu đó cũng là độ sanh giác chúng!

Bấy giờ thầy Tư cung tay thủ lễ theo kiểu con nhà võ chứ không chấp tay theo thể

thức nhà Phật:

- Thưa ân sư, nhà Phật có câu "Sa môn bất bái quân vương" nhưng đạo lý tộc Việt thì ơn thầy không thể quên. Tạ ơn thầy đã vì con trò mà cất công đến tận đây, tạ ơn thầy vì những lời tận tâm can. Con, trò Tư có ngày nào dám quên ơn thầy, vẫn đau đầu vì đời đau khổ, vì nước loạn dân oan, bấy lâu nay đóng cửa tung kinh nhưng lòng mở rộng với bá tánh muôn loài. Con, trò Tư ngày nào tuy hôm nay mang hình tướng sa môn nhưng vẫn là con dân tộc Việt, đâu dám bỏ mặc sơn hà. Tạ ơn sư phụ, nay lòng con đã cất đi được nỗi khó xử bấy lâu nay.

Giáo Bảy cảm động dường như sắp nhỏ lệ, nhưng bản tánh ngang tàng, cốt cách cứng cỏi con nhà võ kịp thời khởi tác dụng ngăn chặn phút yếu lòng, chỉ thoáng một tí lập tức trở lại can cường ngay. Giáo Bảy chụp lấy hai bàn tay thủ lễ của thầy Tư lắc mạnh:

- Tốt lành quá, thầy Tư đã bằng lòng giúp nước cứu dân! Giáo Bảy này có chết cũng an lòng rồi. Giáo Bảy này tuy già nhưng sẽ làm hết lòng những gì có thể để giúp rập cho mấy anh em của thầy Tư. Trong số môn đồ của ta, chú Ba là người xuất chúng, là tay kiệt hiệt anh hùng cái thế, mấy trăm năm nay chưa dễ được một, nay chú ấy dựng cờ khởi nghĩa ta tin chắc chú ấy sẽ làm nên nghiệp lớn. Bây giờ có thêm thầy Tư về giúp cho chú Hai và chú Ba, cộng với tất cả huynh đệ đồng môn kiệt hiệt thì lo gì việc lớn không thành. Sơn hà xã tắc giờ đây đã có người gánh vác, bá tánh từ đây có chỗ nhờ cậy.

Giáo Bảy nói một hơi trong sự xúc động mãnh liệt, tuy cốt cách con nhà võ không dễ lệ chảy hay lộ nét mặt xúc động nhưng rõ ràng trong lời nói đã thể hiện nỗi lòng của ông. Ông cũng

quên khuấy lúc ban đầu tuyên bố chỉ gọi trò Tư, chú Tư, vậy mà về sau ông tự nhiên gọi thầy Tư từ lúc nào cũng không hay biết. Thầy Tư rõ ràng là môn đệ là học trò của giáo Bảy, ấy là phương diện đời, môn quy võ phái. Nhưng về mặt đạo và pháp giới nhà phật thì trò Tư đã xuất gia, hẳn nhiên phải gọi bằng thầy. Tuy nhiên giờ đây việc xưng hô thế nào cũng không còn quan trọng nữa. Thầy Tư đã ra giúp nước thì ông giáo Bảy sẵn sàng kêu bằng bất cứ danh tự nào, với giáo Bảy thì người nào hộ quốc hộ dân cũng đều là đại nhân cả. Giáo Bảy sẵn sàng đem thân già này hỗ trợ cho những ai ra giúp nước thì còn sá chi cái danh tự vai vế giả tạm kia.

Sáng sớm tinh mơ hôm sau, thầy Tư cỡi cà sa để lại dưới chân tôn tượng Như Lai, chỉ mặc áo tràng nâu về nhà để gặp anh Hai và anh Ba. Thường thầy Tư vẫn mặc chiếc áo màu nâu này, có khi là áo tràng, có khi áo vạt hò hoặc áo nhật bình tùy theo hoàn cảnh và công việc. Thầy Tư thích màu nâu, cái màu của đất, của kham nhẫn, màu của chịu đựng. Màu nâu còn là màu của tịch tĩnh và yên lặng, khoác áo nâu sồng giúp tâm thầy Tư lắng đọng và an lạc trong bao nhiêu năm nay, những cơn sóng ngã mạn, ngũ dục lục trần đã ngủ yên dưới lớp áo nâu sồng.

Tiếng đồn thầy Tư cỡi cà sa ra gánh vác việc sơn hà chẳng mấy chốc lan xa lan nhanh khắp các tổng Phú Phong, An Nhơn, Thuận Truyền, An Khê thượng đạo...

Mùa xuân Tân Mão, thầy Tư cùng với hai người anh của mình dựng cờ khởi nghĩa, nêu cao khẩu hiệu hộ quốc an dân, định an xã tắc. Ngọn cờ của ba anh em thầy Tư mở ra một chương sử mới đầy hào hùng khí phách cho tộc Việt.

Ất Lăng thành, 05/2021



LỜI MÒN

Tôi bỏ làm thơ kể từ khi
Lòng như gỗ đã chả yêu chi
Tháng ngày tro trọi không buồn nói
Sống đời vô nghĩa cuốn trôi đi

Một hôm rong ruổi tình cờ
Gặp em giữa chợ có ngồi chi đâu
Đẹp sao u uẩn nét sâu
Xuyến xao như thể lần đầu gặp em

Dẫu muốn quên đi vẫn đến chào
Người đây vóc dáng những gầy hao
Mắt môi ngày cũ còn nguyên vẹn
Sóng lòng ló ló len lõi tuôn

Tôi về thao thức làm thơ
Xóa bôi lại viết đến giờ chưa xong
Tình còn âm ỉ trong lòng
Muốn vui vầy với... mà không có đường

Em của người ta đã yên bề
Tôi thì tình nghĩa nợ phu thê
Rắc rối đã mang đầy cảm khái
Khiến gã si tình mãi ngân ngơ

Đã từng hứa bỏ làm thơ
Bút quăng giấy xé tình tơ tưởng còn
Mộng nhân sinh chẳng thể tròn
Buồn vơ vẩn lại lời mòn mẩn thơ

TRĂNG SÓT

Tôi bỏ làm thơ cũng đã lâu
Từ em mắt biếc đổi thay màu
Bao nhiêu cảm xúc dường như cạn
Tâm trí quên rồi chẳng nhớ nhau

Em vẫn là em dáng vóc xinh
Dấu yêu ôm ấp với ân tình
Mắt môi này đã từng thao thức
Mộng ước trăm năm chưa tượng hình

Một nắm xương khô ở dưới mồ
Tâm thần phiêu hốt cõi hư vô
Phát phơ sương khói ma tình tỏa
Giọt lệ tràn gian hóa huyết khô

Rồi có khi nào một kiếp mai
Tái sinh ảo diệu chất trang đài
Nhan sắc bừng lên hoa diêm lệ
Hình hài tuyệt thế để chờ ai

Phương ngoại tàn đêm qua bóng trăng
Mê tình du tử đắp trong chăn
Mộng dệt nên hình tâm thức cũ
Tim đã gầy hao đủ nhớ chẳng

Đời dẫu xanh xao chẳng thể tàn
Cho dù vất vả với gian nan
Vì chưng tâm tưởng còn ngưng đọng
Gót đỏ môi son bóng dáng nàng

Ngày đã lên rồi hoa nắng vương
Phải chăng trăng sót của đêm trường
Vườn ta một đóa hoa vừa chớm
Ong bướm vờn quanh thơm sắc hương

thơ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 10 ĐÃ LONG TRỌNG CỬ HÀNH TẠI PEEK FUNERAL HOME THÀNH PHỐ WESTMINSTER, QUẬN CAM, CALIFORNIA

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Westminster (Thanh Huy) -- Pháp Hội Địa Tạng Lần Thứ 10 do Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTN/HK), Viện Chủ Chùa Hội Phước New Mexico, làm Trưởng Ban Tổ Chức, Ông Sean Hadad, Giám Đốc Nhà Quàn Peek Funeral Home Phó Ban tổ chức, Đạo hữu Linda Trần, Phó ban tổ chức, đã long trọng cử hành trong hai ngày Thứ Sáu ngày 10 và Thứ Bảy ngày 11 tháng 9 năm 2021 tại Tôn Tượng Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát (cạnh Tượng Đài Thuyền Nhân Việt Nam) trong nghĩa trang Peek Funeral Home.

Pháp Hội Địa Tạng mở đầu với lễ Niệm Hương Bạch Phật khai kinh vào lúc 4 giờ chiều thứ Sáu, 10 tháng 9, 2021 tại chùa Liên Hoa với sự chứng minh của Trưởng Lão HT. Thích Chơn Thành, Đề Nhị Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, Viện Chủ Chùa Liên Hoa; HT. Thích Nhật Quang, Đề Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Tâm Vân Phó Tổng Thư Ký Tăng Đoàn GHPGVNTN/Hải Ngoại; HT. Thích Minh Tuyên, Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Hải Ngoại, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; Thượng Tọa Thích Thánh Minh Trưởng Ban Tổ Chức, hai phó ban là Ông Sean Hadad và Đạo hữu Linda cùng một số chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử.

Nghi thức lễ do HT. Thích Nhật Quang làm sám chủ.

Sau đó tất cả cùng tập trung về Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ để làm lễ rước linh các chiến sĩ trận vong trong đó có di ảnh 13 quân nhân Hoa Kỳ bị tử thương tại Kabul, Afghanistan mới đây.

Tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ đoàn xe Jeep quân đội có cắm quốc kỳ Việt Nam Cộng



Hòa, Hoa Kỳ và Phật Giáo Kỳ do chiến hữu Phạm Công điều hành đã chờ sẵn trước tượng đài.

Tại đây có đơn vị "United States National Reserve Corps" trong quân phục sắp thành hai hàng để rước di ảnh 13 quân nhân Hoa Kỳ bị tử thương tại Kabul, Afghanistan lên xe tang của nhà quàn.

Sau phần nghi thức lễ, đoàn xe đã di chuyển theo hướng Westminster, đến đường Euclid ngang qua Tượng Đài Vua Quang Trung đến đường Bolsa ngang qua Tượng Đức Thánh Trần và về an vị tại lễ đài Pháp Hội Địa Tạng. Cùng đi trong Phái đoàn có: Trưởng lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Minh Tuyên, Hòa

Thượng Thích Tâm Vân, Hòa Thượng Thích Nhật Quang, Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Thượng Tọa Thích Trừng Sĩ cùng một số Huỳnh Trưởng Gia Đình Phật Tử do Huỳnh Trưởng Tâm Hòa Lê Quang Dật hướng dẫn.

Sau khi an vị các di ảnh, nghi thức Lễ Khai Đàn Pháp Hội Địa Tạng lần Thứ 10 bắt đầu.

Sáng Thứ Bảy ngày 11 tháng 9 năm 2021 vào lúc 8 giờ sáng lễ dâng hương khai kinh Địa Tạng do Hòa Thượng Thích Tuệ Uy





làm chủ sám với sự chứng minh tham dự khoảng 100 chư tôn đức tăng, ni, một số quý vị đại diện các hội đoàn, đoàn thể, rất đông các cơ quan truyền thông, truyền hình, báo chí cùng hàng trăm đồng hương Phật tử tham dự. Đặc biệt có toán quân nhân thuộc Sư Đoàn 1, Quân Đoàn Trừ Bi Quốc Gia Hoa Kỳ do Chuẩn Tướng Randy Nguyễn hướng dẫn.

Chứng minh buổi lễ có quý HT. Thích Tâm Vân, Thích Minh Tuyên, Thích Huệ Minh, Thích Minh Mẫn, Thích Viên Huy... Thượng Tọa Thích Tâm Bình, TT. Thích Trừng Sĩ...

Sau thời kinh Địa Tạng, chư tôn đức tăng ni cùng đồng hương Phật tử kinh hành chung quanh khu tổ chức lễ hội. Sau khi đi một vòng Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni trở lại trai đường để ban tổ chức thực hiện nghi thức tác bạch trước khi cung thỉnh chư tôn đức quang lâm lễ đại.

Trong lúc này Ban nghi lễ làm Lễ Mông Sơn Thí Thực.

Sau đó là Phái đoàn Châu Đạo Cao Đài lên làm lễ nghi thức cúng thí thực.

Lúc 11 giờ trưa nghi thức khai mạc pháp hội bắt đầu dưới sự điều hợp chương trình của Đạo Hữu Thiện Phúc.

Mở đầu buổi lễ với phần nghi thức Phút Nhập Từ Bi Quán, để tưởng nhớ đến những nạn nhân trong vụ khủng bố 911 và những chiến sĩ đã hy sinh tại chiến trường A Phú Hân cùng các chiến sĩ đồng minh cũng như quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh để bảo vệ nền tự do cho Miền Nam Việt Nam cũng như hàng trăm ngàn đồng bào đã tử nạn trên đường vượt biên vượt biển...

Tiếp theo phần giới thiệu Chư Tôn Đức và quan khách tham dự, Chư tôn đức có: Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK; HT. Thích Tâm Vân Phó Tổng Thư Ký Tăng Đoàn GHPGVNTN/Hải Ngoại; HT. Thích Minh Tuyên, Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Hải Ngoại, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ GHPGVNTN/HK; HT. Thích Huệ Minh, HT. Thích Minh Mẫn, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK, HT. Thích Viên Huy, Phó Chủ Tịch Tăng Đoàn GHPGVNTN/HK, Thượng Tọa Thích Trừng Sĩ, Thượng Tọa Thích Tâm Bình, Thượng Tọa Thích Thánh



Minh Trưởng Ban Tổ Chức, hai phó ban là Ông Sean Hadad và Đạo hữu Linda cùng một số chư tôn đức Tăng, Ni...

Quan khách có: Thị Trưởng Thành Phố Westminster ông Tạ Đức Trí, Phó Thị Trưởng Nguyễn Mạnh Chí, Nghị Viên Thu Hà Nguyễn, Đại diện Hội Đồng Thành Phố Garden Grove, Bà Quyên Trần, Đại diện Thượng Nghị Sĩ Tiểu Bang Tom Umberg, Jenny Trần, Đại Diện Dân Biểu Tiểu Bang Janet Nguyễn, Ông Lý Vĩnh Phong, đại diện Dân Biểu Liên Bang Lowenthal, Chuẩn Tướng Randy Nguyễn cùng số đông các cơ quan truyền thông, truyền hình, báo chí.

Sau đó là lời chào mừng của Thượng Tọa trưởng Ban Tổ Chức Pháp Hội Địa Tạng. Thượng Tọa nói: "Hôm nay, chúng con/chúng tôi rất xúc động, cảm kích trước sự hiện diện của tất cả quý vị, mặc dù trong thời điểm khó khăn nạn dịch vẫn còn diễn tiến chưa đến hồi kết thúc, trận bão Ida vừa đổ bộ vào đông bắc Mỹ làm nhiều người phải thiệt mạng, thế giới đang còn chìm ngập trong đau thương, chiến tranh, khủng bố, bạo loạn chia rẽ tình người, biển động dậy sóng, oan hồn, uổng tử, nạn phá thai, hoạn tử, bất đắc kỳ tử, lò hoả ngục vẫn còn đang nung nấu. khắp nơi nơi, máu và nước mắt vẫn cứ chảy dài trong nhân thế nghiệp chướng đa mang.

Hôm nay, xin tất cả chúng ta hãy cùng nhau đồng hiệp lực hướng tâm nguyện cầu cho bể khổ nguôi vơi, cho âm hồn siêu thoát, cho tình người thắm nở, cho quả đất thêm xanh, cho quê hương Việt Nam sớm được thanh bình, cho âm siêu dương thái, thế giới hòa bình, nhơn sinh an lạc.

Cách đây gần 250 năm trước nhân tiết đầu thu trong đại nạn dịch bệnh đồng bào tử nạn thảm thương, đời sống nhân dân cơ cực, Đại thi hào Nguyễn Du, một trái tim đầy tình người, một tấm lòng nhân hậu bao dung đã rung động trước nỗi thống khổ kiếp sống nhân sinh, đã viết lên tác phẩm: "Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh" gói trọn nỗi niềm thương cảm:

*"Trong trường dạ tối tăm trời đất
Xót khôn thiếp phảng phất u minh
Thương thay! Thập loại chúng sinh
Phách đờn hồn chiếc lênh đênh quê
người..."*

Hơn một năm qua, đất nước Hoa Kỳ và toàn Thế Giới gặp phải cảnh tang thương dịch bệnh lan tràn. Nhiều người thân, bạn đồng nghiệp và nhiều người hàng xóm của chúng ta đã vĩnh biệt ra đi trong cảnh cô đơn lạnh lẽo. Người còn lại sống với bất an, lo sợ và gần đây quê hương Việt Nam những người thân chúng ta phải sống trong cảnh cách ly, ngăn sông cấm chợ ...

Trong giờ phút trang nghiêm này, hồn thiêng sông núi đang hội tụ về đây, chúng con/chúng tôi xin cúi đầu nhất tâm cung thỉnh liệt quý vị hãy dành nhiều năng lượng và tâm lực hướng về tôn tượng Bồ Tát Địa Tạng Vương để cầu nguyện dịch bệnh và thảm họa sớm được hoá giải, vượt thoát.

Pháp Hội Địa Tạng với ước nguyện làm ấm lòng người ra đi, an lòng người ở lại, là lễ tưởng niệm, tri ơn đối với cha mẹ, ông bà tổ tiên, các bậc tiền bối hữu công, chư Anh Linh, Anh Hùng Liệt Nữ vị quốc vong thân, các Thuyền Nhân, Bộ Nhân đã bỏ mình trên đường vượt thoát tìm tự do, các nạn nhân đã qua đời vì thiên tai dịch bệnh, tai nạn giao thông, bom rơi, đạn lạc v.v... và nhất là tưởng niệm các nạn nhân trong vụ thảm sát ngày 11 tháng 9, cũng như các chiến sĩ Hoa Kỳ đã anh dũng hy sinh trên chiến trường A Phú Hãn.

Chúng mong ước rằng: Pháp Hội Địa Tạng sẽ vượt ra ngoài lễ hội tôn giáo, trở thành một truyền thống đạo đức tâm linh cao đẹp..."

Thượng Tọa tiếp: "Tất cả chúng ta hãy cùng nhau đồng mãnh phát nguyện noi gương theo Hạnh Nguyên Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, và tiếp nối truyền thống đạo đức tâm linh của các vị tổ sư tiền bối, thấp sáng ngọn đuốc tinh thần nhân văn hiếu đạo cho ánh sáng tri ân và báo ân được lan toả.

Pháp hội Địa Tạng lần thứ 10 thành tựu đây là duyên lành là cơ hội tốt cho nhiều người hòa nhập lòng thành niệm tưởng, thực thi Bồ Tát Hạnh cho kẻ còn người mất thắm nhuần lợi lạc. Nén hương lòng vẫn còn mãi



thấp sáng dâng lên chư vị Tổ Sư, Thánh Tử Đạo, hồn thiêng sông núi, chư Tiên Hương Linh, Cửu Huyền Thất Tổ, cô hồn, liệt vị chư Hương Linh:"

"Tiết đầu thu lập đàn giải thoát

Nước tịnh bình rưới hạt dương chi

Muôn nhờ đức Phật tử bị,

Giải oan, cứu khổ, hồn về tây phương"

("Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh" -

Nguyễn Du)

Nam Mô Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Tiếp theo là phần phát biểu của quý quan khách, Ban tổ chức mời quý vị quan khách cùng lên lễ đài một lúc để lần lượt phát biểu, mọi người đều ca ngợi việc làm đầy ý nghĩa mà ban tổ chức đã duy trì thực hiện liên tục trong 10 năm qua, sau đó những vị này đã trao bằng tưởng lục đến Trưởng Ban tổ chức Pháp Hội Địa Tạng để ghi nhận những đóng góp giá trị tinh thần cho cộng đồng.

Sau phần phát biểu là lời Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Minh Tuyên. HT. đã tán dương công đức quý vị trong ban tổ chức Pháp Hội Địa Tạng và HT. cũng nhắc lại hạnh nguyện của Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trong phần đạo từ dài 25 phút HT, đã không quên cảm ơn Hội Đồng các Thành Phố, quý vị dân cử, quý cơ quan truyền và đồng hương tham dự buổi lễ.

Sau đó ông Sean Hadad, Giám Đốc Nhà Quàn Peek Funeral Home Westminster Memorial Park thay mặt ban tổ chức ngỏ lời cảm tạ đến chư tôn đức tăng ni, quý vị quan khách, quý cơ quan truyền thông, quý vị mạnh thường quân bảo trợ buổi lễ cùng toàn thể đồng hương tham dự.

Trong giây phút cảm động ông nhắc lại thảm cảnh những người đã qua đời vì nạn dịch Covid-19 mà ông đã chứng kiến trong hoàn cảnh tang lễ trong mùa đại dịch. Ông nói đây là cơ hội để chúng ta cùng góp phần cầu nguyện cho sự bình an đến với mọi người, và cầu nguyện cho những người quá cố được tiêu điều nơi miền cực lạc.

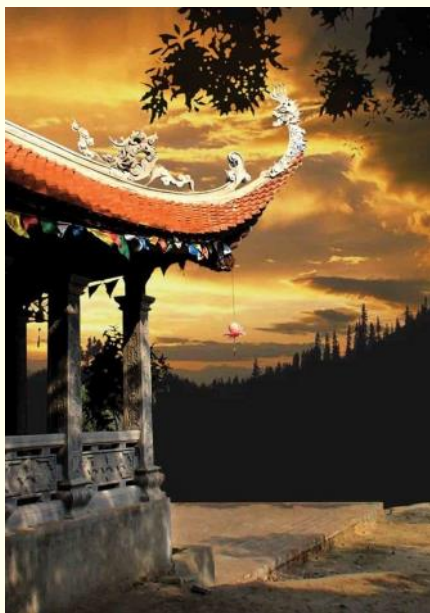
Sau nghi thức hành chảnh, ban tổ chức cung thỉnh chư tôn Giáo Phẩm, chư Tôn Đức Tăng Ni trở lại trai đường thọ trai và ban tổ chức cúng dường trai tăng, đồng hương Phật tử dùng bữa cơm chay thân mật do ban tổ chức Pháp Hội Địa Tạng khoản đãi.

Trong lúc này tại đàn tràng Thượng Tọa Thích Tâm Bình đã dâng số cầu siêu cho tất cả các hương linh có tên tại trai đàn.

Sau đó Đạo hữu Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy, cùng Thượng Tọa Thích Thánh Minh đã diễn đọc "Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh" của Đại Thi Hào Nguyễn Du.

Kết thúc chương trình với nghi thức Hóa Sớ Cầu Siêu do Thượng Tọa Thích Thánh Minh và quý vị trong ban tổ chức thực hiện.

QUẢ-NHÂN, THIỆN NGHIỆP TU THÂN



Vũ trụ này rộng lớn mênh mang,
Luật nhân quả rõ ràng bất tận,
Sinh linh đến... đi, rồi trở về vô tận,
Luật luân hồi quanh quẩn mãi bên ta...
Chốn Ta bà vẫn cuốn theo đời sống,
Sinh tồn vẫn chuyển biến luân hồi,
Nhân sinh vừa mở mắt chào đời,
Đã chịu quả nghiệp duyên quá khứ.
Thời gian trôi dần theo cuộc sống,
Lãnh thọ đời, nghiệp tốt-xấu tạo thêm,
Gặp duyên lành và hoàn cảnh ấm êm,
Cùng Thiện-Thức sẽ làm nên điều tốt.
Phật dạy rằng TỊNH GIỚI là thứ nhất,
GIỮ GIỚI là căn bản ĐỊNH TÂM,
TRÍ TUỆ rồi từ đó phát sinh,
Công đức lành nung theo thiện nghiệp
Hạnh bố thí mong làm việc phước,
Mau vun bồi trong mọi thiện duyên
Tháng năm dài hạt giống trở mầm thêm
Cho trọn chữ tu nhân-tích-đức
Trong đời sống ta cần tích cực
Tập tu tâm quán chiếu thường xuyên,
Quán quả-nhân, thiện nghiệp tu thân.
Mỗi tạo tác có ngay nghiệp quả.
Đã biết rằng sinh linh là hợp giả,
Do hợp duyên, thì tất phải vô thường,
Dù ta đang có mặt ở thế gian,
Phải ngăn ngay những động cơ tạo ác...
Đời nhân sinh là một dòng chuyển thác
Sống thẳng trâm do thiện-ác mà thối...
Ta quyết tâm thiện nghiệp phải vun bồi,
Thực hiện tốt trong hai câu nhân-quả...
Vũ trụ nay biến động bất an!
Thiên tai, dịch bệnh chốn trần gian !
Nhân loại... lao đao trong biển khổ
Sanh-Trụ-Hoại-Diệt... thoáng hư vô!
Dòng đời vẫn trôi chảy triền miên...
Ta bà tỉnh thức sống thuận duyên,
Tu tâm thoát khỏi vòng biển khổ,
An nhiên tự tại cảnh bình yên...

thơ THỰC UYÊN

Gần Phật và xa Phật

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Một thời Đức Phật ở nước Xá Vệ, tại Tịnh Xá Kỳ Hoàn thuyết pháp cho Chư Thiên nghe. Lúc bấy giờ ở nước La Duyệt Kỳ có hai vị tân học Tỷ kheo muốn yết kiến Đức Phật. Giữa hai nước ấy có một khoảng đồng rộng, không có người ở, lại gặp thời tiết hạn hán, nên suối hồ đều cạn. Hai người đi ngang qua, bị khát nước, chỉ gặp được vũng nước nhỏ thì bị đầy những trùng, không thể uống được.

Hai người mới bàn với nhau rằng:

"Chúng ta từ xa lại, cốt trông mong chiêm ngưỡng Đức Phật, không ngờ ngày

nay bị chết khát giữa đường."

Một người nói rằng:

- Thôi ta hãy tạm uống để khỏi chết cổ vậy mới gặp được Phật, và lại ta uống cũng không ai biết cả.

Người kia đáp rằng:

- Giới luật Đức Phật chế ra, lấy nhân từ làm gốc. Nếu giết hai chúng sanh để tự sống thì dù thấy Đức Phật cũng không ích gì. Thà rằng giữ giới chịu chết, chớ không phạm giới mà được sống.

Người đầu theo ý riêng của mình uống nước đỡ khát và đi đến chỗ Phật ở. Người thứ hai không chịu uống nên phải chết vì khát nhưng được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Nhờ suy nghĩ nên tự biết mình ở kiếp trước nhờ giữ giới nên được sanh thiên, thật là do lòng tin mạnh nên phước báu chẳng xa vậy. Nghĩ như thế, bèn đem hương hoa đến lễ Phật rồi đứng hầu một bên.

Còn người uống nước, phải cực khổ trải qua nhiều ngày mới đến chỗ Phật ở. Thấy đấng Chí Tôn oai nghiêm, người liền cúi đầu đánh lễ khóc lóc bạch Phật rằng:

- Con còn một người bạn muốn đến yết kiến Phật, chẳng may giữa đường bị mệnh chung, dám mong Đức Thế Tôn biết cho.

Đức Phật trả lời:

- Ta đã rõ rồi.

Liền lấy tay chỉ Tiên nhân đứng hầu một bên mà nói rằng:

- Người Tiên nhân này chính là người bạn của người

đó. Người này nhờ giữ trọn giới luật nên được sanh lên cõi Trời và được gặp ta trước người.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn chỉ tay vào ngực người kia và bảo rằng:

- Người tuy thấy hình ta mà không giữ giới luật của ta, thì tuy người thấy ta mà ta không thấy người. Người kia tuy cách xa ta ngàn vạn dặm, nhưng giữ giới luật thì người ấy tất đứng trước mặt ta.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ rằng:

*Học nhiều lại nghe nhiều,
Hai đời được ngợi khen.*

*Học ít lại nghe ít,
Hai đời bị đau khổ.*

Phàm học nên nghe nhiều,

Dầu gặp nhiều tai nạn.

Trì giới chẳng tái phạm,

Sở nguyện được thành tựu.

Giữ giới không chu toàn,

Sở nguyện bị tán mất.

Xét lý nhận yếu nghĩa,

Không gì đáng can ngại.

Lúc bấy giờ vị Tỷ kheo nghe bài kệ xong bèn tự xấu hổ, cúi đầu xin sám hối, yên lặng suy nghĩ lời Phật dạy. Còn vị Tiên nhân sanh tâm hoan hỷ, chứng được Pháp nhãn, trong chúng hội hoan hỷ phụng hành.

Minh Châu

"Giới luật là thầy của các người.

Giới luật là thọ mạng của Phật Pháp.

Giới luật còn Phật Pháp còn."



Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG CHÍNH

(tiếp theo kỳ trước)

Thấy tôi đột nhiên xuất hiện sau mấy tháng biệt tăm mắt Hân sáng lên, tỏ vẻ vui mừng:

"Ồ, tưởng ai... lâu quá không gặp lại Khang. Tôi tìm Khang cùng hết."

Hân kéo ghế mời tôi ngồi ở bàn khách, nơi chánh điện chùa Tân Nghĩa. Tôi cố giữ vẻ bình thản, dù rằng tôi cũng khá xúc động khi gặp lại người anh kết nghĩa rất thân như Hân. Tôi nói:

"Anh tìm tôi cùng khắp, chi vậy? Tôi đã nói với anh hôm chia tay là tôi đi vượt biên mà."

"Nhưng tôi vẫn cứ hy vọng là Khang còn lẫn quần trong Sài Gòn này thôi."

"Ồ, sao không hy vọng tôi thoát được mà lại hy vọng tôi còn ở đây."

"Không phải, ý tôi muốn nói tôi vẫn có cảm giác là Khang chưa thoát được, cho nên tôi muốn tìm Khang để bàn về chuyện hợp tác với một nhóm Thiên Chúa giáo ở Thủ Đức. Để tôi nấu nước pha một chút nước trà nghe. À, Khang có nhận được thư

nhắn của tôi để lại ở nhà chị Hồng, chị của Khang không?"

"Không. Lâu nay tôi đâu có ghé nhà người thân nào. Thư nhắn gì vậy?"

"Thì nhắn Khang đến để bàn về chuyện cộng tác với lực lượng của Thiên Chúa giáo đó mà."

Tôi chận ngang:

"Chứ không phải nhắn tôi đến để báo cáo công an bắt sao?"

Hân đặt ấm nước lên lò, nói nhanh:

"Làm gì có chuyện đó!" anh thở dài, nói tiếp với giọng buồn. "Đến Khang mà cũng nghĩ như vậy thì thôi, tôi hết đất sống rồi."

Nghe Hân nói vậy, tự dưng tôi mũi lòng ngay. Nhưng tôi cũng không ngăn được ý muốn vẫn hỏi Hân rõ ràng hơn về những lời đồn đại về Hân. Tôi bước đến gần chỗ bếp, nơi Hân đang nhen lửa với vài nhánh củi khô:

"Ai cũng nói anh làm việc báo cáo cho Sở Công An thành phố. Và thật tình, đã có lúc tôi cũng tin người ta nói như vậy là đúng. Bây giờ, tôi muốn nghe chính miệng anh nói. Cứ nói thật

đi. Dù sao, chúng ta cũng dễ tính toán với một sự thật hơn là những lời đồn đại, phải không? Đâu có ai che giấu một sự thật mãi mãi được. Người ta vẫn thường nói vậy mà. Cho nên, đây là cơ hội cuối cùng để anh giải thích tôi nghe, một lần thôi, về tất cả những gì mà người khác nói về anh."

Tôi thấy nhánh củi trên tay Hân hơi run run. Nét mặt Hân thì rất tỉnh. Anh cười nhặt nói:

"Khang nghĩ sao?"

"Nghĩ về cái gì?"

"Nghĩ sao về những lời đồn đó? Khang có nghĩ là tôi làm việc cho công an không?"

"Tôi đã nói khi nãy rồi. Bạn bè tôi, cả những bạn có quen biết anh, ai cũng nói vậy, và có lúc tôi cũng tin như vậy. Nhưng bây giờ, tôi muốn nghe chính miệng anh nói. Làm sao tôi có thể tiếp tục hợp tác với anh và cả nhóm Thiên Chúa giáo nào đó khi trong lòng tôi hãy còn hồ nghi về tung tích của anh! Làm sao có được tình huynh đệ hay tình bằng hữu chân thật khi mỗi hồ nghi và lời đồn đại về anh chưa được giải thích rõ ràng trắng đen!" Tôi nói ngang đó thì củi

xuống giúp Hân nhen lửa vì này giờ anh chưa nhúm được lò. Vừa sắp xếp củi trong lò, tôi nói tiếp, “thực ra nếu anh làm việc cho công an thì tôi phải sợ anh chứ sao anh lại sợ tôi mà phải che giấu chứ, phải không?”

Hân thoáng tái mặt, nhưng vốn là tay bản lĩnh, anh cười to lên một tràng rồi nói:

“Khang tưởng là tôi sợ Khang hay sợ các bạn bè khác về chuyện tôi làm việc cho công an sao?”

Tôi hơi giật mình, dù rằng chính tôi cũng mong đợi sự thú nhận của Hân. Tôi quay nghiêng, nhìn thẳng vào mắt Hân, chờ Hân nói tiếp. Nhưng Hân không nói vội. Anh bốc một nắm trà nhỏ, bỏ vào bình tích:

“Chỉ vì tôi đã từ bỏ việc làm đó từ lâu, và cũng vì chưa đến lúc cần nói sự thực nên tôi chưa nói mà thôi. Hơn nữa, nếu tôi nói quá sớm, tất cả bạn bè dạt ra xa... ngay cả Khang nữa, cũng sẽ xa lánh tôi, vậy thì còn gì là tình bạn, tình anh em nữa? vậy thì làm sao có chuyện hợp tác nữa?”

“Công tác gì đó cho công an thì cần gì cái tình bạn hay tình anh em, cần gì phải hợp tác những người chống lại chính quyền chứ!”

“Khang nói vậy là chẳng hiểu gì rồi! Khang cứ nghĩ làm việc cho công an thì phải là cộng sản, phải không? Nghĩ vậy là lầm to rồi. Đặc tình cũng có hạng cao hạng thấp, hạng giỏi hay dở... Có loại tình nguyện, có loại bị hoàn cảnh bó buộc... Đầu thể xét chung chung rồi kết luận, để rồi có thành kiến...”

Tôi bật cười lên:

“Đâu cần phải nói đến thành kiến chứ. Cứ nhìn cái thực tế trước mắt mà nói, nếu anh biết tôi là một báo cáo hay điềm chỉ viên cho công an, anh có điều gì để nói với tôi chẳng? Hay là anh cũng tìm cách tránh né tôi?”

“Không nhất thiết là phải né tránh. Cứ sống tình bơ,

đừng làm gì chống trái với pháp luật của nhà nước thì sợ cóc gì mấy tên điềm chỉ hay đặc tình!”

“Đến giờ này mà anh còn nói được những lời đó với tôi sao? Anh không nhớ rằng chúng ta kết giao với nhau vì cái gì sao? Chỉ vì muốn làm một cái gì đó cho quê hương, nhưng những gì chúng ta muốn làm thì luôn chống trái lại với nhà nước. Còn có khả năng nào để sống tình bơ như anh nói nữa chẳng? Và lại, nếu có thể sống tình bơ, không làm gì chống trái với nhà nước, tôi e rằng, giữa anh và tôi không còn gì để nói với nhau nữa. Anh bây giờ là một người thể tục, tôi là một thầy tu. Chúng ta không cùng máu mủ, không cùng trường lớp ở học đường, không cùng quê, không cùng tuổi tác... Anh sống tình bơ giữa một xã hội rối loạn và đau khổ; còn tôi thì lại sống và chết không yên lòng trong cái xã hội đó. Chúng ta có chỗ nào gọi là đồng tâm hay đồng cảnh để gần bó hay quan hệ gì với nhau nữa chứ?”

Hân xuống giọng:

“Khang chưa hiểu ý tôi. À, có lẽ vì tôi diễn đạt không đúng. Tôi nói lại để Khang nắm vững: tôi chỉ muốn nói rằng đáng lý ra, khi biết tôi từng làm việc cho công an, Khang và những bạn bè khác đừng nên sợ tôi, đừng nên lánh xa tôi mới phải.”

“Tại sao?”

“Thứ nhất, vì tôi đã hết làm việc cho họ rồi. Thứ hai, giả như tôi có làm việc cho họ thì tôi sẽ đem đến cho Khang hay các bạn bè khác, những tin tức hay biến động gì quan trọng của phía công an, chính quyền. Chẳng phải vai trò của tôi như thế là một thứ nội gián rất cần thiết cho cá nhân hay bất cứ lực lượng nào chống lại nhà nước sao? Giá như một ngày nào đó, Khang có lực lượng trong

tay mà lại không biết gì hết về nội bộ cộng sản, nội bộ nhà nước, thì Khang sẽ làm được gì? Vậy là chỉ biết ta mà không biết người. Hoạt động như thế, trăm trận bại cả trăm. Cho nên, nếu biết rằng tôi bị bó buộc phải làm việc cho công an, Khang phải biết lợi dụng tôi chứ! Tôi có phải là thằng cộng sản thứ thiệt đâu! Nói thực Khang nghe điều này: năm 1980, khi thầy Tuệ Sỹ được trả tự do, công an đã giao tôi công tác là theo dõi, báo cáo mọi sinh hoạt của thầy ấy về Sở Công An.”

Tôi nghe vậy thì lạnh mình:

“Vậy anh có đồng ý nhận công tác ấy không?”

“Có chứ sao không! Đã nói là tôi bị bó buộc mà, bộ Khang tưởng có thể từ chối được sao? Tôi là một thứ đặc tình bị bó buộc, bị cưỡng ép! Khang phải nhớ như vậy.”

“Thế rồi sao nữa?”

“Một năm đầu mới ra khỏi tù, thầy Tuệ Sỹ chỉ lo dạy học, phiên dịch kinh điển, soạn Phật học từ điển... nói chung là chỉ làm các công tác văn hóa, nên công việc báo cáo của tôi cũng đơn giản, không có gì đáng nói. Đến cuối năm 1981, thầy Tuệ Sỹ bắt đầu thành lập lực lượng gì đó, lấy nhân sự lớp học mà Khang có tham dự làm thành phần nòng cốt. Lúc đó, tôi có đến chùa Già Lam, xin gặp mặt thầy ấy. Ban đầu, ông có ý tránh né tôi, nhưng sau đó, cũng nhận lời. Tôi nói thẳng với ông ấy: việc thầy tổ chức đấu tranh chống lại nhà nước đã bị lộ, Sở Công An thành phố đã biết và họ đặc trách tôi công tác theo dõi mọi hoạt động của thầy để báo cáo cho họ mỗi tuần. Sở dĩ tôi nói thầy biết điều này là vì tôi tin rằng thầy đủ bản lĩnh để chấp nhận lá bài đặc tình của tôi như là một gián điệp đôi, một thứ nhị trùng, đi lại giữa công an và lực lượng của thầy. Tôi bảo đảm điều này có lợi cho thầy chứ không hại gì hết. Vì khi báo

cáo cho công an, tôi chỉ báo cáo những tin tức và sinh hoạt không quan trọng, tóm lại là những tin tức láo; trong khi đó, thầy lại nắm được những tin tức thật về phía chính quyền do tôi cung cấp và nhờ vậy, thầy có thể căn cứ vào tình hình và tin tức đó mà tiến hành những công việc của thầy."

"Vậy rồi thầy ấy nói sao? có đồng ý không?"

Hân thở dài:

"Nếu đồng ý thì chưa chắc giờ này ông ấy bị ngồi tù! Khang biết không, sau khi nghe tôi nói vậy, ông ấy không bao giờ chịu tiếp tôi nữa. Làm chính trị kiểu đó thì chết toi là cái chắc. Biết sao không? Điều này tôi có nói cho ông ấy rồi, bây giờ tôi nói lại Khang nghe. Tôi nhấn mạnh cho thầy Tuệ Sỹ biết: lá bài đặc tình như tôi mà thầy không tin, không dùng, thầy sẽ bị công an gài một đặc tình khác vào thay thế tôi. Khang thấy có tai hại không? Tôi, dù sao cũng là người nhà. Nếu tôi có báo cáo gì đi nữa thì tôi vẫn còn biết nghĩ đến tình huynh đệ, tình đồng đạo, biết sợ nhân quả, biết giữ đức cho con cháu, chắc chắn tôi không đến nỗi phải bán đứng thầy Tuệ Sỹ cho công an; chứ gặp một đứa đặc tình nào khác, nó có từ bỏ thủ đoạn hay hành động thất đức nào đâu. Đến lúc đó thì thầy Tuệ Sỹ coi như nằm gọn trong tay công an rồi. Chắc Khang còn nhớ, năm 1977, khi thầy Tuệ Sỹ rời Nha Trang vào Sài Gòn, cùng thầy Lê Mạnh Thát thành lập Lực Lượng Việt Nam Tự Do, lúc ấy tôi cũng là một thành viên nòng cốt của lực lượng chứ có phải là người xa lạ gì! Bây giờ, thầy ấy trong tù ra, tiếp tục hoạt động, lại từ chối tôi, xa lánh tôi, không dám sử dụng cái chiêu gây ông đập lưng ông, không dám lợi dụng tôi để nghe ngóng tin tức và tình hình của địch, vậy thì chẳng khác nào đánh địch trong bóng tối, đánh quờ quạng,

đánh lung tung, hậu quả thế nào thì biết chắc rồi. Công an nó thấy, nó nhìn, nó theo dõi mình mà mình có theo dõi được công an đâu! Muốn nhìn phải có mắt, có tai. Cái tai, cái mắt đó chính là cái thẳng đặc tình bất đắc dĩ như tôi đây nè. Tại sao các thầy, các anh, ngay cả Khang nữa, lại đẩy tôi, xô tôi đi về phía công an chứ? Tại sao không chịu chấp nhận tôi? Thử nghĩ coi, công an thấy tôi không có khả năng xâm nhập vào chùa Già Lam, không có khả năng tiến gần đến thầy Tuệ Sỹ thì chúng phải tìm một đặc tình khác mà cài vào. Mà đặc tình khác là ai? Tôi còn không biết được thì làm sao thầy Tuệ Sỹ biết! Mà đã không biết thì mỗi ngày còn to lớn gấp trăm lần hơn việc chấp nhận một đặc tình quen biết như tôi. Khang có thấy vậy không?"

Chế nước sôi vào bình trà, tôi nói:

"Nói như anh nghe cũng có lý. Nhưng đó là trên lý thuyết..."

"Lý thuyết gì! Đó là cái thực tế. Tôi không nói chuyện lý thuyết đâu. Cái thực tế trước mắt mình là thầy Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, và cả Khang nữa, đều đang đứng về phía đối nghịch với chính quyền. Các anh đều đã có lực lượng, có hoạt động chống lại nhà nước hay ít nhất cũng có dính líu đến các lực lượng chống cộng khác ở trong hay ngoài nước. Mà đã có thì các anh ấy và Khang đã bước vào thực tế rồi đó, chứ còn lý thuyết gì nữa!"

"Ý tôi muốn nói là trên lý thuyết, lá bài đặc tình của anh có lợi cho thầy Tuệ Sỹ thật, vì dù sao, anh cũng đã từng hoạt động chung với thầy trước đó. Nhưng trên thực tế, lá bài đặc tình nếu được cả hai bên chấp nhận thì nó phải làm lợi cho cả hai bên. Anh vừa có lợi cho thầy Tuệ Sỹ, vừa có lợi cho công an, phải vậy không?"

Nếu anh không làm lợi gì cho công an thì công an đâu cần anh nữa. Mà nếu anh vẫn còn có lợi cho công an thì chắc chắn là ở mặt nào đó, anh sẽ mang hại đến cho thầy Tuệ Sỹ. Ngược lại cũng vậy, anh có lợi cho thầy Tuệ Sỹ thì cũng có hại cho công an, ở một mặt nào đó."

"Nhưng nếu Tuệ Sỹ tin tôi, biết dùng tôi, bàn luận với tôi, chấp nhận tôi như một thành viên thuộc lực lượng của ông ấy thì phần hại sẽ ở trong mức tối thiểu. Ông ấy đã không làm vậy và cuối cùng thì như thế nào, Khang đã rõ. Ông lại vào tù lần nữa!"

"Anh có dính líu gì trong vụ thầy Tuệ Sỹ bị bắt không?"

"Nếu thầy Tuệ Sỹ chấp nhận tôi, cho tôi tham gia lực lượng của thầy ấy dù biết rằng tôi là đặc tình của Sở Công An, tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu ông ấy bị bắt. Đảng này, thầy xa lánh tôi nên công an gài một đặc tình khác vào chùa Già Lam. Và thầy bị bắt là do đặc tình ấy, làm sao đổ tội cho tôi được! Mà thôi, chuyện ấy đã qua rồi. Bây giờ có bàn cũng chẳng cứu được ông. Điều trước mắt cần nói là tình trạng của Khang hiện nay cũng như những gì cần phải làm trong những ngày sắp tới."

"Vậy thời gian cùng tôi hoạt động trên Long Thành... liên kết với lực lượng Phục quốc của ông Lương... lúc đó anh còn làm đặc tình không?"

"Dĩ nhiên là không rồi. Vụ thầy Tuệ Sỹ bị bắt năm 1984, tôi cũng lo trốn luôn công an vì sợ họ lôi vụ cũ của năm 1977 ra mà kết tội. Bộ Khang không thấy là suốt thời gian đó cho tới nay, tôi không có chỗ dung thân sao. Sau vụ công an vây bắt lực lượng Phục quốc của ông Lương tại Long Thành, không phải cả Khang và tôi đều trốn chui trốn nhủi sao! Thực ra, khi gài tôi vào lực lượng của

thầy Tuệ Sỹ mà không được, công an đã không tin nhiệm tôi mà chính tôi cũng đã quyết định trốn khỏi vòng kèm tỏa của họ rồi. Nghe tin thầy Tuệ Sỹ bị bắt, tôi buồn bã rời Sài Gòn, rồi tìm đến Khang, cộng tác với Khang để mong chuộc lại những tai tiếng đã mang với đời, với bạn bè... Bây giờ, tôi đang là thứ dân bất hợp pháp, cũng sống ngoài lề như Khang thấy nè. Mỗi tối tôi quần cái mền rách mà ngủ dưới đất. Nếu còn làm đặc tình cho công an, ít nhất tôi cũng tìm được chỗ ở khá hơn chứ."

Chúng tôi trở lại bàn khách, im lặng uống trà, cả hai đều chờ đợi người kia nói trước. Hân đốt điếu thuốc. Trời đứng bóng. Nắng hè gay gắt, chói chang trên con đường đất chạy ngang trước sân. Tôi mở lời:

"Sau vụ Tuệ Sỹ, rồi đến vụ ông Trần Văn Lương, anh nghĩ là mình có nên tiếp tục bày thêm một keo khác nữa chăng?"

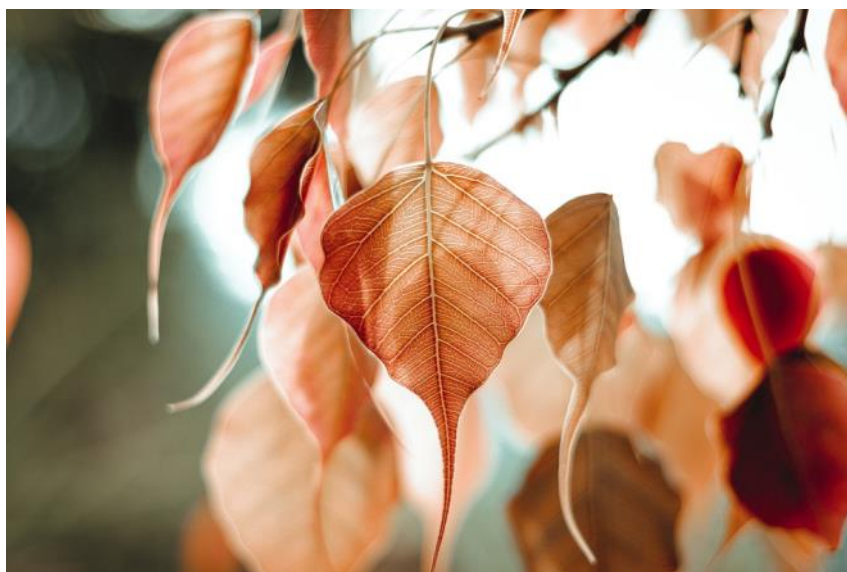
"Cái đó tùy nơi Khang mà thôi. Bây giờ Khang biết tôi đã từng làm đặc tình cho công an trước đây, liệu Khang có đủ niềm tin và bản lĩnh để cùng tôi bày một keo khác không?"

Thấy tôi còn do dự, suy nghĩ, Hân tiếp:

"Quên hết Tuệ Sỹ, Trần Văn Lương hay mấy người bạn ở chùa của Khang đi. Chúng ta làm lại từ đầu, từ con số không. Bây giờ, tất cả là do Khang đó. Khang quyết định làm gì thì chúng ta cùng bắt tay làm."

"Anh nghĩ là cái gì nơi anh khiến tôi tin tưởng để tiếp tục hợp tác khi mà thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát đã vào tù, các bạn tôi trốn lánh phiêu dạt tứ tung...?"

"Vậy có nghĩa là Khang cũng như những người bạn kia, đều cho rằng tất cả đổ vỡ là do tội chứ gì?" giọng Hân như mếu máo lúc đó, tôi thấy điếu thuốc trên tay anh rung rung. "Không lý Khang chẳng nhớ rằng khi Hòa



thượng Trí Thủ bị công an mời xuống làm việc tại Sở Công an Thành phố, đã được cho nghe cuốn băng hỏi cung Lê Phát, trong đó, Phát đã khai tất cả sự thật về mọi hoạt động của thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát hay sao? Còn vụ ông Trần Văn Lương ở Long Thành, nếu tôi báo cáo thì làm sao ông ấy, và cả Khang nữa, có thể thoát được chứ? Tại sao chỉ có tay chân của ông ấy bị bắt thôi? Những chi tiết đó không đủ chứng minh rằng tôi không dính líu vào hay sao?"

"Nhưng tại sao... trong quá khứ, vì lý do nào, anh lại phải cam tâm làm một đặc tình cho công an chứ?"

"Ai mà ham làm chuyện đó. Chỉ vì bó buộc thôi," ngưng một lúc, Hân tiếp, "Năm 1977, khi thầy Tuệ Sỹ bị bắt vì tội cư trú bất hợp pháp tại quận Bình Thạnh, lực lượng bị đổ vỡ theo, thầy Từ Mẫn trốn ra nước ngoài, những người khác, kể cả tôi, chạy tán loạn. Năm sau, tôi ra Phan Thiết vượt biên, thất bại và bị bắt. Trưởng trại Hàm Tân để ý tôi sao đó, thả tôi ra với điều kiện tôi phải làm việc cho công an. Hân cho tôi vài ngày để suy nghĩ. Với chủ ý thoát ra được khỏi tù rồi cái gì đó sẽ tính sau, tôi chấp

thuận đề nghị của hân và được hân giới thiệu cho Sở Công An thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó tôi trở thành đặc tình."

"Tại sao không chịu... ở tù, như bao nhiêu người khác. Cần gì phải chấp nhận làm đặc tình!"

"Tại Khang không có vợ con nên không hiểu nổi. Lúc đó tôi nhớ vợ con ghê lắm, chịu không nổi, phải nhận lời. Huống chi, tôi cũng có hy vọng là làm việc cho họ mình mới hiểu rõ họ như thế nào mà tìm dịp chống lại."

"Vậy rồi từ năm 1978 đến nay, 1985, là 7 năm... anh đã hiểu phương thức làm việc của công an rồi chứ gì, vậy chưa đủ cho anh để từ bỏ công tác đặc tình à? Sao không tìm cách trốn đi?"

"Đã nói rồi, hiện giờ tôi không còn làm đặc tình nữa, tôi đang trốn họ vì vụ Phục quốc Long Thành như Khang vậy. Có điều, trốn đi thì chưa có cách nào cả. Thực ra, đâu phải chờ đến lúc thầy Tuệ Sỹ bị bắt tôi mới từ bỏ công tác đặc tình! Lúc tôi ra Đà Nẵng năm 1981 là lúc tôi tìm đường thoát thân đó. Nhưng không may bị kẹt lại... để rồi có con với Thụy và mới đây lại bị họ bắt, kiểm điểm, khiến

trách, hăm dọa đủ thứ chứ đâu có dễ như Khang nghĩ. Hồi đó, tôi bị đặt vào một hệ thống đặc tình, họ gọi là tổ tam tam. Tức là một tổ gồm có ba người, mỗi người trong tổ được công an giới thiệu thêm hai người khác hoặc tự tìm thêm hai người khác với sự chấp thuận của công an, để lập riêng thêm một tổ khác nữa. Như vậy, sơ sơ trước mắt là 4 tổ rồi; nhưng bản thân một tổ viên chỉ biết được hai người trong tổ nguyên thủy của mình, cộng thêm hai người trong tổ mới lập thêm; còn ngoài ra, chẳng biết ai cả. Trong khi đó thì công an lại nắm vững tất cả các tổ viên của các tổ. Họ cho tổ này theo dõi tổ kia, đặc tình này theo dõi đặc tình nọ. Riết rồi mình nằm trong một mạng lưới khổng lồ, chẳng dám cự quạ gì hết. Chuyện gì của mình công an cũng biết. Chán vô cùng, nhưng phải chịu chứ chẳng biết sao để thoát ra."

"Nhưng đặc tình của các anh đâu có làm việc suốt 24 giờ động hồ, phải không?"

"Ừ, mỗi người còn có việc phải làm để sinh nhai như bao nhiêu người dân khác vậy thôi. Mỗi tuần phải gặp nhau một lần để kiểm điểm, báo cáo."

"Vậy thì vẫn có cơ hội để làm những việc riêng, vẫn có cơ hội để trốn đấy chứ!"

"Ừ, một số đặc tình đã thoát được ra khỏi mạng lưới ấy bằng cách trốn ra nước ngoài. Nhưng tôi thì không được."

"Vì sao?"

"Vì tôi bị hăm dọa."

"Hăm dọa thế nào?"

"Vợ con tôi, Khang biết đó: hai bà, mỗi bà một đứa con. Bà thứ hai là Thụy ở Đà Nẵng thì công an chẳng biết, chẳng để ý gì. Còn bà Loan thì ở đâu, làm gì, công an đều biết. Họ nói nếu tôi có ý đồ phản họ hoặc trốn đi thì vợ con tôi sẽ không được yên đâu, có thể bị đẩy lên vùng kinh tế mới hoặc một hình thức trừng phạt nào đó. Nhưng đó là nói thời gian trước, chứ bây giờ tôi bỏ trốn rồi, và chuyện tui nó hăm dọa tôi không còn ảnh hưởng gì

nữa, vì tôi với bà Loan đã ly dị. Không phải chính miệng bà ấy đòi ly dị đâu, chính tôi đề nghị đó. Vì ly dị bà rồi, tôi mới không bị ràng buộc bởi sự hăm dọa của công an nữa."

"Vậy thì đi vượt biên cho rồi chứ lẩn quẩn ở đây làm gì nữa chứ!"

"Nói như Khang thì dễ quá. Vậy chứ sao Khang không vượt biên đi, lại còn ở đây? Khang có phật tử, có bạn bè ủng hộ chuyện vượt biên, khỏi phải lo tiền nong gì hết; phần tôi, muốn vượt biên ít nhất phải có hai lượng vàng, tôi đào đâu cho ra. Đó là chưa kể chuyện đi có bảo đảm không. Dính vào tù lần nữa thì ăn nói sao với tui công an?"

"Vậy anh tính sao cho ổn chứ không lý cứ nằm ì ở cái chùa hoang này rồi một ngày nào đó công an bắt được, lại buộc anh làm đặc tình cho họ. Đến lúc đó... anh sẽ bán đứng hết người này đến người khác, gieo tội lỗi ngập đầu chỉ vì để tự bảo vệ mình, anh có biết không?"

Hân nhìn tôi, thở dài, lắc đầu, hớp một ngụm trà; một lúc, Hân nói với giọng tình cảm mà rất sâu sắc:

"Khang à, tôi muốn nói một câu chân tình với Khang rằng, dù thế nào đi nữa, trong mắt tôi, trong lòng tôi, Khang vẫn là một người bạn, hay hơn thế nữa, một người ân của đời tôi. Cho nên, sau này, lỡ tôi có bị bắt làm đặc tình trở lại, tôi cũng không làm sao có thể làm bất cứ điều gì phương hại đến Khang được. Thời gian còn làm đặc tình, nói thật với Khang, tôi có hại ai đâu. Tôi chỉ báo cáo những gì mà tôi nghĩ là công an ắt phải biết, những gì khá lộ liễu mà tôi thấy rằng nếu tôi không báo thì một đặc tình khác cũng báo. Tôi từng theo thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát hoạt động chống cộng năm 1977 để đến nỗi phải chạy trốn, vượt biên rồi vào

tù, làm sao có thể xoay chiều một trăm tám chục độ để theo cộng sản mà chống lại chiến hữu của mình được chứ. Chỉ vì hoàn cảnh mà thôi, và cũng chỉ trong một giai đoạn tạm thời nào đó thôi. Nếu có cơ hội thoát khỏi mạng lưới của họ, hoặc được bảo vệ bởi một lực lượng chống cộng nào vững mạnh, sức mấy tôi chịu cam tâm làm đặc tình cho bọn ứng khuyến chứ. Cho nên, dù thế nào, Khang cũng phải vững tin rằng tôi luôn luôn đứng về phía dân tộc, đứng về phía Khang, phía chính nghĩa, chứ sao có thể đứng về phía cộng sản được!"

"Nhưng cái niềm tin nơi chính nghĩa của anh, sao tôi nghi ngờ quá. Lấy ngục tù hay kinh tế mới ra hăm dọa thì tự dưng cái chính nghĩa đó đang căng đầy bỗng xì xuống ngay! Tôi chưa nói anh nghe hết những gì bạn bè nguyên rủa anh, thậm chí nguyên rủa luôn cả tôi vì chính tôi giới thiệu anh cho họ."

"Họ nói gì?"

"Từ hôm Tết đến giờ, bốn tháng rồi, công an lùng sục khắp các chùa, bổ ráp tất cả những tư gia nào có liên hệ với tôi. Từ Sài Gòn, đến Long Thành, Châu Thành, Thủ Đức, Biên Hòa, Hồ Nai, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu, cho đến Nha Trang, Bình Định, rồi Hội An, Đà Nẵng, Huế; ở miền Tây thì Long An, Mỹ Tho, Cần Thơ... Không phải chỉ tìm bắt tôi mà thậm chí tất cả những bạn bè thân hay chỉ quen biết tôi cũng đều bị theo dõi, hoặc mời về đồn bắt công an để làm việc. Tôi nghe họ nói, nơi nào có anh đến hỏi thăm tôi, nơi đó có công an đến kiểm tra hộ khẩu, lục soát. Điều này nói lên cái chính nghĩa nào đây? Phải chăng vì đại cuộc mà anh sẵn sàng dâng hiến bao nhiêu tu sĩ trẻ và công dân yêu nước cho cộng sản? hay chỉ vì an ninh của cá nhân, của gia đình anh?"

"Mấy ông thầy chùa lắm



to hết rồi. Thực ra, chuyện công an xét hộ khẩu, lục soát chùa chiến hay tư gia là chuyện thường thôi. Lâu lâu họ mở một chiến dịch kiểu đó. Làm sao biết được rằng những cuộc lục soát như vật là nhằm vào Khang hay các bạn bè của Khang chứ? Và làm sao biết được những vụ đó là do tôi chứ? Khang chạy trốn, tôi cũng chạy trốn, trốn tới đâu, tôi hỏi thăm Khang ở đó, có gì lạ chứ. Mà thực ra, chỉ tại Khang và các bạn bè của Khang có tật nên giật mình thôi. Đừng sợ. Những vụ bố ráp như vậy là nhằm chiến dịch gì đó, chẳng liên can gì đến vụ của Khang đâu!”

Tôi bật cười lên một tiếng, nói:

“Tôi không cần những lời trấn an của anh đâu. Anh không nhớ rằng, sáng ba mươi Tết vừa qua, tức là ngày lực lượng Phục Quốc của ông Trần Văn Lương bị đổ vỡ, hàng trăm nhân sự ở Long Thành kẻ bị bắt, kẻ ra đầu thú, kẻ bỏ chạy tứ tán, riêng một mình tôi ở lại đón Tết ngay tại chùa suốt nửa

tháng đầu năm hay sao? Tôi đã chấp nhận cho công an vào chùa bắt tôi mà. Nhưng rồi chính anh cho người lên nhắn tôi về Sài Gòn gấp để gặp Thượng tọa Đức Nhân... Chắc anh chưa quên chuyện đó, phải không? Nhắc lại để anh nhớ rằng, thực ra tôi không sợ chuyện vào tù đâu. Tôi có chủ trương riêng của tôi. Làm được gì cho quê hương thì làm. Thất bại thì vào tù hoặc nhận cái chết, đâu cần phải trốn chạy. Anh hiểu tôi ở điểm đó nên mới mượn danh Thượng tọa Đức Nhân để kéo tôi ra khỏi vùng Long Thành mà về Sài Gòn. Từ đó, tôi trở thành một kẻ đào tỵ, lần trốn công an, hết chỗ này đến chỗ khác, từ nhà này sang nhà kia. Thực ra, cần gì phải làm thế! Từ xưa người ta đã từng nói: có sức chơi có sức chịu. Ừ, thì tôi đã chơi một ván bài, tôi phải chấp nhận sự may hay rủi, thắng hay bại. Tôi thích vậy hơn. Nhưng rồi chính anh, cộng thêm lời khuyên của Thượng tọa Đức Nhân nữa, khiến tôi đổi ý để rồi bày ra

một trò chơi khác: trò chơi cút bắt, kéo dài nhiều ngày nhiều tháng... Dĩ nhiên, tôi không có ý trách gì lời khuyên của Thượng tọa Đức Nhân cũng như của anh vào lúc ấy. Tôi cảm ơn mới phải. Vì thương quý tôi mà Thượng tọa và anh đã khuyên tôi lần trốn. Nhưng chỉ vì cá nhân tôi mà công an Sài Gòn và tỉnh Đồng Nai có cố để lung sục khắp các chùa, các tư gia, phiền hà đến bao nhiêu người quen biết khác của tôi, điều này tôi thực chẳng yên lòng chút nào. Cho nên, tôi nói thực, tôi muốn bị bắt ngay chính trong chùa của tôi ở kinh tế mới, chứ không muốn trốn chạy. Tôi cũng không sợ hãi chuyện ở tù đến nỗi ép mình làm đặc tình cho công an giống như anh đâu. Bằng chứng là trong khi mọi người nghi ngờ anh là đặc tình của công an, tôi vẫn đích thân đến đây tìm anh đó. Tôi nói rõ như vậy để anh biết, tôi không cần ai trấn an, phủ dụ, cũng không sợ ai hăm dọa, khủng bố đâu.”

(còn tiếp)